

Phước huệ tập 3

福慧集 3

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Vạn Lợi, Thích Hữu Chơn,
Thích Giới Tường, Thích Minh Tạng,
Thích Hạnh Tín, Lâm Nghiệp Hồng

越南文翻譯：

釋萬利，釋有真，釋戒祥，
釋明藏，釋行信，林業紅

Printed and donated by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan,
R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

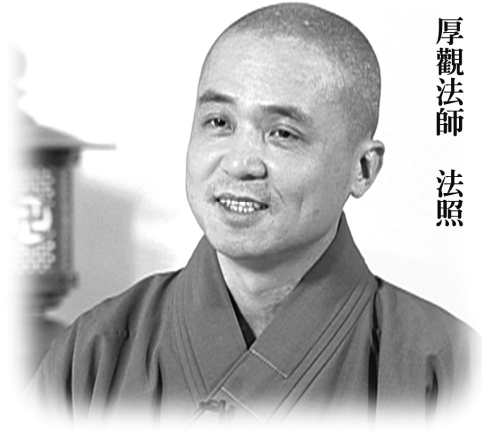
KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

Lời ngỏ

Thích Hậu Quán

Tháng 2 năm 2013, tác giả đã hoàn thiện quyển sách Phước Huệ Tập 2, chủ yếu là góp nhặt những câu chuyện trong kinh Phật, phát hành chưa đầy một năm

nhưng đã qua ba lần tái bản với số lượng lên tới 11.000 cuốn. Sau một thời gian lưu hành rộng rãi, quyển sách này đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ người đọc. Đặc biệt, trong đó có câu chuyện của một người mẹ, cô đã đem câu chuyện đọc được trong sách này kể cho con gái đang học tiểu học của mình nghe, cháu bé vô cùng thích thú và nói: “Mẹ ơi! Sao mẹ chỉ kể có một câu chuyện thôi? Mẹ kể cho con nghe hai câu chuyện luôn được không”? Người mẹ kể



厚
觀
法
師

法
照

hai câu chuyện, cháu bé lại tiếp tục mong muốn mẹ kể thêm nhiều câu chuyện nữa. Thật là một điều an ủi cho người soạn sách. Cũng theo phản hồi, có nhiều thầy cô giáo đã dùng những câu chuyện trong sách này để giảng dạy cho học sinh và họ đều nhận thấy hiệu quả giáo dục rất tốt!

Lần này, Phước Huệ Tập 3 ra đời, tác phẩm chọn lọc hai mươi câu chuyện hầu hết có ghi chép trong Đại Chánh Tạng, tập trung vào những chuyện có nhân vật và bối cảnh bắt nguồn từ Ấn Độ thời xưa nhưng ngụ ý trong mỗi câu chuyện hàm chứa tính giáo dục cao, ảnh hưởng lớn đối với người tu tập và xã hội thời nay.

Ví dụ, câu chuyện vua Ba Tư Nặc vì ăn uống quá độ, không kiềm chế đến nỗi thân thể mỗi ngày mỗi mập thêm, muốn lên xe xuống ngựa đều khó khăn gấp bội. Ngay cả trong mọi sinh hoạt bình thường như khi đi đứng, lúc nằm ngồi, muốn trở thân cũng vô cùng mệt nhọc. Đức Phật đã chỉ dạy cho nhà vua phương pháp gì, làm sao để giảm béo? Vậy xin xem câu chuyện “người trí dưỡng tâm, người ngu nuôi thân”.

Câu chuyện Ít Muốn Và Biết Đủ, đề cập đến một vấn đề thiết yếu trong cuộc sống, “có thể đưa tay ra để bô thí cho người, đôi tay ấy vô cùng cao quý; nhưng nếu thọ nhận của người, người ấy biết thiếu dục tri túc mà kéo tay vào, đôi tay ấy càng tôn quý gấp đôi”. Chúng ta biết rằng, trong cuộc sống, tiếp xúc hằng ngày, người vụng tu thường đẩy khởi tạp niệm, “tâm như vượn ý như mã”, đến lúc lâm chung tâm sở còn nhớ khởi chánh niệm chăng? Câu chuyện Điều Phục Tâm Mã này mang đến cho chúng ta lời nhắc nhở nhẹ nhàng mà sâu lắng.

Hoặc một ví dụ khác, trong chuyện Khởi Nhiễm Tâm Thất Thần Mất Mạng, kể về thầy Xá Lợi Phát trí tuệ và thầy Mục Kiên Liên thần thông đệ nhất, trong quá khứ đã từng là phu thê, gặp bọn cướp bao quanh muốn lấy mạng, nhưng nhờ hai người hiểu ý nhau, phối hợp nhịp nhàng, cuối cùng vượt qua được đoạn đường nguy hiểm. Người tu hành nếu như tên đạo tặc trong chuyện kia, tham luyến sắc đẹp, trong chớp mắt mất thần không thể phòng hộ sáu căn, sẽ đưa mình vào tình thế hiểm nguy, thậm chí mất mạng hiểm có

này.

Câu chuyện cảm động của Bồ Tát Đề Bà, đệ tử của ngài Long Thọ Bồ Tát, học vấn uyên thâm, biện tài vô ngại, chấp nhận chột mắt trong một hành động cao quý nên có người gọi ông là Độc Nhãn Đề Bà. Lúc Đề Bà đến bái kiến Bồ Tát Long Thọ, hai thầy trò lần đầu gặp nhau không dùng ngôn ngữ, mà đã tiến hành một cuộc hùng biện tinh tế, ngoạn mục. Đề Bà vì sao lại thiếu một con mắt? Giữa hai thầy trò luận biện không lời được tiến hành như thế nào? Muốn biết tường tận xin xem câu chuyện “Đề bà tìm gặp Bồ Tát Long Thọ, thả kim vào bát nước”, “Truyện Bồ-Tát Đề-bà”.

Hai mươi câu chuyện tinh lọc trong cuốn sách này là những thí dụ sâu sắc, cụ thể về những vấn đề giáo huấn trong cuộc sống. Những câu chuyện này chứa đựng tràn đầy đặc tính trí tuệ và sự hài hước. Hy vọng người đọc thể hội được hàm ý chứa đựng bên trong của mỗi câu chuyện, nhằm vận dụng khéo léo trong cuộc sống hằng ngày, những điều giản dị nhưng đôi khi ý nghĩa thật lớn lao!

Phước Nghiêm, ngày 28 tháng 12 năm 2013.

Mục lục

- Lời ngỏ.....3
- Người trí dưỡng tâm, người ngu nuôi thân..... 10
- Hãy lấy cung tên bắn vào bụng của tôi..... 17
- Ít muốn và biết đủ.....22
- Bảo hộ sáu căn như rửa râu thân.....31
- Khởi nhiễm tâm thất thân mất mạng36
- Điều phục tâm mã.....42
- Tất cả các hương thơm không bằng hương của người giữ giới48
- Tay chân mắt tai miệng tranh giành công lao56
- Khéo giữ gìn thân tâm tránh rơi vào lưới ma63
- Tại sao không tiêu diệt những con rắn độc ở bên trong.....68
- Phú quý vô thường nhanh tu lục độ.....77
- Viên hồng ngọc.....85
- Nhân duyên Đức Phật tắm cho vị tỳ kheo lâm bệnh.....90
- Nhân duyên năm trăm người mù trở lại tìm gặp Đức Phật98

- Vị Sa môn chịu bị cướp chặt đứt cánh tay để giữ mạng sống đến gặp Đức Phật và ngộ đạo.....107
- Người đầy tớ trả ơn chủ gặp Phật đắc đạo117
- Giảng Kinh không phải là nói nhiều, quan trọng là giúp người nghe hiểu được sanh trí tuệ128
- Người đàn gàn người trí như vá múc canh không hưởng hương vị của canh là gì, và người khôn gàn người trí ngược lại như lưới ném được hương vị133
- Bò tát Đề Bà tìm gặp Bò Tát Long Thọ, thả kim nhỏ vào bát nước.....141
- Truyện Bò Tát Đề Bà.....148

Người trí dưỡng tâm, người ngu nuôi thân

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng quý vị Phật tử! Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ quyển 3, phẩm Quảng Diễn thứ 29, trong Đại Chánh Tạng, quyển 4, trang 598a24-b29.

Ngày xưa, lúc Đức Phật đang ở tại nước Xá Vệ, hoàng dương Chánh pháp, giáo hóa chúng sanh gồm: trời, rồng, quỷ thần, đế vương cho đến người dân trong vùng. Đại chúng thường đến bên Ngài để được nghe thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, đứng đầu đất nước là vua Ba Tư Nặc, cá tính của vua rất kiêu mạn, phóng túng tình dục, không thâm nhiếp sáu căn; mắt luôn bị sắc làm mê hoặc; tai đắm nhiễm những tiếng dua nịnh, mũi chỉ thích ngửi những hương thơm, miệng thích nếm những vị hương như: ngọt, chua, cay, đắng, mặn v.v...

Thân thể lại thích mặc những thứ vừa mượt mà vừa êm dịu. Đặc biệt là đồ ăn thức uống, đòi hỏi phải là những thứ cao lương mỹ vị, chưa từng biết đủ. Vua ăn ngày càng nhiều, nhưng lúc nào cũng cảm thấy bụng đói. Chính vì thế mà người làm bếp suốt ngày phải tất bật nấu nướng để kịp dâng thức ăn, vì miệng nhà vua suốt ngày không ngừng nghỉ, cứ ăn liên tục, lâu ngày trở thành thói quen.

Cũng không biết từ lúc nào, thân thể của vua Ba Tư Nặc trở nên béo phì, béo đến nỗi mỗi lần lên hoặc xuống xe ngựa, đều cảm thấy vô cùng khó khăn. Không những thế, mà đến cả lúc ngủ hay thức dậy, đều có cảm giác hơi thở không được nhẹ nhàng, có lúc bị đứt quãng cho đến khi tỉnh giấc. Cứ như thế, ngồi hay nằm đều không được yên, rên rỉ thống khổ, nặng nề đến nỗi trong lúc ngủ muốn trở mình cũng khó khăn. Vua cảm nhận mập như vậy vô cùng mệt nhọc, bèn sai người chuẩn bị xe ngựa, cố gắng hết sức đi về phía đức Phật đang cư trú.

Vua Ba Tư Nặc sau khi được gặp đức Phật, người hầu cận liền đỡ nhà vua đứng lên để xá chào, sau đó

đứng qua một bên chấp tay búp sen và bạch cùng Đức Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! tôi đã lâu không đến thăm, vẫn an sức khỏe Ngài, cũng đã lâu lắm không đến thỉnh giáo Ngài. Tôi không biết tự mình đã tạo ra những lỗi lầm gì, khiến cho thân thể của tôi nặng nề đến như thế này? Chính tôi cũng không biết lí do tại sao như vậy? Mỗi khi nghĩ đến vấn đề này, trong lòng tôi cảm thấy vô cùng hổ thẹn, chính vì thế trong thời gian qua, tôi không thể đến thăm hỏi và được nghe Ngài chỉ dạy, cúi mong Đức Thế Tôn liễu tri".

Đức Phật liền nói với nhà vua rằng, có năm điều khiến cho thân thể dễ bị béo phì:

Thứ nhất là thường xuyên ăn và ăn quá nhiều.

Thứ hai là chỉ thích ngủ.

Thứ ba là tâm phóng túng.

Thứ tư là không có lo lắng.

Thứ năm là không có bận bịu.

Năm nguyên nhân kể trên sẽ khiến cho con người dễ mập. Nếu nhà vua không muốn thân thể trở nên nặng nề như thế, thức ăn, thức uống cần có liều lượng, đồng thời không nên đòi hỏi quá cầu kỳ, chỉ nên dùng

các món đơn giản có nguồn gốc thực vật, có như thể tự nhiên sẽ ốm trở lại. Và Đức Phật liền vì nhà vua mà nói bài kệ, đại ý như sau:

“Trong lúc dùng cơm, chúng ta nên khởi niệm như vậy: tự mình phải biết điều tiết phần ăn, vì ăn uống quá độ là nguyên nhân sanh ra bệnh tật. Ăn uống có liều lượng, thì bao tử sẽ dễ dàng tiêu hóa thức ăn, nhờ thế mà cơ thể được khỏe mạnh, tuổi thọ được kéo dài”.

Nhà vua nghe xong rất là vui mừng, liền gọi người đầu bếp đến và bảo rằng: “Nhà ngươi nên học thuộc bài kệ này ngay, và mỗi lần trước khi dâng thức ăn lên cho Trẫm, hãy đọc bài kệ của Đức Thế Tôn, rồi mới soạn thức ăn ra”. Sau đó, nhà vua hướng về phía Đức Phật cáo từ, rồi trở lại hoàng cung. Người đầu bếp cũng y theo lệnh của vua mà thực hành, mỗi lần dâng thức ăn lên đều đọc bài kệ cho vua nghe.

Nhà vua mỗi lần được nghe kệ, cảm thấy rất vui, mỗi ngày ăn ít lại một muống, yêu cầu thức ăn cũng được giảm dần, thân thể từ từ trở nên nhẹ nhàng, và đã bắt đầu ốm dần đi, trở lại cái phong thái của ngày

xưa.

Nhà vua nhận ra mình đã thay đổi rất nhiều, lấy làm vui thích tột cùng, cảm thấy rất nhớ Đức Thế Tôn và muốn đến gặp Ngài. Bây giờ mỗi khi cần di chuyển, chỉ muốn được tự mình bước đi, nên lần này chỉ một mình vua đi đến chỗ đức Phật đang cư trú và đánh lễ Ngài.

Đức Phật mời nhà vua ngồi xuống bên cạnh và hỏi rằng: “Xe ngựa của vua ở đâu, và những người hầu cận của vua đâu hết, tại sao vua lại đi một mình đến đây?”. Nhà vua trong niềm hân hoan trả lời: “Tôi nhờ thực tập lời dạy của Thế Tôn, bây giờ cảm thấy thân thể nhẹ nhàng đi rất nhiều, đây chính là nhờ công ơn của Ngài. Nhờ đó hôm nay tôi có thể đi bộ đến đây, và cũng rất muốn biết tại sao lại kỳ diệu đến thế”.

Đức Phật nói với nhà vua rằng: “Người ở thế gian tại sao lại khổ? Bởi vì họ không biết vô thường nên chấp trước, chỉ biết để hết lòng vào chăm sóc cái sắc thân giả tạm này, chăm lo cho dục vọng, chưa một lần để ý đến việc vun bồi phước đức. Con người sau khi nhắm mắt xuôi tay, thần thức ly tán, lưu lại nhiều nhất

cũng chỉ là xác thân vùi trong nấm mộ, muốn mang theo gì có được đâu.

Chính vì thế mà người trí, luôn đặc biệt quan tâm đến tâm ý, còn người kém trí chỉ biết nuôi dưỡng xác thân. Người trí luôn vui thích vun bồi phước đức, trí tuệ, không biết mỏi mệt, còn người kém trí chỉ biết trau chuốt khối thịt của bản thân. Nếu chúng ta hiểu được điểm này, cần phải tinh tấn tu tập, thực hành những lời mà đức Phật đã dạy”.

Đức Phật lại nói thêm một bài kệ khác:

“Một người không được nghe Chánh pháp, về sau cũng như một con bò già, chỉ biết nuôi dưỡng cái thân xác cho nặng ký, mà cái đầu lại thiếu trí tuệ.

Sống, chết vô thường, không có cái gì có thể bám víu lâu dài được. Một người không được nghe Chánh pháp, cuộc sống của họ trôi qua thật bạc bẽo, phải chịu thống khổ trong luân hồi. Chúng ta chỉ biết bám víu vào thân thể, tham đắm nơi cái thân này, nên đau khổ không có lối thoát.

Người có trí tuệ, thấu hiểu được sự thống khổ như vậy, nên không bận tâm, chấp trước nơi sắc thân, có

thể đoạn trừ vọng tưởng, tham dục, mong cầu, liền chứng đắc vô sanh nên được giải thoát”.

Nhà vua nghe xong bài kệ, vô cùng hoan hỷ, tâm ý mở ra và thấu hiểu được nên đã phát khởi tâm vô thượng bồ đề. Những người cùng nghe pháp, cũng được lợi ích lớn, thấy rõ pháp nhãn thanh tịnh nên được ngộ đạo.

Câu chuyện này muốn khuyên chúng ta, người có trí tuệ là người biết chăm sóc và nuôi dưỡng tâm thức, người kém trí tuệ thì chỉ biết nuôi dưỡng xác thân. Còn chúng ta đây, đang nuôi dưỡng xác thân phải không? Hay là đang vun bồi trí tuệ? Câu chuyện này xứng đáng cho mọi người học tập và thức tỉnh, tôi chọn ra chia sẻ, để chúng ta cùng cố gắng.

Câu chuyện này cũng được nhắc đến trong kinh Tạp A Hàm, quyển 42, kinh số 1150 nhưng ngắn hơn, còn câu chuyện trong kinh Pháp Cú thì có thêm bài kệ, nội dung phong phú hơn.

Chúng ta hãy cùng nhau tinh tấn!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 09 tháng 06 năm 2012

Hãy lấy cung tên bắn vào bụng của tôi

Kính thưa quý Thầy, quý Cô cùng quý vị Phật tử. Hôm nay tôi xin được chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện.

Câu chuyện này được trích từ “Kinh Luật di tướng” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 53, trang 108b11-22. Đó chính là câu chuyện thứ hai mươi bốn “Vị hành giả độ người thợ săn”, nói về một người tu làm thế nào để độ được người thợ săn.

Vào thời quá khứ, có một vị thầy ngày đêm tu hành rất tinh tấn, không hề trễ nãi. Tuy tu thì tu nhưng bụng vẫn biết đói, nên một ngày nọ thầy xuống núi đi khát thực, trên đường đi gặp một người thợ săn. Vì bụng quá đói, nên thầy đã đến khát thực chỗ người này. Anh ta vô cùng tức giận, giương cung tên lên định giết, nhưng thầy liền bảo: “Đợi đã, đợi đã, nếu anh muốn bắn tôi, thì đừng bắn những bộ phận khác, hãy bắn ngay vào bụng của tôi”. Và rồi thầy liền vạch

áo chỉ vào cái bụng của mình rồi nói tiếp: “anh hãy bắn vào bụng tôi đây.” Lúc ấy, người thợ săn nói: “Lạ thay, thường thì ai cũng đều sợ chết, sao ông không có một chút hoảng sợ, lại còn vạch áo cho tôi bắn vào bụng, chuyện này rốt cuộc là thế nào?”

Khi ấy thầy mới bảo: “Bởi vì cái bụng của tôi cần ăn, vì việc ăn, khiến tôi không từ mọi nguy hiểm, đều là tại nó làm hại tôi”.

Người thợ săn nghe xong liền nghĩ: “Ôi! Vì cái bụng mà khiến cho người này không từ mọi nguy hiểm, vậy bản thân ta nào khác gì mấy? Ta hằng ngày trèo núi vượt non, đối mặt với sự nguy hiểm của hùm beo, dã thú, suy cho cùng há chẳng phải vì cái bụng sao?”. Sau đó, người thợ săn liền sám hối với thầy. Và thầy đã giảng giải cho anh ta nghe về nỗi thống khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và sự an lạc của niết bàn tịch tịnh. Người thợ săn nghe xong liền tỉnh ngộ, nhận ra nghiệp sát của bản thân đã quá nặng, liền phát bồ đề tâm, xin thọ trì tam quy ngũ giới.

Cũng có một câu chuyện tương tự như vậy, được nhắc đến trong “Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ

nại da dượt sự” quyển 3, thuộc “Đại chánh tạng” quyển 24, trang 12b15- c3.

Chuyện kể rằng, có một Thầy tỳ kheo, pháp danh Viên Mãn, ôm bình bát vào thành khát thực, tình cờ gặp một người thợ săn vác cung tên rời khỏi thành, hớn hở chuẩn bị cho một chuyến đi săn. Lúc đó người thợ săn nghĩ: “Thầy tu thì giữ giới sát. Ôi! Ta gặp phải ông ta thật là xui xẻo, há chẳng phải khiến ta hôm nay không có thu hoạch gì sao?”. Thế là anh ta liền giương cung định giết thầy Viên Mãn.

Thầy Viên Mãn thấy vậy liền vạch áo và bảo với anh ta rằng: “Anh hãy bắn vào cái bụng của tôi.” Và đọc tiếp câu thơ: “Phi điều tại không, lộc xứ lâm”. Thầy giải thích: Câu này có nghĩa là: “Chim chóc bay lượn trên trời, đàn nai trú trong rừng sâu”. Chúng nó đều vì muốn no bụng, mà bị rơi vào lưới bẫy của thợ săn. Giữa người với người đôi khi vì cái ăn cũng cầm dao, vác cung tàn sát lẫn nhau đến thương tật chết chóc. Loài ngạ quỷ, chịu sự bức bách của cơn đói khát, nên phải nuốt hòn sắt nóng, khi khát phải uống nước đồng sôi, đến nỗi ruột gan tan rã, chung quy cũng vì

cái bụng. Tôi từ trước đến nay cũng vì cái bụng này, vì nuôi sống thân mạng mà phải lặn hụp mãi trong luân hồi, chịu biết bao khổ não.

Người thợ săn nghe xong chột nghĩ: “Vị xuất gia này không hề tỏ ra sợ hãi, thật là hiếm thấy, lời khai thị rất sâu sắc, hạnh nhẫn nhục đã thành tựu, ta làm sao có thể gây tổn hại thầy được?”. Thế là anh ta liền sám hối với thầy Viên Mãn, và xin được thọ trì tam quy ngũ giới.

Câu chuyện này cho chúng ta sự cảnh tỉnh. Khi bụng đói chúng ta sẽ tìm thức ăn, đúng không nào? Nhưng nếu lúc tư lương của phước đức, trí tuệ cạn kiệt, chúng ta có chịu gấp rút vun bồi giới, định, tuệ hay không? Cổ đức có câu: “Đạo tâm chi trung hữu y thực, y thực chi trung vô đạo tâm”, nghĩa là: “Trong đạo tâm chứa đủ y thực, trong y thực không có đạo tâm”. Một người trong tâm có đạo, người đó sẽ không phải chịu nỗi khổ đói khát, thiếu thốn y phục, lại được chư long thiên hộ pháp và mọi người hộ trì. Ngược lại “Trong y thực lại không có đạo tâm”, nghĩa là nếu tâm chúng ta cứ như vượn chuyền cành, mãi truy cầu ăn

sung mặt sướng, thì sẽ mất dần đạo tâm.

Câu chuyện trên có giá trị cảnh tỉnh, định hướng cho chúng ta trong cuộc sống.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng hơn!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 26 tháng 11 năm 2011

Ít muốn và biết đủ

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng quý Phật tử. Hôm nay tôi xin được chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ “kinh Đại trang nghiêm luận” quyển 2, kinh số 9, thuộc “Đại chánh tạng” quyển 4, trang 267a4- c25.

Vào thời quá khứ, có một vị tỳ kheo tình cờ đến một khu nhà bị bỏ hoang, phát hiện được một bảo vật, đó là một cái chum đồng lớn chứa đầy trân báu. Vị này liền về dẫn một vị cư sĩ nghèo đến và nói với ông: “Bên kia có một cái chum bằng đồng đựng đầy những trân báu, ông có thể lấy đem về nuôi sống gia đình.

Vị cư sĩ đáp: “Thầy thấy bảo vật ấy vào lúc nào?”.

Vị tỳ kheo đáp: “Tôi vừa mới thấy, nên liền dẫn anh đến” .

Nghe xong, vị cư sĩ chậm rãi nói: “Thật ra vài năm trước đây, tôi đã tình cờ phát hiện bảo vật này, nhưng không dám chạm tới nó, bởi vì nó ẩn chứa nhiều tai họa, nếu chuyện này đến tai nhà vua, có khả năng người lấy phải chịu hình phạt, hoặc bị giam cầm, thậm

chí bị xử tử. Nỗi thống khổ này, thật không thể kể xiết”.

Vị cư sĩ mới đọc bài kệ, đại ý như sau: “Tôi trước đây phát hiện báu vật ấy, nó ở đây đã nhiều năm, hiểm họa mà nó mang đến còn hơn cả nọc độc của mãng xà, nguy hại rất lớn. Thế nên, tôi không dám sinh khởi một mảy may tham luyến nào”.

Bởi vì báu vật ấy có thể gây hại, khiến tôi bị giam cầm cho đến chết, những tai họa này cũng từ lòng tham mà sanh. Nếu tham chấp báu vật, sẽ tự nhận lấy các thống khổ. Thống khổ này làm cho người phải khiếp sợ. Bởi thế, tôi không hề khởi tâm tham cầu, đến gần nó.

Tuy nhiên, nhiều người hay ham thích những bảo vật như vậy, xem chúng như món đồ chơi trân quý, ngày ngày say sưa thưởng thức ngắm nghía, mà không thấy được đó là vật nguy hại, tạo những cảm giác an lạc không có thật. Nó nguy hại như thế, còn tha thiết dùng đến sao?

Như thân thể chúng ta cũng là sự giả hợp từ máu và mủ, dùng để duy trì sinh mạng. Thân này sớm

muộn gì cũng sẽ hư hoại, thì sao phải ham thích những trân báu ấy?

Tham mà không biết chán mỏi, thì cũng như một đồng lửa đang cháy trước mặt, thêm bao nhiêu củ khô vào cũng không đủ, đều bị lửa thiêu trụi, tâm tham không chán mỏi của con người cũng giống y như vậy”.

“Nếu thầy thương tôi, thì nên hướng dẫn pháp thiếu dục tri túc, không hiểu sao thầy lại chỉ tôi đến chỗ đề bảo vật ấy?

Thiếu dục tri túc, có thể mang đến cho con người an lạc. Nếu lòng tham muốn quá sâu nặng sẽ khiến cho các căn không yên, tâm luôn tham cầu không biết chán, và sẽ tăng trưởng vô số khổ não.

Người đa dục thường sanh nhiều niệm dục, tham cầu lợi ích không có chỗ dừng như miệng của cá Ma Kiệt. (Cá Ma Kiệt là một loại cá lớn, nó có thể nuốt rất nhiều thuyền bè trên biển).

Người ít dục vọng sẽ không tham cầu nên không có khổ não, tâm thường thanh thoi”.

Vị cư sĩ không ngừng tán thán pháp thiếu dục tri

túc, khiến vị tỳ kheo cảm thấy thật hy hữu, nên tán thán rằng: “Lành thay! Lành thay! Đại trọng phu! Ông tuy không xuất gia, không khoác pháp y, nhưng lời ông vừa nói đều tùy thuận sự chỉ dạy của đức Phật. Ông thể hội được pháp thiếu dục tri túc, chính là pháp mà chư Phật đồng khen ngợi.”

Vị tỳ kheo nói tiếp: “Lời ông vừa nói, khiến ta cảm thấy vô cùng hổ thẹn. Ông là cư sĩ, có vợ con, quyến thuộc, lẽ ra vì lo toan cho cuộc sống mà càng phải tham cầu nhiều tiền tài, thật không ngờ ông có thể y theo lời Đức Phật dạy mà thực hành, tán thán pháp thiếu dục tri túc.

Giả sử có người dùng sắt làm lưỡi để miệt thị pháp thiếu dục tri túc, thì cũng chẳng thể lay động được pháp này. Tôi tuy đã cắt bỏ râu tóc, mặc pháp y, hiện thân tỳ kheo, nhưng tâm lại quên đi pháp của bậc sa môn, lại còn bảo ông làm việc tham cầu, không xiển dương pháp thiếu dục tri túc mà chư Phật đồng tán thán. Thiếu dục tri túc chính là nguồn gốc của các thiện pháp. Trong kinh, Đức Phật cũng luôn khen ngợi pháp này là nền tảng của người tu.

Vào thời quá khứ, sau khi Đức Phật khát thực xong, nếu có dư vật thực, ngài sẽ chia phần cho các vị đệ tử, có khi thả xuống nước chia sẻ cùng loài côn trùng.

Bấy giờ có hai vị tỳ kheo vì khát thực không đủ dùng, vẻ đói hiện rõ trên nét mặt. Đức Phật thấy vậy liền bảo: “Ta còn vật thực, hai thầy có thể đến lấy mà dùng .” Một vị tỳ kheo trả lời: “Kính bạch Thế Tôn! Ngài thường dạy: Thiểu dục tri túc có công đức lớn, con sao có thể tham dùng thêm vật thực” nên vị ấy đã không đến nhận.

Vị tỳ kheo còn lại thầm nghĩ: “Ôi! Vật thực mà Thế Tôn nhường phần hiếm khi mới có được. Vật thực này được các phạm thiên, trời đế thích, thiên vương v.v... cung kính cúng dường. Nếu mình thọ dụng, thì dung mạo, khí lực, an lạc, biện tài sẽ tăng trưởng, sao lại không thọ dụng chứ?” Nghĩ thế nên vị ấy liền đến nhận.

Lúc ấy, Thế Tôn tán thán vị tỳ kheo thứ nhất: “Thầy đã thực hành đúng pháp thiểu dục tri túc!” Còn vị tỳ kheo thứ hai thì không được Đức Phật tán thán.

Tuy Ngài đã cho phép được thọ dùng, nhưng lại không hề khen vị này. Vậy mới biết pháp thiếu dục tri túc là nền tảng của giới luật được Đức Phật chú trọng”.

Nói xong, vị tỳ kheo đọc một bài kệ, đại ý như sau:

“Muốn đạt được lợi ích của pháp, cần thấu hiểu về thiếu dục và tri túc, pháp này chính là an lạc làm trang nghiêm bậc thánh.

Đời này có thể gác lại mọi lo toan, an lạc không ưu sầu, đây chính là cánh cửa đầu tiên để bước vào cung điện đại Niết bàn.

Để vào được cung điện Niết bàn, chúng ta phải trải qua nhiều thử thách, vượt qua các ma chướng. Thế nên, phải lập hàng rào bảo vệ trên đường để ngăn trừ chúng ma quân, mà pháp ấn vô thượng giúp mọi người vượt qua cảnh giới ma ấy chính là thiếu dục và tri túc. Pháp ấn này được chư Phật giữ gìn và ấn chứng nhiều lần, thế nên vô cùng quan trọng.

“Trì giới như biển cả, thiếu dục như hải triều”. Hải triều tạo nên biển cả, nhờ pháp thiếu dục mới thành

tự được sự trì giới. Và thiếu dục có khả năng bảo hộ kiên cố, không làm rơi mất các công đức. Nếu tham cầu mà cảm thấy mệt mỏi, thì cần dừng lại, chớ nên bôn ba tìm kiếm nữa (Giống như chiếc xe chạy đường dài cần dừng lại nghỉ ngơi, nơi dừng chân chính là bên thiếu dục tri túc. Khi quá mệt mỏi trong tham cầu thì nên buông xuống, hãy ngừng tâm tham, an trú trong bên thiếu dục tri túc).

Thân cận với người thiếu dục tri túc, ví như gần người vắt sữa; từ sữa tươi nguyên chất này mới có thể tạo ra các loại bơ sữa. Cũng như vậy, thiếu dục tri túc có thể sinh ra muôn vàn công đức.

Chúng ta đưa đôi tay ra bố thí cho người, thì đôi tay ấy thật tôn quý. Với người được nhận, nếu biết thiếu dục tri túc mà nhường lại cho người khác, thì đôi tay ấy càng thêm tôn quý.

Nếu có người nói: “Tôi xin tặng vật này cho bạn.” Câu nói này thật là bảo vật vô giá. Và nếu người được tặng đáp rằng: “Cảm ơn lòng tốt của bạn, nhưng tôi đã đủ dùng”. Thì câu nói này càng thêm vô giá.

Vậy nên chúng ta muốn có được pháp lạc thì nên

thường thân cận với người biết thiếu dục tri túc. Và Đức Phật, đấng Thập Lực Đạo Sư (Đức Phật hội đủ: thập lực, tứ vô sở úy, mười tám Pháp bất cộng) cũng dạy rằng: thiếu dục tri túc là pháp của bậc thánh (đức Phật dạy về “tứ thánh chủng”, đó là: cần biết đủ về y phục, biết đủ về đồ ăn thức uống, tòa ngồi, và ngài còn dạy: tình nguyện đoạn trừ, hoan hỷ tu tập. Vậy nên thiếu dục tri túc chính là Pháp của bậc thánh).

Thiếu dục tri túc không lo cất chứa tài vật, chú trọng việc tăng trưởng tri giới, đa văn, trí tuệ, chính là Pháp thực của bậc Sa môn. Vật thực không chỉ vật chất ở bên ngoài hay của thế tục. Chúng ta cần lấy Pháp làm vật thực. Và thiếu dục tri túc chính là Pháp thực của người xuất gia và tại gia.

Tuy chúng tử khát ái vẫn còn, nhưng chúng không lay động được người thiếu dục tri túc. Chưa nói đến việc đời sau được an vui, mà ngay thực tại này, người ít muốn, biết đủ cũng được an trú trong an lạc” .

Câu chuyện trên nhắc chúng ta cần biết thiếu dục, tri túc, nghĩa là “ít muốn, biết đủ”. Trong đó có những ví dụ rất sâu sắc, như: Chúng ta đưa đôi tay ra bớ thí

cho người, thì đôi tay ấy thật tôn quý. Với người được nhận, nếu biết thiếu dục tri túc mà nhường lại cho người khác, thì đôi tay ấy càng thêm tôn quý. Nếu có người nói: “Tôi xin tặng vật này cho bạn” . Câu nói này thật là bảo vật vô giá. Và nếu người được tặng đáp rằng: “Cảm ơn lòng tốt của bạn, nhưng tôi đã đủ dùng”, thì câu nói này càng thêm vô giá.

Hy vọng chúng ta cùng nhau sách tấn tu tập.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 21 tháng 04 năm 2012

Bảo hộ sáu căn như rùa đầu thân

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ trong Đại Chánh Tạng, quyển số 4, trang 584b10-c4.

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, có một vị đạo nhân tu tập dưới một gốc cây cạnh bờ sông, trong suốt 12 năm, nhưng lòng ham muốn vẫn chưa được đoạn trừ, vọng tưởng vẫn còn nhiều, nên tâm chưa được định và ý cũng chưa được an trụ. Tuy mỗi ngày ngồi thiền dưới gốc cây bên bờ sông, nhưng vẫn còn tham đắm, chấp trước; tham muốn của sáu căn vẫn còn sanh khởi, đó là: mắt nhìn hình sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi các hương, miệng nếm mùi vị, thân tiếp xúc ngoại cảnh, tâm vọng tưởng các pháp. Có nghĩa là chưa nhiếp phục được sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Chúng vẫn còn bị chi phối bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Thân tuy ngồi yên ở đó,

nhưng tâm của vị này đã vân du khắp nơi, không biết lưu lạc vào cảnh giới nào; khi tâm không an trú được, dù có trải qua mười hai năm tu tập, cũng không thể nào chứng đạo.

Đức Phật biết vị này nhân duyên sắp chín muồi, nên cần được hóa độ. Ngài liền hiện thân làm vị Sa môn và đi đến đó, ở dưới gốc cây cùng ông tu tập trong một đêm.

Màn đêm buông xuống, trăng dần lên cao, có một chú rùa từ bờ sông bò đến phía gốc cây. Ngay lúc đó, có một con rái cá rất đói, đang trên đường đi kiếm thức ăn, gặp được rùa liền nghĩ chặn rùa lại, làm một miếng là no nê. Rùa liền nhanh nhẹn rút đầu, đuôi và tứ chi vào trong mai của mình, đương nhiên rái cá không thể ăn được rùa rồi. Không còn cách nào khác, rái cá giả vờ bỏ đi. Bấy giờ rùa bèn nhô đầu, đuôi và bốn chân, từ từ di chuyển. Thấy vậy rái cá lập tức chạy đến chụp lấy rùa, nhưng rùa cũng tức khắc thu thân vào nằm yên trong mai, rái cá không làm gì được nên đành bỏ đi. Nhờ thế mà rùa thoát nạn!

Thấy vậy, vị đạo nhân nói với vị Sa môn rằng:

“Con rùa nhờ có cái mai làm giáp nên bảo toàn tính mạng, do đó rái cá không đe dọa được mạng sống của nó”. Vị sa môn liền trả lời: “Tôi thấy con người ở thế gian có điểm còn không bằng con rùa này. Chúng ta vì không hiểu biết vô thường, nên cứ để sáu căn buông lung, các ma bên ngoài thừa dịp sáu căn sơ hở mà chui vào. Hình hài này sau khi mục nát, thần thức sẽ lìa xa và chịu sanh tử luân hồi trong năm đường ác, không lúc nào ngừng, lãnh lấy muôn vàn sự khổ đau, tất cả đều do tâm ý tạo ra. Vì thế chúng ta tự mình phải biết sách tấn, ra sức tu học để được an nhiên giải thoát”.

Lúc đó vị Sa môn nói một bài kệ, có đại ý như sau:

“Thân thể của chúng ta, tuy có hình hài nhưng phải chịu sự chi phối của vô thường, không thể tồn tại lâu dài, cuối cùng cũng phải trở về với đất, chỉ là một nắm đất vàng. Khi hình hài mục nát, thần thức cũng ra đi, như vậy thì chỉ tạm thời gởi gắm thân này nơi thế gian, có gì để mà tham đắm?”.

“Tâm sở hành xứ”, tức là chỉ cái tâm của chúng ta

không ngừng thay đổi, không ngừng dạo chơi, hiện hữu khắp chốn, đến đến đi đi không có chỗ tận cùng. Trong khi các ý niệm của chúng ta sanh khởi, thường là tà niệm, tạp niệm và vọng niệm. Vì không có chánh niệm nên đã mang lại rất nhiều cay đắng và phiền muộn.

Những thứ này đều bắt nguồn từ tâm ý chúng ta mà sanh ra, không phải do bố mẹ tạo tác. Chúng ta cần phải có phương pháp nhìn nhận thật đúng đắn để tiến tới, cần phải vun bồi phước đức, không nên thay đổi tâm ý của mình và cũng không được thoái lui.

Chú rùa này thân nhiếp đầu, đuôi, và bốn chân; người tu cũng nên như thế. Chúng ta cần phải thân nhiếp sáu căn, “phòng ý như thành”, tức là ngăn chặn những tạp niệm trong tâm thật kỹ lưỡng, cũng giống như giữ thành, không cho kẻ thù tấn công vào. Chúng ta cần phải bảo vệ tâm niệm vững vàng như tường thành vậy, không cho những con ma bên ngoài nhập vào; cần phải có trí tuệ để đối trị với bọn ma này. Nếu có trí tuệ đối đầu với chúng và được thắng, thì sẽ không còn phiền não.

Vị đạo nhân nghe thầy Sa môn nói xong bài kệ, tâm tham và vọng tưởng đều tan biến, liền chứng quả A La Hán. Sau khi biết được vị Sa môn chính là hiện thân của Đức Thế Tôn, vị ấy vô cùng cung kính, chỉnh lại pháp phục và đánh lễ Đức Phật. Bây giờ các hàng trời, rồng và quỷ thần đều rất hoan hỷ.

Có thể đối chiếu câu chuyện này với câu chuyện số 1167 trong Kinh Tạp A Hàm, thuộc Đại Chánh Tạng, quyển số 2, trang 311c9-26, để tham khảo thêm.

Nội dung chủ yếu của câu chuyện là muốn nhắc nhở chúng ta cần phải bảo vệ cẩn thận các căn, đặc biệt là thân nghiệp: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, không được buông lung, nên giữ chánh niệm, tu định và cũng phải tu huệ.

Chúng ta hãy cùng nhau nỗ lực!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 14 tháng 04 năm 2012

Khởi nhiệm tâm thất thần mất mạng

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng đại chúng một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Phá Tăng Sự” trong Đại Chánh Tạng, quyển 24, trang 204b28- 205a8, cũng là nhân duyên của Luật Tạng.

Nhân vì việc Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp tăng đoàn, và có 500 vị tỳ kheo theo ông học đạo, nên thầy Xá Lợi Phất và thầy Mục Kiền Liên vội vàng đến khuyên các vị ấy và nói rằng: “Đề Bà Đạt Đa thật sự không có sự hiểu biết và cái thấy chân chánh, quý thầy nên trở lại cùng tu học với Đức Phật”. Sau đó các vị tỳ kheo này đã trở lại với Đức Phật. Khi ấy Thế Tôn liền bảo: thầy Xá Lợi Phất và thầy Mục Kiền Liên, hai vị này trong quá khứ rất là hiểu ý nhau, vậy nên đời này, một vị là trí tuệ đệ nhất, một vị là thần thông đệ nhất, có thể cộng tác với nhau, phá tan âm mưu của Đề Bà Đạt Đa. Đức Phật còn nói rõ: thầy Xá Lợi Phất và thầy

Mục Kiên Liên trong quá khứ là vợ chồng, nhân duyên của hai vị đó là như vậy.

Trong quá khứ, có một người võ nghệ xuất chúng thường lên núi luyện tập. Ông ấy rất điều luyện các môn kỹ nghệ như: bắn cung, múa kiếm v.v... Về sau, ông có được một người con gái, người con này theo thời gian dần trưởng thành. Ông nghĩ rằng: “Con gái của ta không nên tùy tiện gả cho người khác. Người nào muốn cưới, tệ nhất tài năng cũng phải tương đương với mình, và phải cùng một chí hướng thì mới gả được”.

Sau đó không lâu, có hai người thanh niên lên núi tìm thầy học võ. Một người thì học hết năm môn kỹ nghệ, người còn lại chỉ mới học được một môn, bốn môn kia không thông. Đương nhiên là người con gái sẽ được gả cho chàng trai giỏi hơn.

Chàng trai chỉ biết một môn kỹ nghệ vì không lấy được vợ nên hậm hực bỏ đi. Sau đó anh ta gia nhập băng cướp, luyện tập đao pháp vô cùng điều luyện, và tập hợp đồng bọn mai phục gần một con đường, chờ dịp người sư huynh đi qua sẽ giết ngay.

Sau đó không lâu, chàng thanh niên điêu luyện năm môn kỹ nghệ cưỡi ngựa đưa vợ đến một nơi xa. Họ đến một địa phương, nhìn thấy rất nhiều người đi buôn đang đứng lại phía trước mà không đi tiếp. Anh bèn xuống ngựa hỏi: “Ủa! Các vị tại sao lại dừng ở đây, không đi tiếp đi?”. Một người trong đó đáp rằng: “Đoạn đường phía trước có bọn cướp đang mai phục”. Chàng thanh niên bảo: “Những tên cướp đó có gì phải sợ? Nếu mọi người không đi, thì chúng tôi đi trước đây”. Sau đó anh ta thúc ngựa tiến phía trước, những người lái buôn thấy vậy bèn đi theo sau.

Lúc đó những tên cướp đứng nấp trên cây, từ xa trình sát, vừa nhìn thấy có người đi đến, vội vàng thông báo với tên thủ lĩnh: “Thưa đại ca, có xe đang tiến tới!”.

Trong băng cướp có một tên đến khuyên chàng thanh niên giỏi võ: “Huynh hãy dẫn mọi người đi đường vòng, đừng tiến tới trước nữa, trong chúng tôi có một người võ nghệ rất cao cường”.

Chàng thanh niên giỏi võ đáp:

“Hắn võ nghệ cao cường, tôi đây cũng không

kém”.

Sau đó tên thủ lĩnh băng cướp sai năm đàn em xông ra nghênh chiến với chàng trai. Chẳng mấy chốc, cả năm tên đều bị san bằng, không ai còn sống sót. Thấy vậy tên cầm đầu cho thêm hơn hai mươi bọn đàn em nữa sáp đến, nhưng cũng trong chớp mắt đều bị giết sạch.

Và rồi toàn bộ băng cướp đều xông ra, kết quả đều bị mất mạng, chỉ còn duy nhất tên cầm đầu, chính là sư đệ của chàng thanh niên giỏi võ, Huỳnh đệ nhận ra nhau, hai người chính thức giao chiến.

Người anh bắn cung liên tiếp (có tất cả 500 mũi tên), 499 mũi tên liên tiếp bắn ra, nhưng đều bị chặn, vì đao pháp của người em quá điêu luyện, chỉ còn sót lại mũi tên cuối cùng.

Vợ của người anh thấy vậy bèn hỏi thúc chồng: “Phu quân! Phu quân! chàng để lại mũi tên cuối cùng làm gì vậy? bắn nhanh lên! bắn đi! nhanh lên!”.

Người chồng đáp: “Không được! Không được! Đao pháp của đối phương rất tuyệt, sức phòng vệ cực kỳ giỏi, phải đợi vào thời điểm tốt nhất, lúc anh ta mất

cảnh giác thì bắn một phát mới có thể lấy mạng được!”.

Người vợ nghe xong hiểu ý ngay, liền xuống xe tung tăng nhảy múa. và chỉ trong một sát na động tâm, tên thủ lĩnh bị người anh giương cung kết liễu.

Người em lúc sắp mạng chung đọc bài kệ:

Không ai giỏi hơn ai

Sao giết chết được ta

Vì tâm ta bị nhiễm

Thiếu cảnh giác mất mạng.

Tài bắn cung của huynh chẳng phải đã giỏi nhất, đao pháp của tôi cũng không tồi. Tôi mất mạng không phải vì tài bắn cung của huynh xuất chúng, mà chỉ vì tôi khởi nhiễm tâm nhìn người nữ, nên trong chớp mắt bị mất mạng”.

Bấy giờ Đức Phật nói với các vị tỳ kheo: Các thầy có biết chàng trai có tài bắn cung là ai không? Đó chính là thầy Xá Lợi Phất, còn vợ anh ta chính là thầy Mục Kiền Liên. Hai vị này trong quá khứ là vợ chồng. Còn người thủ lĩnh băng cướp, chính là Đề Bà Đạt Đa. Trong tiền kiếp, thầy Xá Lợi Phất và thầy Mục Kiền

Liên là đôi vợ chồng rất hiểu ý nhau nên mới có thể phá tan được sự hành hung, làm loạn của Đề Bà Đạt Đa. Hiện tại Đề Bà Đạt Đa lại muốn phá sự hòa hợp của tăng đoàn, hai thầy cũng ra tay để giải trừ”.

Câu chuyện này có ý nghĩa thật sâu sắc, hai người có được sự hợp ý, không chỉ là nhân duyên trong một đời, có thể sự hiểu nhau ấy đã được gieo trồng trong nhiều kiếp quá khứ. Chuyện còn nhắc nhở chúng ta: Chạy xe trên đường, nếu thiếu sự tập trung, thì đôi lúc trong khoảnh khắc, cũng có thể bị mất mạng. Việc tu hành cũng như thế, nếu chúng ta thiếu tỉnh giác, không cẩn thận phòng hộ các căn, thì đôi lúc trong chớp mắt ảnh hưởng không tốt đến huệ mạng của mình.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 24 tháng 12 năm 2012

Điều phục tâm mã

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện ngắn. Câu chuyện này được trích từ Chúng Kinh Tuyên Táp Thí Dụ, quyển 1, kinh số 4, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 532a18-b23

Câu chuyện đề cập đến việc trì giới. Người hành trì giới luật thì sở nguyện luôn được viên thành, còn người phạm giới, sẽ tổn giảm đạo hạnh. Ở đây có thể đưa ra một ví dụ để minh họa.

Có một người nọ, thường hướng về cúng dường trời. Vì người này rất nghèo khó, và cúng dường trong suốt 12 năm, nên mong được giàu sang. Trời thương xót ông cơ cực, mà biết thành tâm cúng dường nên hiện thân hỏi: Ông có ước nguyện gì không? Ông trả lời: “Tôi muốn được giàu sang. Mong sao những ước nguyện của tôi được như ý, điều nào cũng được toại nguyện”.

Trời liền cho ông ta một chiếc bình, có tên là bình

công đức. Trời nói: “Ông muốn thứ gì, những thứ đó sẽ từ trong bình này hiện ra”. Ông nghe xong lấy làm vui sướng, liền mong cầu có ngựa, xe, bảy loại trân bảo¹, và mọi thứ đều được như ý.

Có nhiều người lấy làm lạ, bèn tìm đến hỏi: Ông trước đây nghèo cùng, tại sao bây giờ lại trở nên giàu có như vậy? Nhờ vào đâu mà ông được như hôm nay? Ông trả lời: “Là nhờ tôi từng cúng dường trời, nên trời cho tôi một chiếc bình, gọi là bình công đức. Bình công đức này, tùy theo ý mình muốn, sẽ hiện ra vô số trân bảo”. Mọi người lại hỏi: “Chiếc bình công đức đó hình dạng nó như thế nào, có thể mang ra cho chúng tôi xem không?” Ông ta rất kiêu hãnh, sung sướng, hớn hờ mang chiếc bình ra.

Vì đắc ý vênh váo, không cẩn thận nên làm chiếc bình vỡ nát. Chiếc bình không còn nguyên vẹn, đương nhiên bảo vật cũng không thể xuất hiện nữa, đến cả những vật quý trước đây từ trong bình hiện ra

¹ Theo kinh Phật thuyết A Di Đà thì bảy loại trân bảo bao gồm: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

cũng biến mất luôn.

Đoạn kinh này nhắc chúng ta: “Người trì giới, thì tất cả sự an lạc thù thắng đều được như ý muốn. Nếu phạm giới, kiêu ngạo, phóng dật thì cũng như người làm vỡ chiếc bình kia, thứ gì cũng không còn”. Do đó, người muốn được niềm vui ở cõi trời hay hưởng sự an lạc giải thoát ở niết bàn, cần phải kiên trì gìn giữ, tránh phạm giới, nếu phạm giới, mà không biết sửa đổi thì dễ rơi vào ba đường ác.

Đến đây xin kể thêm một câu chuyện khác. Chuyện này nhắc chúng ta: Nếu muốn được quả báo thiện, cần phải thường xuyên tô bồi thiện tâm. Thiện tâm có được là nhờ vào sự kiên trì tu tập không gián đoạn. Đến lúc lâm chung, có thể tiêu trừ được vô lượng ác nghiệp, đón nhận thiện nghiệp. Nếu không chuyên cần tô bồi thiện tâm, thì đến giờ phút cuối, muốn khởi một niệm lành cũng không dễ, vì quá đột ngột.

Câu chuyện như sau: Ở phương Tây có một vị quốc vương. Từ trước đến nay, nhà vua chưa từng có chiến mã, nhưng vì nước láng giềng thường xuyên

đến quấy nhiễu, nên nhà vua phải sử dụng đến ngân khố, đi khắp nơi tìm ngựa chiến. Và cuối cùng mua được 500 con chiến mã về dự phòng, chống lại kẻ thù bên ngoài, bảo vệ nước nhà.

Năm trăm con ngựa được chăm sóc chu đáo, lúc đó nước láng giềng không dám đến đánh chiếm. Ngựa phải ăn lương thảo mỗi ngày nên nhà vua nghĩ: Những con ngựa này ăn nhiều như vậy, kinh phí không phải là ít, chỉ biết ăn mà không giúp ích gì cho đất nước, như thế rất tốn kém. Vì thế nhà vua liền hạ lệnh cho binh sĩ huấn luyện ngựa đạp thóc. Vua cho rằng có như vậy thì ngựa còn mang lại chút lợi ích.

Nhưng dạy mãi mà ngựa không chịu đạp thóc, nhà vua bèn hạ lệnh che mắt ngựa lại, ngày ngày bắt chúng làm việc. Vì mắt không còn thấy xung quanh nên mỗi ngày ngựa quanh quẩn một chỗ đạp thóc. Lâu ngày thành thói quen, nên khi bước đi, ngựa cứ nghĩ rằng đang đi thẳng về phía trước, nhưng thực tế là đi vòng vòng.

Sau một thời gian, nước láng giềng lại kéo quân đến xâm lăng. Nhà vua rất hốt hoảng, vội vàng hạ

lệnh cho kéo ngựa ra, quân đội hồi hả lo vũ trang, chuẩn bị lên ngựa ra trận. Đến lúc binh sỹ thúc ngựa, tiến về phía kẻ thù thì thúc thế nào chúng cũng không chạy thẳng. Quân địch thấy vậy, biết rằng những con ngựa này không bình thường, không phát huy được năng lực xông trận của chúng, nên chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, liền đánh tan đội quân của nhà vua.

Câu chuyện nhắc đại chúng cần lưu ý là: Nếu chúng ta muốn đạt được thiện báo thì lúc lâm chung tâm không được tán loạn, điềm này rất quan trọng. Tâm chúng ta rất dễ bị lay động, dễ không tập trung, nên mới có câu “tâm viên ý mã”, nghĩa là tâm như vượn chuyền cành, ý như ngựa chạy rong. Do đó chúng ta muốn đạt được quả báo tốt, thì lúc lâm chung, tâm không được nghĩ ngợi lung tung, mới có thể sanh vào chỗ thiện, phải điều phục cái tâm như ngựa chạy của mình biết nghe lời, thì mới có thể “trực tâm thị đạo tràng”, nghĩa là tâm chuyên nhất thì ngay nơi đó là đạo tràng thanh tịnh. Nếu không điều phục được cái tâm mã cho chuyên nhất, thì lúc tử thần đến, tâm này sẽ quanh quẩn không yên, do dự chằng quyết định,

không thể thuận theo ý muốn của mình. Cũng như đàn ngựa của nhà vua, không thể phá vòng vây của giặc, không thể bảo vệ được đất nước.

Chính vì thế chúng ta là người học Phật, cần phải vun bồi thiện tâm, quan trọng là làm cho tâm thiện luôn luôn được tăng trưởng, không bị gián đoạn, cần phải có đủ chánh niệm và sự hiểu biết chân chánh thì mới có thể giải thoát.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 03 tháng 03 năm 2012

Tất cả các hương thơm không bằng hương của người giữ giới

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn cùng quý vị chia sẻ một câu chuyện trong kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển 2, phẩm Hoa Hương thứ 12, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 585a26-c12.

Sau khi Đức Phật thành đạo không lâu, ngài ở tại nước La Duyệt Kỳ giáo hóa chúng sanh. Sau đó ngài đến nước Xá Vệ để tiếp tục hoằng pháp, quốc vương và các đại thần đều rất vui mừng và mến phục Đức Thế Tôn. Bấy giờ có một vị thương chủ, tên của là ông Ba Lợi, cùng với 500 thương buôn đi ra biển tìm bảo vật. Lúc đó có một vị thần biển xuất hiện, hai tay vạm một vốc nước và hỏi Ba Lợi rằng: “Nước biển nhiều hơn, hay nước trong tay ta nhiều hơn?”.

Ba Lợi trả lời: “Nước trong tay của ngài nhiều hơn”, Vì sao vậy? Bởi vì nước biển tuy rất nhiều,

nhưng không giúp gì cho chúng sanh được, không thể cứu con đói khát của con người. Còn nước trong tay ngài là nước ngọt, tuy không nhiều nhưng có thể giúp con người xoa dịu con đói khát, có thể cứu lấy mạng sống của muôn dân, như thế mới có thể đời đời kiếp kiếp được vô lượng phước đức, không thể tính kể được. Câu trả lời của quốc vương khiến cho thần biển vô cùng bất ngờ và hoan hỷ. Vị thần này khen quốc vương: “Lành Thay! Lành Thay! Thiện tri thức!”, và liền cởi trên thân tám loại anh lạc làm từ thất bảo trao cho Ba Lợi, đồng thời tiễn Ba Lợi đi một đoạn đường, giúp cho ông an toàn trở lại nước Xá Vệ. Ba Lợi nghĩ rằng: “Những bảo vật này không thích hợp cho những người bình dân làm vật trang sức, mình đem về dâng lên vua Ba Tư Nặc, hy vọng nhà vua sẽ hoan hỷ nhận lấy”. Vua Ba Tư Nặc sau khi nhận lấy anh lạc, cảm thấy món quà vô cùng hiếm lạ, liền gọi tất cả phu nhân đến xếp thành hàng, xem thử ai là người kiêu diễm nhất thì sẽ tặng cho người ấy các loại anh lạc này. Lúc đó, có tất cả sáu vạn phu nhân, ai cũng đến và trang điểm thật tỉ mỉ, chỉ có Mạt Lợi phu nhân là

không xuất hiện. Nhà Vua liền hỏi: “Mặt Lợi Phu Nhân đâu, tại sao không đến?”. Người tỳ nữ tâu rằng: “Hôm nay là ngày rằm, chính là ngày phu nhân trì giới bát quan trai, cho nên phu nhân chỉ ăn mặc đơn giản, lại không trang điểm, nên không đến tham dự.” Nhà Vua nghe xong vô cùng tức giận, liền ra lệnh cho người mời Mặt Lợi phu nhân đến, quở trách rằng: “Nhà ngươi hôm nay vì việc trì giới, mà dám chống đối lại lệnh của quốc vương sao?” Nhà vua cho người đến gọi ba lần như vậy. Cuối cùng Mặt Lợi cũng chịu xuất hiện. Bà ăn mặc rất giản dị nhưng khi đứng giữa sáu vạn cung nữ, trở nên rạng rỡ đến lạ thường, ngời sáng như mặt trời ban ngày và ánh trăng trong đêm, vô cùng trang nghiêm, điểm lệ hơn thường ngày trang điểm. Nhà Vua tận mắt chiêm ngưỡng, vô cùng ngạc nhiên kính nể, liền hỏi Mặt Lợi: “Phu Nhân! Nàng đã làm những việc thiện gì mà nhan sắc trở nên rạng ngời như vậy, khác xa với tất cả các phu nhân khác?

Mặt Lợi phu nhân đáp: “Thưa bệ hạ! Thiếp vì vun bồi phước đức còn rất ít, nên phải chịu làm thân người nữ; phiền não, nghiệp chướng nặng nề, tích lũy từ

nhiều ngày tháng, dồn lại cao như núi. Mạng sống của con người vô cùng ngắn ngủi, nếu không biết tận dụng thời gian để tu tập, thì dễ rơi vào ba đường ác, vì thế mà mỗi tháng thiếp đều trì giới bát quan trai để bớt đi những sự ham muốn của thế tục, làm theo lời dạy của Đức Thế Tôn, hy vọng túc nghiệp tiêu trừ, phước đức tăng trưởng.”

Nhà Vua nghe xong vô cùng niềm nở, Ngài liền quyết định trao những món anh lạc cho Mạt Lợi phu nhân.

Mạt Lợi phu nhân trả lời: “Thiếp hôm nay trì giới, không cất giữ trang sức, Bộ Hạ có thể tặng cho người khác.

Quốc Vương bảo: “Trẫm vốn phát tâm tặng các món anh lạc này cho người nào trang nghiêm nhất. Nàng là người tuyệt vời nhất, mà còn trì trai giữ giới, đạo hạnh thanh cao, chính vì thế mà ta quyết định trao tặng cho nàng. Nếu nàng không nhận, những thứ anh lạc này ta phải giải quyết như thế nào cho hợp lý đây?

Mạt Lợi phu nhân thưa: “Đại Vương! Đại Vương! Ngài không cần phải quá lo lắng như thế. Ngài có thể

đến nơi Đức Phật đang cư trú, mang tất cả bảo vật này dâng lên cúng dường, và tiếp nhận lời dạy của Thế Tôn, được như thế, sẽ hưởng được phước đức trong nhiều đời.

Nhà Vua nghe xong liền đồng ý, và cho người chuẩn bị xe ngựa, đến nơi đức Phật cư trú, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống bên cạnh.

Quốc Vương thưa với Đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Vị thần biển trao tặng anh lạc cho Ba Lợi. Ba Lợi lại dâng lên cho Trẫm. Trẫm muốn trao tặng cho phu nhân nào đẹp nhất. Sáu vạn phu nhân ai cũng mong muốn được nhận những anh lạc quý giá này, chỉ có Mạt Lợi, Trẫm tặng cho nàng, nhưng nàng không chịu tiếp nhận, bởi vì nàng giữ gìn trai giới, tâm không còn ham muốn. Nàng hy vọng ta mang những thứ anh lạc này cúng dường lên Đức Phật, ngưỡng mong Thế Tôn từ bi nhận lấy. Thưa Thế Tôn! Trẫm một lòng trì trai giữ giới, có niềm tin chân chánh như vậy, sẽ sanh phước đức chăng?”

Lúc ấy, Đức Phật liền nói một bài kệ có đại ý như sau:

“Dùng các thứ anh lạc, kết thành một vòng hoa thật đẹp, cài trên đầu, bước đi thướt tha, dáng vẻ quyến rũ thật là diễm lệ. Nhưng nếu đời này tích lũy phước đức sâu dày, nhờ hương thơm giới hạnh ấy, trong tương lai sẽ được sanh nơi thù thắng, thì càng tuyệt vời hơn!”

Có nhiều loại hoa thơm, cỏ lạ, chỉ cần đi ngược gió thì không còn ngửi được hương thơm. Nhưng nếu gặp được Phật Pháp, tinh tấn tu học thì đóa hoa chân lý một khi hé mở, hương thơm sẽ lan tỏa khắp nơi, cùng chiều hay ngược gió đều có thể thưởng thức được, loại hương này mới là đặc biệt nhất.

Chiên đàn, trầm hương, hay bột thơm hợp lòng người, hương sen trong lành ngào ngạt, đối thế gian mà nói là sắc hương tuyệt vời, nhưng đâu bằng hương thơm giới hạnh thù thắng. Muôn hoa mong manh phai nhạt, mùi hương chẳng thể nào vương vấn dài lâu, nhưng sắc hương người giữ giới tỏa ngát tận cõi trời. Đây mới là thứ hương thù thắng hi hữu.

Nếu người trì giới, thì thành tựu các giới hạnh trang nghiêm; trong lúc hành trì không phóng dật sẽ

đạt được thiên định, nhờ sự hiểu biết chân chánh mà được giải thoát, tức không còn đi vào con đường của ma nữa.

Đức Phật đọc xong bài kệ, lại nói với vua Ba Tư Nặc rằng: “Phước đức của việc trì trai giữ giới vô cùng vô tận, có thể giúp tiếng tốt được vang xa, người nghe sanh lòng cung kính. Nếu mang công đức bố thí của mười sáu quốc gia ra để so sánh, cũng không thể bằng công đức trì trai giữ giới của Mạt Lợi phu nhân trong một ngày đêm. Công đức bố thí châu báu của mười sáu quốc gia mang ra so sánh với công đức trì giới của phu nhân bệ hạ, chẳng khác gì mang hạt mè ra sánh với núi Tu Di, thì chắc chắn không thể bằng được. Nếu lấy việc trì trai giữ giới làm cội rễ của sự tích lũy công đức, trao dồi trí tuệ, thì có thể đoạn trừ phiền não, chứng đắc Niết Bàn.”

Quốc vương và phu nhân cùng các quan nghe xong đều rất vui mừng, nguyện y giáo phụng hành.

Câu chuyện này có nhiều điểm nhấn nhủ đến chúng ta.

Thứ nhất: Trang nghiêm đạo tâm quan trọng hơn

trang sức bên ngoài.

Thứ hai: Hương thơm của đức hạnh thì vượt trội hơn các hương thơm khác. Nếu chúng ta phạm giới mà không chịu sám hối thì sẽ rất hôi, có thể nói hôi hơn cả hầm phân hổ xí.

Thứ ba: Nước biển tuy lai láng, nhưng không mang lại lợi ích cho chúng sanh; nước ngọt trong tay tuy ít ỏi, nhưng có thể giúp chúng sanh giải được cơn đói khát. Cũng thế, chúng ta đã học qua rất nhiều kiến thức, nhưng đã có thể dùng một phần nhỏ để tịnh hóa thân tâm, giúp chúng ta an lạc chưa? Chúng ta học được rất nhiều, nhưng đã ứng dụng phần nào làm lợi ích cho chúng sanh chưa? Đây là dịp để chúng ta nghiêm túc nhìn lại bản thân.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 02 tháng 06 năm 2012

Tay chân mắt tai miệng tranh giành công lao

Kính chào quý thầy, quý sư cô, cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Kinh “Duy Lô Vương Sư Tử Nhũ Thí Dụ” trong “Kinh Luật Di Tướng” thuộc “Đại Chánh Tạng”, quyển 53, trang 92a20-c1.

Câu chuyện được kể như sau:

Lúc Đức Phật còn tại thế, có bốn anh em nhà nọ, cha mẹ không may qua đời. Sau đám tang, bốn anh em tranh giành gia tài, cãi nhau không ngớt. Một hôm, gặp được thầy Xá Lợi Phất, họ rất vui mừng, thỉnh Thầy thuyết pháp cho họ được nghe, để họ hóa giải được mâu thuẫn.

Thầy Xá Lợi Phất nói với họ rằng: Tôi sẽ giới thiệu cho quý vị Thầy của tôi. Thầy của tôi chính là Đức Thế Tôn, bậc tôn quý nhất trong ba cõi, là thầy

của trời và người. Ngài sẽ giúp quý vị tìm thấy được câu trả lời hài hòa nhất. Sau đó, họ cùng thầy Xá Lợi Phất về tịnh xá gặp Đức Phật và thưa cùng đức Thế Tôn rằng: Anh em của chúng con đều rất khờ dại, cúi mong Đức Thế Tôn vì thương xót chúng con mà nói pháp, để chúng con được liễu tri.

Đức Phật bèn kể cho họ nghe một câu chuyện:

“Vào thời quá khứ, có một vị vua tên là Duy Lôu. Bấy giờ nhà vua đang lâm trọng bệnh, có vị lương y cho biết bệnh của nhà vua cần phải có sữa của sư tử để điều chế thuốc, bệnh mới qua được cơn nguy kịch.

Để có thuốc thì rất dễ dàng, nhưng muốn lấy được sữa của sư tử thì không hề đơn giản, có phải vậy không? Chưa vắt được sữa, nếu không may bị nó cắn, thì thật là phiền phức. Nghe vậy quốc vương càng thêm lo lắng. Nhà vua liền cho quân thông báo khắp nơi, tìm người có khả năng, nếu ai lấy được sữa của sư tử, ngài sẽ ban cho đất đai, và gả công chúa làm vợ.

Lúc đó, có một chàng thanh niên nghèo đến nhận lời, anh ta nói có thể lấy được sữa của sư tử, quốc

vuông bảo: Vậy thì anh cứ thử xem!

Sau đó, chàng thanh niên lặn lội vào rừng sâu thăm dò, may mắn tìm được chỗ ở của sư tử mẹ và đứng nơi bóng tối để quan sát. Nhân lúc sư tử mẹ ra ngoài, anh mang thịt dê và rượu đã chuẩn bị từ trước đặt vào trước miệng hang.

Sau khi sư tử trở lại hang, thấy có rất nhiều rượu và thịt đã sắp sẵn, nó rất sung sướng, liền làm một bụng no nê và say mềm, mê man nằm ngay tại chỗ. Chàng thanh niên thừa cơ hội hiếm hoi này nhanh tay vắt sữa sư tử, để mang về dâng lên nhà vua. Lúc ra khỏi rừng, trời cũng đã tối, nên anh dùng chân bên một nhà trọ ven đường ngủ qua đêm. Lúa đó có một vị A La Hán cũng dùng chân nghỉ cùng phòng với anh.

Chàng trai vì cả ngày đi rình tìm sư tử, trải qua nhiều phen nguy hiểm nên rất mệt, ngủ mê man không còn biết động tĩnh gì. Vị A La Hán vì có thần thông nên đã nhìn thấy mắt, tai, mũi, lưỡi và tay chân của anh bạn cùng phòng đang đua nhau kể công.

Chân thì nói: Nhờ công lao của tôi, phải lặn lội

lắm mới đến được nơi đây, mới có thể tìm thấy sư tử, tính ra tôi là người có công nhất.

Tay cũng lên tiếng: Anh bạn chỉ đi đến đây, không có tôi vất, thì có thể lấy được sữa của sư tử sao? Đâu có dễ dàng như vậy!

Mắt lại tiếp lời: Nghe đây! Nếu không có tôi tìm thấy sư tử, tay, chân các anh làm nên việc gì chứ?

Tai nghe như vậy cũng không nhin được: Tất cả đều nhờ vào tôi nghe được tin của nhà vua chiêu mộ người khắp nơi, ai có thể lập công thì nhận thưởng. Nếu không thì làm sao các anh có thể nghĩ đến chuyện đi vất sữa sư tử được, có phải thế không? Do đó công lao này phải là của tôi.

Còn lại lưỡi (đại diện cho miệng), thì bị họ hàng chế giễu: “Anh không có chút công lao nào trong việc này cả”.

Bảy giờ lưỡi mới lên tiếng: “Các anh cũng đừng có vội xem thường tôi chứ, đợi đến lúc gặp nhà vua sẽ biết ngay là sống hay chết, phước hay họa”. Cứ như thế tay, chân, mắt, tai, miệng, tranh nhau không ngớt.

Sáng hôm sau chàng thanh niên mang sữa trở về

dâng lên nhà vua. Nhà vua hỏi: Đây là sữa của sư tử thật sao? Hãy mang đến cho Trẫm xem.

Anh ta vừa mới dâng lên nhà vua, thì lưỡi liền lên tiếng: Đại vương! Đại vương! Đây không phải sữa của sư tử đâu, là sữa của lừa đó.

Nhà vua nghe xong vô cùng giận dữ: “Nhà người nói rõ ràng là đi vắt sữa của sư tử, tại sao bây giờ lại mang sữa lừa về đây. Người đâu, mau đem tên này ra chém ngay”.

Lúc đó, vị A La Hán đã nghỉ cùng với chàng thanh niên, vì có thần thông nên đoán biết tay, chân, mắt, tai, miệng tranh giành công lao như vậy thể nào cũng mang đến họa mất mạng cho anh. Do đó ngài kịp thời đến tâu với nhà vua rằng: Thưa quốc vương! Đây đúng là sữa của sư tử. Đêm hôm qua, tôi với vị này nghỉ cùng phòng trọ, tôi nhìn thấy, mắt, tai, lưỡi, tay và chân của anh ta, chúng giành nhau kể công. Tôi nghĩ lưỡi vì bị chế giễu, âm ức nên chỉ hăm dọa vậy thôi, đâu ngờ nó lại làm thật. Đây là sữa sư tử thật. Quốc vương, ngài yên tâm, dùng sữa này điều chế thuốc, bệnh sẽ hết ngay.

Nhà vua tin lời của vị A La Hán. Quả đúng như vậy, sau khi uống thuốc điều chế từ sữa sư tử, bệnh của vua hết hẳn, và ngài liền thực hiện lời hứa của mình.

Vị A La Hán tâm với nhà vua rằng: mắt, tai, lưỡi, tay, chân trên cùng một cơ thể, có những lúc chúng nó không hòa thuận. Chúng ta cũng vậy, có duyên gặp gỡ và có thiện cảm với một người, nhưng khi nghe có ai đó nói không tốt, thì lại tin vào cái tai của mình, không chịu tin những điều tận mắt nhìn thấy, nên dẫn đến hiểu lầm gây ra tranh chấp, xung đột. Bản thân còn mâu thuẫn như vậy huống gì là người khác.

Bấy giờ chàng thanh niên được ơn cứu mạng của vị A La Hán bèn xin xuất gia làm sa môn, sau chứng quả. Quốc vương cũng hoan hỷ xin thọ trì năm giới, đặc quả Tu Đà Hoàn. Bốn anh em nhà nợ cũng liễu tri lời Đức Phật dạy, hóa giải mâu thuẫn, xin được xuất gia, trì bình khát thực cùng tăng đoàn. Đức Phật im lặng, mỉm cười đưa tay xoa đầu thọ ký, tóc của bốn vị tự nhiên rụng, tăng phục khoát lên thân, hiện tướng sa môn, dứt trừ phiền não, khai ngộ đặc quả A La Hán”.

Bấy giờ ngài A Nan thưa cùng Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Bốn anh em các vị ấy, xưa kia tạo công đức gì mà nay có phước báu gặp Phật, được khai ngộ, chứng quả A La Hán?”

Đức Phật đáp: “Này A Nan! Vào thời quá khứ, lúc Đức Phật Ma-Phụ còn tại thế, Xá Lợi Phất làm đệ tử Ngài. Khi ấy bốn vị này là thương khách, phát tâm cúng dường thầy Xá Lợi Phất một bộ cà sa. Thầy Xá Lợi Phất hoan hỷ nhận và chú nguyện rằng: “Nguyện chư vị đời sau sớm được độ thoát”. Và như sở nguyện, hôm nay bốn vị này có duyên gặp và được thầy Xá Lợi Phất hóa độ”.

Câu chuyện này muốn nhắn nhủ chúng ta cần lưu ý là không nên kể công. Miệng vì tranh giành công lao, mới mang đến họa diệt thân. Trong một đoàn thể cũng vậy, nếu mọi người đều cho rằng mình là người quan trọng nhất, chắc chắn đoàn thể ấy sẽ bị tổn thất rất lớn, điềm này hy vọng đại chúng luôn luôn ghi nhớ.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 12 tháng 11 năm 2011

Khéo giữ gìn thân tâm tránh rơi vào lưới ma

Kính chào quý Thầy Cô, quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ “Chúng Kinh Tuyển Tập Thí Dụ” quyển 2, kinh số 24, thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 4, trang 537a19-b7

Ngày xưa, có một người làm nghề đánh bắt chim. Người này hiểu rất rõ đặc tính của chúng. Mỗi lần trước khi bắt, đều ở bên đầm giăng lưới sẵn, đồng thời quăng rất nhiều loại thức ăn mà chúng ưa thích. Trong lúc lũ chim kêu gọi đồng bọn của chúng và bay đến tranh nhau tìm kiếm thức ăn, người bắt chim lập tức bủa lưới, cả đàn chim bay loạn xạ và rơi vào trong đó, không đường thoát ra.

Lúc ấy, có một chú chim thể hình to lớn, khí lực cường tráng, đột nhiên dùng hết sức lực đội tấm lưới khỏi mặt đất cùng cả đàn bay lên không trung. Người bắt chim vội vàng truy đuổi theo bóng của đàn chim.

Có người cười nhạo anh ta rằng: Bầy chim đã bay lên không trung rồi, ông hà tất dùng đôi chân của mình mà đuổi bắt, sao lại ngốc như thế chứ! Nếu phải đuổi theo thì biết đến khi nào, làm sao bắt được chúng chứ?

Người bắt chim đáp: Điều này không giống như ông nghĩ đâu. Bầy chim này đợi đến lúc mặt trời lặn, do vì thói quen đậu không giống nhau, ý kiến đôi bên không hợp, hành động không ăn khớp, nhất định sẽ bị rơi xuống đất. Vì vậy, người bắt chim không quan tâm đến ý kiến của người khác, vẫn hết mình truy đuổi không bỏ cuộc. Không lâu, khi mặt trời dần dần xuống núi, anh ta ngẩng đầu quan sát, quả nhiên không ngoài dự đoán. Bầy chim trong lưới tranh cãi kịch liệt, có con thì muốn bay về hướng đông, có con thì muốn bay về hướng tây, có chú thì muốn bay vào rừng cây, có chú lại thích bay về hồ sâu sơn cốc. Bên này bên kia tranh nhau không ngừng, kết quả cả đàn theo lưới rơi xuống. Người bắt chim thừa thế bắt toàn bộ đàn chim và làm thịt không sót một con nào. Người bắt chim trong câu chuyện này chỉ cho ác ma,

tắm lưới mà người bắt chim bủa ra chỉ cho lưới phiền não. Đàn chim đội lưới bay đi ví cho người tuy muốn đoạn trừ phiền não nhưng chưa thoát ly được lưới ma; tuy muốn thoát ly nhưng còn phóng dật, không tinh tấn. Mặt trời lặn thì dùng ví cho người giải đãi, không chịu nhằn nại tu học. Thói quen đạu không giống nhau của đàn chim tượng trưng cho người khởi lên 62 kiến, không có chí hướng giải thoát, đi ngược lại với hoài bão thoát ly sanh tử (trong 62 kiến, lấy ngã kiến làm căn bản, từ đây dấy khởi lên các loại vọng tưởng chấp trước. Liên quan đến 62 kiến, có thể tham khảo trong Kinh Phạm Động, thuộc bộ Trường A Hàm, hoặc Kinh Phạm Võng Lục Thập Nhị Kiến. Chúng ta nếu muốn cầu xuất li sanh tử thì phải đoạn trừ ngã chấp, một lòng hướng đến đạo giải thoát mới đúng. Nhưng phàm phu thì lại khởi lên ngã kiến và 62 kiến, trong chốc lát muốn sanh thiên, trong chốc lát lại tạo ác nghiệp nơi thân, khẩu, ý. Kiểu rày đây mai kia, không một lòng cầu ra khỏi luân hồi khổ đau, giống như đàn chim ý kiến bất đồng, hành động không ăn khớp với nhau vậy). Bầy chim rơi xuống đất ví như người thọ

ác báo rơi vào địa ngục. Phiền não trần cấu của con người là lưới ma (tức ma phiền não). Có 4 loại ma (ngũ ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên ma), ở đây nói lưới ma tức chỉ cho ma phiền não. Con người bị phiền não trói buộc không thể giải thoát, giống như bầy chim bị tằm lưới trói buộc vậy. Ở trong hai đường thiện, nhân và thiên, phải cẩn thận giữ gìn các nghiệp về thân và khẩu, (trong kinh chỉ nói thân, khẩu, thực ra chúng ta đều phải giữ gìn cả thân, khẩu và ý, khiến cho ba nghiệp được thanh tịnh), không nên phóng dật, giải đãi, nếu không sẽ dễ bị rơi vào lưới ma.

Ở nơi ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chúng sanh không ngừng trôi dạt, chìm nổi lâu dài trong sanh tử, khổ thật không thể tả xiết. Câu chuyện này nhắc chúng ta, không được khởi lên ngã kiến, do vì ngã kiến mà khởi lên 62 kiến, vậy nên phải tìm cách hóa giải chúng. Chúng ta phải một lòng hướng đến mục tiêu giải thoát (phải hóa giải bằng được lưới phiền não mới có thể đạt đến bến bờ giải thoát an vui). Còn nếu dựa vào ngã chấp mà không một dạ chí thành hướng đến giải thoát thì sẽ sanh giải đãi, mà giải đãi

thì rất có nguy cơ rơi vào ba đường ác. Cho nên câu chuyện nói với chúng ta rằng, phải khéo giữ gìn thân tâm, tránh rơi vào lưới ma.

Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 19 tháng 06 năm 2012

Tại sao không tiêu diệt những con rắn độc ở bên trong

Kính chào quý thầy, quý cô và toàn thể quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong Kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Đại Trí Độ Luận quyển 12 trong Đại Chánh Tạng quyển 25, trang 145b9-26. Trong đó, luận nhắc đến kinh “Phật Thuyết Độc Xà Thí Dụ”. Bộ Kinh này vốn dĩ được trích từ Kinh “Tạp A Hàm” quyển 43 (kinh số 1172) trong Đại Chánh Tạng, quyển 2, trang 313 b4-314a1.

Trong Kinh, Phật kể về một người bị phạm tội. Nhà vua muốn phạt anh ta, liền ra lệnh cho người này giữ một cái thùng nhỏ. Đây không phải là một cái thùng bình thường! Bên trong có nuôi bốn con rắn độc, nhà vua ra lệnh cho anh ta cần phải chăm sóc những con rắn độc này thật chu đáo, và còn đút thức ăn cho chúng, phải vuốt ve, tắm rửa chúng, có lúc phải dẫn

cho chúng ra ngoài để thay đổi không khí, sau đó dẫn chúng vào lại trong thùng. Nhà vua nói rằng: Nếu mà anh làm cho chúng nó sanh lòng không vui, bốn con rắn này sẽ cắn anh, nếu không bị chết thì cũng phải bị thương.

Anh này kỳ thật rất có trí tuệ. Anh ta nghĩ: đổi diện với một con rắn đã khó khăn rồi, huống chi phải tiếp xúc với bốn con đều là rắn độc! Nếu đến gần, chắc chắn sẽ thiệt mạng. Do đó, anh ta liền mang cái thùng này đi thủ tiêu và tìm đường trốn thoát.

Nhà vua biết tin liền sai năm người vác dao đuổi theo. Anh ta có tính cảnh giác rất cao, biết được năm tên lúc nãy mang dao sắp rượt đến nơi nên khéo ẩn nấp, nhờ thế tạm thời thoát nạn. Nhà vua lại cho một người khẩu Phật, tâm xà, miệng thì nói với tội nhân rằng, chúng tôi muốn tốt cho anh, nhưng trong tâm lại rất nham hiểm. Người này khuyên anh ta: Nếu anh ngoan ngoãn chịu khó làm theo lệnh nhà vua, nuôi mấy con rắn độc này thì có gì mà khó khăn. Anh ta thầm nghĩ: “Ông này thật thích nói đùa, vậy thì ông tới đó mà chăm sóc!” “Anh ta lại suy nghĩ: “Những

con rắn độc này không dễ gì làm bạn với chúng được”, cho nên anh ta lại trốn đi.

Sau khi trốn đi, lại có sáu tên cướp âm mưu đuổi theo giết anh ta. Anh ta chạy đến một thôn hoang vắng để nấu thân; Cảnh vật nơi này lạnh ngắt, vô cùng xơ xác điêu tàn, mọi vật đều có vẻ hư hoại. Có một người đến và nói với anh ta: Trong thôn u ám này cũng thường có bọn cướp hay lui tới, nếu bọn chúng xuất hiện, họ sẽ lấy mạng của anh. Anh này vừa nghe xong thì vô cùng hoảng sợ. Vì đã có bốn con rắn độc, năm người cầm dao rượt bắt, lại thêm gặp người có cái tâm nham hiểm, bây giờ trong thôn lại thường có bọn cướp. Tất cả đều đang muốn đuổi theo giết, cho nên anh ta lại càng cố sức chạy trốn. Đang lúc vội vàng chạy, anh ta thấy một dòng sông, nước đang chảy rất xiết, bèn nghĩ rằng: Bờ bên này có rất nhiều nguy hiểm đang rình rập; nhìn thấy bên kia bờ sông đẹp đẽ, trong lành, thật không gì có thể so sánh, nhưng không có cầu bắt ngang thì làm sao mà qua sông được. Anh ta lại tính tiếp: “Biết làm sao đây?”. Thế là anh ta bèn nhanh tay chặt một ít cây, bện thành

chiếc bè gỗ rồi nằm phục lên trên, dùng tay và chân khua nước đưa bè qua sông, qua đến bờ bên kia được thoát nạn.

Đức Phật dạy rằng: Cái thùng nhỏ là thí dụ cho cái gì? Chính là thí dụ cho cái thân của con người. Thân thể của chúng ta là do tứ đại: đất, nước, gió và lửa tạo thành sắc thân giả hợp. Với tấm thân này, mỗi ngày chúng ta đều cho nó ăn uống, tắm rửa, chải sóc, vuốt ve. Chúng ta đã cho nó hưởng thụ quá nhiều thứ. Nhưng dứt thức ăn hoặc chăm sóc nó, cũng chính là chúng ta đang tận tụy chăm sóc cho bốn con rắn độc! Những con rắn độc này được ví cho tứ đại. Nếu tứ đại không hòa hợp, thân thể sẽ sanh bệnh hoặc tử vong.

Năm người vác dao rượt bắt, được ví cho ngũ uẩn, mà chúng sanh thì chấp trước ngũ uẩn.

Những tên cướp bên trong, được ví như sáu món mà chúng sanh ham thích.

Thôn vắng được thí dụ cho sáu căn. Thôn vắng này là dựa theo kinh mà nói. Bởi vì nó quá cũ, chỉ cần đụng đến là nó sẽ hư hoại. Chính vì thế mà sáu căn cũng là pháp vô thường giả tạm.

Trong thôn vắng cũng có những tên cướp ẩn hiện, đây chính là dụ cho sáu trần ở bên ngoài. Sáu trần tức chỉ cho: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Dòng sông mà anh ta nhìn thấy được thí dụ cho tam ái, gồm: dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Đây chính là sông phiền não.

Bờ bên này có nhiều sự sợ hãi, ví như chúng ta đang ở trong thế gian chịu sự luân hồi; bờ bên kia thật tươi mát, ví như vô dư Niết bàn.

Làm chiếc bè, nương vào chiếc bè mà qua được sông được ví như thực tập bát chánh đạo.

Dùng tay và chân khua nước đưa bè qua sông, được ví cho sự tinh tấn dũng mãnh đến bờ bên kia.

Qua bờ bên kia là đến với cứu cánh Niết bàn.

Câu chuyện này cũng được nhắc đến trong kinh Tạp A Hàm số 1172 và trong Đại Trí Độ Luận quyển số 12.

Trong Đại Trí Độ Luận, ví dụ này được giải thích thêm rằng: vị vua chính là ma vương, ma vương sai tội nhân đến chăm sóc rắn. Cái thùng nhỏ được ví cho con người, con người khẩu Phật tâm xà là chỉ cho

nhằm trước.

Câu chuyện trong kinh Tạp A Hàm (kinh số 4, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 503a6-a18) cũng có nét tương đồng với câu chuyện này. Chuyện kể rằng, trong quá khứ có một vị thầy ở trong núi tu hành. Trong núi đó có rất nhiều loại rắn độc, mà vị này sợ nhất là rắn! Cho nên thầy ở dưới gốc cây dựng chỗ ngồi thiền rất cao, mong được an toàn, không bị rắn đến quấy nhiễu. Nhưng trong lúc đang ngồi tĩnh tâm, điều làm thầy khổ tâm nhất là rất dễ bị hôn trầm và ngủ gục, hễ ngồi xuống là gục không thể kiềm chế được, không hay biết cơn buồn ngủ đến từ lúc nào.

Lúc đó, có một vị trời thương xót thầy, vì muốn giúp cho thầy tinh tấn tu tập, liền cười rất lớn để đánh thức Thầy. Thầy nghe tiếng ồn liền giật mình tỉnh dậy, nhưng trong thoáng chốc lại ngáy như cũ. Vị trời không còn cách nào hơn nữa, nên đợi lúc trời tối, hét thật lớn: "Đạo nhân! Đạo nhân! Rắn độc đến rồi! Rắn độc đã đến rồi! Thầy rất sợ rắn độc, nên lập tức vùng dậy đốt đuốc lên, tìm xem rắn độc đang ở đâu, để tìm cách đuổi chúng đi.

Tim hoài không thấy đâu, thầy tiếp tục ngồi thiền, sau đó lại không ngừng ngủ gục!

Vị trời này lại hô lớn: “Rắn độc đến rồi! Rắn độc đến!”.

Ba lần bảy lượt như vậy, không chịu được sự quấy nhiễu nên Thầy bực bội lớn tiếng: Vị trời kia! Ông tại sao lại nói dối vậy? Làm gì có rắn độc, tại sao ông cứ làm cho người khác giật mình sợ hãi thế hả?

Vị trời liền đáp: Sao không quán sát những con rắn độc ở bên trong mà chỉ biết sợ hãi những con rắn độc ở bên ngoài? Trên thân có bốn con rắn độc, thầy không diệt trừ, mà cứ muốn đi diệt trừ những con rắn độc bên ngoài. (Câu chuyện này nhắc đến bốn con rắn độc, còn câu chuyện trong Kinh Tạp A Hàm (kinh số 1172) nói về tứ đại. Chúng ta thì chấp trước vào bốn đại này.)

Nghe vị trời nói xong, thầy suy nghĩ: Mình nếu quán sát thật sâu sắc, thì cái thân này cũng chỉ là sự giả hợp của tứ đại, nhưng mình lại vô cùng yêu quý nó, không ngừng giúp nó trau chuốt, ăn những món ngon, mặc những thứ đẹp để lại còn chăm sóc nó.

Minh cứ mãi làm nô lệ cho nó, cuối cùng cũng chính nó dẫn mình đi vào trong ba đường ác để chịu khổ. Nó không những không biết báo ơn mà còn là thứ vô ơn bạc nghĩa đệ nhất. Minh cứ chăm sóc cái thân này, cũng như đút thức ăn để nuôi dưỡng những con rắn độc, để rồi bị chúng nó quay đầu lại cắn, cũng như bị ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), lục suy (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) làm lu mờ, làm tổn thương (ngũ uẩn tức chỉ cho năm tên giặc vác dao). Con người muốn cầu sắc, thọ, tưởng, hành, thức muốn được hưởng lạc thọ, nhưng ngày ngày lại tiếp xúc toàn là khổ đau.

Lục suy bao gồm: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chúng sanh muốn được an lạc, nhưng lại bị lục trần làm thiện căn bị tổn thương, nên chúng còn có tên gọi là lục suy. Vì không hiểu biết tâm thân này là sự vay mượn của tứ đại, bị bốn con rắn độc cắn, lại bị dao của bọn cướp chém, khiến cho thiện tâm bị tổn thương trầm trọng, nên chúng sanh đã bị trôi lăn trong luân hồi từ vô thủy cho đến hôm nay, không thể giải thoát được.

Thầy này lại suy nghĩ: Lời dạy của vị trời rất có lý. Mình không nên chỉ biết sợ những con rắn độc ở bên ngoài, chính những con rắn ở bên trong mới đáng ghê sợ. Vậy nên thầy đã hiểu rõ được pháp tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo, thể ngộ được: Vô thường, không, vô ngã. Trước lúc trời sáng, thầy đã đoạn được phiền não, chứng đắc sáu loại thần thông và được giải thoát.

Câu chuyện này muốn dạy cho chúng ta: Cái độc bên ngoài, chỉ hại đến cái sắc thân giả tạm, chính cái độc tiềm ẩn ở bên trong mới có đủ khả năng làm tổn hại đến huệ mạng của chúng ta; thứ độc bên trong mới là độc hại nhất, chúng ta cần phải tiêu diệt gấp.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 10 tháng 03 năm 2012

Phú quý vô thường nhanh tu lục độ

Kính chào quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ ~~Type equation here~~ Đại Trang Nghiêm Luận Kinh, quyển 3, kinh số 14, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 272a18-c16.

Ngày xưa, có một vị quốc vương, cùng với vị quan đại thần đi bộ trên đường, nhìn thấy năm trăm người ăn xin. Những người này vừa nhìn thấy nhà vua liền đồng thanh lớn tiếng nói: Xin hãy bố thí cho tôi! Xin hãy bố thí cho tôi! Nhà vua sau khi nghe xong, liền lãnh ngộ được, trong tâm suy nghĩ: “Những người ăn xin này, đến để nhắc nhở ta, trong quá khứ ta còn nghèo khổ bần cùng hơn những người này, nếu hôm nay không biết bố thí, sau này có thể sẽ như họ không khác”.

Nhà vua kể rằng: Những người này trong quá khứ, cũng đã từng rất giàu có. Họ có rất nhiều của báu,

nhưng miệng lúc nào cũng nói: Tôi không có cái gì để có thể bố thí. Chính vì cái nhân như thế, cho nên cái quả hôm nay phải làm thân phận của một người ăn xin, phải chịu thiếu thốn, khổ sở. Hôm nay ta được làm quốc vương, nếu ta cũng nói: Ta không có thứ gì có thể bố thí, thì tương lai nhất định cũng sẽ như họ, sẽ gánh chịu quả báo nghèo cùng.

Lúc đó có một vị đại thần, tên của ông ta là Thiên Pháp. Ông rất cung kính quốc vương, liền xuống ngựa chấp hai bàn tay lại, hướng về phía nhà vua thưa rằng: Những người ăn xin đó, ai ai cũng nói: Xin bố thí cho tôi! Xin bố thí cho tôi!

Quốc vương trả lời vị đại thần rằng: Ta nghe những lời như vậy, nhưng sự suy nghĩ của ta và của ông có chỗ không giống nhau. Theo ý ông thì những người ăn xin kia thiếu tiền và các vật dụng; nhưng theo ta hiểu thì không hoàn toàn như vậy.

Nhà vua bảo rằng: Những người xin ăn này có ý đến để thức tỉnh ta, giúp ta thấy được sự nghèo cùng của họ.

Những người ăn xin kia muốn nhắc nhở ta, chính

họ đã phải nhận lấy cái quả bần cùng như thế, đều là do quá khứ đã từng tham lam keo kiệt, không gieo cái nhân bố thí, phóng túng và lường gạt, cho nên hôm nay phải chịu cái thân phận khốn đốn như thế. Sự thiếu sáng suốt của những người ăn xin này, thể hiện qua những ý dưới đây:

Họ nói rằng: Trong quá khứ chính họ đã từng làm vua, được làm vua như mặt trăng giữa các ngôi sao. Các ngôi sao bao bọc lấy mặt trăng, có các lọng báu che trên đầu, hai bên cũng có đông đảo tỳ nữ xinh đẹp hầu hạ, và các quan lính tài giỏi theo hộ vệ; mọi người nghe đến đều đứng sang một bên, nhường lối đi, làm một vị quốc vương thật là oai phong như thế.

Tuy có được rất nhiều điều tốt đẹp, kỳ diệu, nhưng vì quá khứ tham lam keo kiệt, không biết gieo nhân bố thí, cho nên hôm nay đành phải nhận lấy quả bần khổ.

Họ đang nhắc nhở ta rằng: Những thứ hạnh phúc đó sẽ làm mê muội cái tâm của ngài, nếu ngài không thể nhận ra, thì khổ cũng từ đó mà hiện hữu. Cho nên, thưa quốc vương! Ngài cần phải hiểu rõ, chúng tôi bây giờ khổ như thế này, đều do trong quá khứ từng

bỏn xén, ngài đừng để như chúng tôi, cần phải phát tâm bồ thí, đừng bao giờ bị sa đọa như chúng tôi.

Vị Đại thần nghe xong, cảm thấy vô cùng vui mừng, chấp hai tay và thưa với quốc vương rằng: Thưa bệ hạ! Như lời đức Phật dạy, nhìn thấy người khác đang chịu khổ, không nên xa lánh họ hoặc sanh tâm ghét họ, nên tự mình phản tỉnh. Quốc vương hôm nay đang dần thấm thía lời dạy của đức Phật, nhìn thấy những người ăn xin kia, mà có thể tỉnh ngộ. Lành thay! Đại vương! Suy nghĩ của ngài thật tường tận, có thể thấu suốt những việc như thế, còn có thể hiểu và phân biệt rõ ràng lời dạy của đức Phật. Nhà vua có thể hiểu được thật tường, có khả năng dẫn dắt cả một quốc gia, xứng đáng là người đứng đầu đất nước! Thật không sai chút nào. Tại sao vậy? Bởi vì để có thể hiểu đúng ý nghĩa thâm sâu pháp của Đức Phật, đòi hỏi phải có trí tuệ, có cái nhìn đúng đắn thì mới có thể thông đạt được, chính vì thế mà nói rằng quốc vương là người làm chủ trong thiên hạ, thật không hổ thẹn chút nào.

Vị đại thần khi ấy nói bài kệ như sau:

Địa chủ (nghĩa là miêu tả đức tính nhân từ của nhà vua, vì thương dân, nên cũng có thể gọi là người làm chủ đất nước), phải nên như thế, trong tâm không một niệm bỏ quên dân chúng. Cái tâm như thế là cao đến vô thượng; Được cái tâm như vậy thật không dễ chút nào, muốn tư lợi cho bản thân cũng khó mà làm được.

Thân người khó được, lòng tin lại rất khó sanh khởi, tài bảo là giả tạm, lại khó thỏa mãn, mà ruộng phước thì không dễ gì gặp được để gieo trồng.

Cũng như thế, có rất nhiều việc khó mà quy về một mối, ví như trong biển mênh mông, con rùa mù muốn chui vào lỗ trống của khúc gỗ nổi, khả năng ấy có thể nói vô cùng hiếm!

Thân người cũng thế, thật khó mà được. Cũng như con rùa, mạng sống của nó kéo dài rất lâu, một trăm năm mới nổi lên một lần; thế mà trong biển rộng vô bờ bến như thế có một khúc gỗ, ở giữa bị thủng một lỗ. Khúc gỗ trôi lênh đênh trên mặt biển; Rùa mù lại một trăm năm nổi lên một lần, lại chui vào đúng ngay cái lỗ, cơ hội này càng vô cùng hiếm thấy.

Thưa Đại Vương! Những chuyện khó tìm thấy

như vậy lại cùng đến trong một lúc, đại vương đã đầy đủ tất cả phương tiện. Do đó, cảm phải nắm lấy nhân duyên này, không nên tùy tiện để tâm ý buông lung.

Thân người như lửa trong đá, như ánh sáng của điện, chỉ hơi buông lung liền không trở lại; Tuy được làm thân người, nhưng rất mong manh không thể giữ gìn được lâu dài.

Đợi đến lúc lâm chung, hai vai trĩu xuống, tay chân không nhắc nổi, tuy vẫn còn đi, đứng, nằm, ngồi, nhưng mỗi động tác không còn tự chủ được.

Hai mắt chậm chậm mở ra, giống như đang lúc sắp tử vong, đau đớn thống khổ, tuy có thân bằng quyến thuộc bên cạnh, nhưng nhìn thấy ngài sắp lìa xa, đều vô cùng thương tiếc, đau lòng rơi lệ.

Nếu họ đưa tay xoa nhẹ thân thể, an ủi, động viên tinh thần và khẽ nói: “Đừng sợ! Không có gì phải lo sợ!”. Tuy được mọi người vỗ về, an ủi như vậy nhưng cũng không mang lại lợi ích gì. Con đường vô thường cứ tiếp tục nối dài, nên càng thấm thía sự đau đớn.

Biết rõ cái cảnh biệt ly đến, đã bước qua gần hết cuộc đời, đang đi theo con đường tử vong dài đằng

đăng, dù có thêm nhiều báu vật hơn nữa, cũng không thể mang theo làm hành trang trên lộ trình sanh tử vô thường.

Khi các mạch máu không còn hoạt động, nét mặt của chúng ta cũng khó giữ được nguyên vẹn, thân chết đến thúc giục, chẳng khác nào đèn hết dầu, ánh sáng của đèn sẽ vụt tắt.

Đợi đến lúc đó, ai còn có thể thực hành bố thí, ai còn có thể trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định; Ai còn có thể tu trí huệ? Nên ngay từ bây giờ cần phải nỗ lực thực hành lục độ, đừng để vô thường đến, có hối hận cũng đã muộn màng.

Trong câu chuyện này, có mấy điểm chính nhắc nhở chúng ta. Khi thấy người đang chịu khổ, không được sanh tâm chê bai ghét bỏ. Tự mình cần cảnh giác: “Nếu mình không có tâm từ bi, hoặc không có một sự chuẩn bị cho tương lai, mà lại còn nói rằng tương lai chưa chắc có quả báo khổ như vậy” – Cần thức tỉnh!

Chúng ta cần phải suy xa nghĩ rộng hơn, tự mình nếu như thường có những cái bệnh kiêu như thế, cần phải sớm trừ bỏ, nên nhanh chóng chuyển hóa chúng,

đừng lãng phí thời gian.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 19 tháng 05 năm 2012

Viên hồng ngọc

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử! Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Chúng Kinh Soạn Tập Thí Dụ, quyển 2, kinh số 27, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 537c23-538a15.

Một hôm nọ, thầy A Nan đang ở bên cạnh Đức Phật, Thầy hỏi Đức Phật như vậy: Thế Tôn xuất thân từ giòng họ đế vương, trải qua sáu năm tu khổ hạnh, cuối cùng ở dưới cây Bồ Đề ngộ đạo, thành Phật, xem ra cũng chẳng mấy khó khăn, đắc đạo cũng dễ dàng.

Đức Thế Tôn không trực tiếp trả lời thầy A Nan là khó khăn hay dễ dàng. Ngài bèn kể cho Thầy nghe một câu chuyện. Ngày xưa, có một vị trưởng giả, vị này tiền tài nhiều vô số. Tất cả các loại trân bảo ông đều đầy đủ, chỉ thiếu một món đó chính là hồng ngọc. Ông thường cảm thấy không mãn nguyện, cho nên nghĩ cách đi ra biển tìm loại trân châu này. Vượt qua rất nhiều khó khăn, vất vả, mà vẫn chưa đi đến nơi có loại trai ngậm hồng ngọc, thật không dễ chút nào.

Loại trai này thích ăn máu tươi, vì thế vị trưởng giả phải làm cho thân mình chảy máu, sau đó cho vào trong túi khí như trai, rồi thả xuống biển. Trai ngửi được mùi tanh của máu lập tức tới hút máu trong túi, liền bị ông câu lên. Sau đó ông mổ trai ra, lấy hồng ngọc ở bên trong. Ông làm như vậy trong suốt ba năm, thật không đơn giản mới có thể xâu lại thành một chuỗi ngọc trai.

Ông trở vào bờ, có người bạn thấy vật quý giá như thế, liền khởi lòng tham, dùng mưu kế để được làm chủ bảo vật. Nhân lúc ông trưởng giả đến bên giếng lấy nước, người này nấp gần đó rồi đến đây ông rút xuống giếng, sau đó đây kín miệng giếng lại. Ông ở trong đó rất lâu, thầm nghĩ chắc sẽ bị mất mạng. Bỗng nhiên thấy có một con sư tử, từ phía bên kia hang cạnh giếng đến uống nước, ông càng sợ hãi, nghĩ rằng: nếu ở trong đây không vì đói mà chết, thì sớm muộn cũng phải làm mồi cho sư tử thôi. Nghĩ vậy ông lại càng sợ hơn. Cuối cùng thật may mắn, sư tử giải khát xong là đi. Trưởng giả lần theo đường mòn lên mặt đất. Sau đó ông tìm đến nhà người bạn, nói với anh ta

rằng: Chỉ vì râu chuối trên châu này mà ông lại dùng mưu kế giết chết tôi để cướp. Sự việc này chưa bị lộ ra bên ngoài, nếu ông âm thầm trả lại, tôi sẽ giữ kín chuyện, không tiết lộ cho người khác biết!

Người bạn nghe xong, vừa hồ thẹn vừa sợ hãi, liền trả lại chuối trên châu cho ông trưởng giả. Ông nhận chuối ngọc trở về nhà.

Hai đứa con của ông trưởng giả lấy chuối hồng ngọc ra chơi, đứa này hỏi đứa kia: Có biết chuối ngọc trai này từ đâu mà có không? Đứa lớn trả lời: Chắc là từ trong túi áo của anh mà có được. Đứa nhỏ lại bảo rằng: Không phải! Không phải đâu! Hình như từ trong lu nước mà có.

Người cha thấy vậy mỉm cười xót xa. Người vợ liền hỏi: Ông đang cười gì thế?

Ông trưởng giả bảo: Những đứa con thơ dại, không biết cha của chúng phải vất vả như thế nào. Tôi phải cắt thịt lấy máu cho trai hút, đi bắt từng con như vậy suốt ba năm, thật không dễ dàng mang về đến nhà, lại còn bị người khác dùng âm mưu để hại, suýt một chút là mất mạng. Các con vốn không biết ngọn ngành

sự việc, hiểu lầm rằng chuỗi hồng ngọc này lấy từ trong lu nước.

Đến đây, Đức Thế Tôn mới bảo với thầy A Nan: Thầy thấy ta trong đời này, chỉ tu khổ hạnh sáu năm là được thành Phật, nhưng Thầy lại không biết trong vô số a tăng kỳ kiếp, ta cũng đã vô cùng vất vả, tu học từng li từng tí, mãi cho đến hôm nay công đức mới viên mãn, mới được thành Phật. Thầy chưa hiểu, nên cho rằng thành Phật đơn giản đến thế! Cũng như những đứa trẻ thơ dại nghĩ rằng chuỗi trân châu được sanh ra từ trong túi áo của chúng! Cho nên cần hiểu rằng phải tu vạn hạnh, phải tích lũy công đức từ nhiều đời mới có thể thành tựu được, không phải từ một việc, một hành động, hay chỉ trong một đời mà đạt được đạo quả!

Câu chuyện này nhằm muốn khuyên chúng ta, không nên chỉ nhìn sự thành công của một người thể hiện ở bên ngoài. Kỳ thực để được như vậy người ấy bỏ ra rất nhiều tâm huyết. Và không phải đơn thuần trong một đời mà thành tựu, có thể nói trong quá khứ đã gieo trồng nhân duyên phước đức và trí tuệ, đã tích

lũy từ nhiều đời. Chúng ta không nên chỉ ngưỡng mộ sự thành công của một người trong hiện tại. Cần phải hiểu rằng người ấy không ngừng vun bón nhân phước đức, trí tuệ, tinh tấn tu tập, đến một ngày nhân duyên tự nhiên được chín muồi, thì mới gặt hái được hoa thơm quả ngọt.

Chúng ta cùng nhau cố gắng.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 07 tháng 04 năm 2012

Nhân duyên Đức Phật tẩm cho vị tỳ kheo lâm bệnh

Kính thưa quý Thầy Cô, quý vị Phật tử!

Hôm nay, xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Đào Trượng. Câu chuyện này được trích ra từ trang 591b9-c16, quyển 4 của Đại Chánh Tạng.

Vào thời quá khứ, có một quốc gia tên là Hiền Đề. Lúc bấy giờ, có vị tỳ kheo lâm bệnh nặng nằm trên giường rất lâu, sức khoẻ đã suy yếu rất nhiều, đại tiểu tiện đều phải đi trên giường, toàn thân dơ bẩn và hôi hám nên không có ai lui tới chăm sóc.

Một ngày nọ, Thế Tôn cùng năm trăm đệ tử đến thăm vị tỳ kheo này và hỏi:

- Thầy bệnh lâu như vậy nhưng không có ai chăm sóc Thầy hay sao?

Vị tỳ kheo đáp:

- Dạ thưa không, bạch Thế Tôn!

Đức Phật hỏi:

- Lúc trước, khi sức khỏe còn tốt, Thầy có từng viếng thăm, chăm sóc qua bệnh nhân nào không?

Vị tỳ kheo đáp:

- Dạ thưa không , bạch Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

- Vậy thì đúng rồi! Trong quá khứ, Thầy không gieo nhân lành cho nên nay nhận quả như vậy.

Đức Phật từ bi bảo các vị đệ tử thay phiên nhau chăm sóc, nấu cháo mang đến cho vị tỳ kheo. Nhưng các vị đệ tử nhìn thấy vị tỳ kheo nằm bệnh, toàn thân dơ bẩn, hôi hám nên đã khởi tâm xa lánh. Thế Tôn biết tình hình như vậy, liền nhờ trời Đế Thích mang nước nóng đến, Đức Phật đích thân dùng tay kim cang tắm rửa sạch sẽ cho vị tỳ kheo. Lúc bấy giờ, đại địa chấn động, phóng đại quang minh, tất cả mọi người chứng kiến cảnh tượng như vậy đều vô cùng kinh ngạc, không gian như ngừng lại một cách trang nghiêm.

Quốc vương, thần dân, chúng quỷ thần cùng với vô số người lần lượt đến trước Phật, cung kính đánh lễ, hướng về phía Đức Thế Tôn mà thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, người là bậc đạo sư tôn quý của thế gian, là thầy của trời người trong ba cõi, phước đức, trí tuệ đã viên mãn, tại sao lại còn đích thân tắm cho vị tỳ kheo vừa bệnh, vừa gầy, vừa hôi hám này?

Thế Tôn nói với toàn thể đại chúng và đức vua rằng:

- Như Lai ra đời không phải để hưởng thụ, mà là để cứu độ cho những mảnh đời cô độc, khổ nạn không nơi nương tựa. Nếu có ai có thể chăm sóc người xuất gia tu hành, người già neo đơn, thì người đó sẽ hưởng phước đức vô lượng, tâm mong cầu điều gì, đều có thể viên mãn. Giống như sông Hằng được hình thành từ năm dòng sông khác; phước đức của người đó cũng như vậy, do huân tập mà có được, công đức dần dần viên mãn, đến một ngày không xa thành tựu được đạo quả.

Nhà vua bạch cùng Đức Phật :

- Bạch Thế Tôn, vị tỳ kheo này trong đời quá khứ đã tạo tội nghiệp gì, vì sao bị bệnh nằm lâu ngày như vậy mà không cách nào trị khỏi?

Đức Phật đáp:

- Đời quá khứ, có một vị vua tên là Tác Ác Hạnh, cai trị nhân dân rất hà khắc và tàn bạo. Ông ta tìm một quan cai ngục lực lưỡng bạo tàn; khi có tội nhân, liền gọi quan cai ngục này đến hành hình. (thời xưa, người đảm nhận việc xử phạt tội nhân có chức danh là Ngũ Bách 五百. Các bản kinh đời Tống, Nguyên, Minh thì gọi là Ngũ Bách 伍伯. Ngũ Bách 伍伯, đây chỉ là chức danh chứ không phải tên thật của quan cai ngục).

Ngũ Bách thường mạo danh nhà vua để lộng quyền, tự tung tự tác, tùy theo ý muốn mà hành xử, có lúc rất độc đoán, có lúc lại nhân từ rộng lượng. Thường khi gặp tội nhân, lợi dụng thời cơ đòi hối lộ; Nếu có người đút lót, ông ta đánh nhẹ hơn một chút, nếu không có, sẽ đánh người ta đến nổi rách da nát thịt. Dân chúng trong nước đều vì Ngũ Bách mà chịu khổ.

Bấy giờ, có một vị hiền nhân đức hạnh, bị người ta vu oan. Lúc sắp bị Ngũ Bách đánh, ông ta liền nói: "Ta là đệ tử của Phật, vốn không phạm tội gì, mà bị người khác vu khống, mong ông tha cho". Lúc đó Ngũ Bách bỗng khởi từ tâm, tuy cũng cầm roi da múa vài

đường, nhưng đều không nhằm đánh trúng vị hiền nhân.

Sau khi Ngũ Bách qua đời, nhân vì tội hồi lộ trong quá khứ, cùng vô số tội ác khác nên bị đọa vào địa ngục, nhận chịu vô số roi da, thống khổ vạn phần. Khi đã trả hết tội báo ở địa ngục, lại chuyển làm súc sanh; Làm súc sanh cũng bị đày đọa đánh đập. Trải qua năm trăm kiếp như vậy, tội báo làm súc sanh trả hết thì tái sanh làm người. Tuy được làm người, nhưng cũng phải chịu nhiều sự đau khổ, bệnh tật liên hồi.

Đức Phật bảo rằng:

- Vị quốc vương lúc bấy giờ là Đề Bà Đạt Đa, còn Ngũ Bách chính là vị Tỳ kheo lâm bệnh, còn vị hiền giả chính là ta.

Ta vào đời quá khứ bị quan cai ngục Ngũ Bách đánh roi da, ông ấy vì ta mà nương tay; Do tiền kiếp đã kết chút thiện duyên, cho nên đời này ta đích thân tắm cho vị tỳ kheo này.

Tất cả những hành vi thiện ác của con người, đều chiêu cảm theo phước đức, tội báo như bóng theo hình; bất luận họ đi đến đâu, bóng liền theo đến đó. Họ

phúc theo thân, khi chuyển kiếp rồi, cũng khó tránh khỏi những quả báo đã tạo.

Nói đến đây Thế Tôn liền nói bài kệ có nội dung như sau:

- Nếu chúng ta cố ý đánh đập, hủy báng, gán tội cho người lương thiện thì quả báo phải chịu gấp nhiều lần. Mười tội báo này trở lại rất nhanh, khó mà tránh khỏi.

Thế nào là mười?

Thứ nhất, lúc còn sống phải chịu vô số thống khổ.

Thứ hai, thân thể hình hài không được khỏe mạnh, chịu nhiều khuyết tật.

Thứ ba, do nhân quả nghiệp báo mà phát sanh khổ não, bệnh tật.

Thứ tư, không đạt chí nguyện, tâm thần bất ổn.

Thứ năm, thường bị người khác vu oan hãm hại.

Thứ sáu, thường bị gọi đến quan phủ chịu các hình phạt.

Thứ bảy, tài sản không có cách nào giữ được lâu, thường không có cánh mà bay.

Thứ tám, bạn bè rời xa, người ngoài thì phản,

người thân thì xa lìa.

Thứ chín, nhà cửa có được thường bị hỏa hoạn thiêu hủy.

Thứ mười, sau khi chết bị đọa vào địa ngục.

Bảy giờ, thầy tỳ kheo lâm bệnh nghe Đức Phật nói như vậy về tội nghiệp trong đời quá khứ, hiểu được nhân duyên giữa mình và Thế Tôn, liền khắc cốt ghi tâm, khẩn thiết phản tỉnh. Ngay lúc đó, tất cả các bệnh khổ, đau đớn đều tiêu tan, thân tâm an định, chứng quả A La Hán. Vua nước Hiền Đề nghe được cũng rất hoan hỷ, phát nguyện thọ trì năm giới làm Ưu Bà Tắc, đồng mãnh tinh tấn, y giáo phụng hành, chứng được Sơ quả.

Câu chuyện này có mấy điểm cho chúng ta học tập, sách tấn bản thân:

Thứ nhất, Đức Phật dạy: "Nếu có thể thăm hỏi, chăm sóc các vị tỳ kheo lâm bệnh, hoặc người bệnh, thì giống như hầu Phật vậy. Công đức này bằng với công đức được gặp Phật, được cúng dường Phật". Thầy tỳ kheo này nhân vì trong quá khứ chưa từng chăm sóc người khác, cho nên khi mắc bệnh cũng

không có ai chăm sóc. Chúng ta nên tự nhắc nhở mình: "Bản thân có thường dùng lòng từ bi và thái độ ôn hoà đến thăm hỏi, chăm sóc bệnh nhân, quan tâm người cô độc không nơi nương tựa hay chưa? Có từng trồng hạt giống thiện duyên này hay chưa?"

Thứ hai, chúng ta không nên vì nhất thời vui miệng, không cẩn thận vu oan giá họa cho người lương thiện, chuyện không nói có, gán ghép tội lỗi cho người. Nếu chúng ta có một chút thiện niệm, nhiều một chút từ bi, cùng mọi người kết rộng thiện duyên thì những thiện duyên này sẽ đưa đến quả báo tốt. Mong rằng tất cả chúng ta lưu ý đến tâm niệm và hành vi của mình.

Hôm nay, cùng mọi người chia sẻ đến đây!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 20 tháng 10 năm 2012

Nhân duyên năm trăm người mù trở lại tìm gặp Đức Phật

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng quý vị Phật tử!

Lần này xin được chia sẻ cùng quý vị câu chuyện Phật Pháp, được trích từ Kinh Hiền Ngu, quyển 4, Đại Chánh Tạng, trang 392c26- 393b8.

Vào thời quá khứ, Phật trú tại vườn Kỳ Đà Cấp Cô Độc, nước Xá Vệ. Cách xa đó có một nước tên là Tỳ Xá Li. Ở Tỳ Xá Li bấy giờ có năm trăm người mù phải đi xin ăn. Họ nghe đồn rằng: "Đức Phật ra đời rất kì diệu và thù thắng! Khiến cho bất kì ai bị bệnh gì, thân thể suy yếu, già nua mà chỉ cần nhìn thấy Phật, đều có thể được trị lành. Mắt không nhìn thấy có thể hồi phục thị lực, tai không thể nghe có thể nghe lại, miệng bị câm có thể nói được, lưng bị gù có thể thẳng lại, tay bị cong, nắn thẳng ra được, chân bị què thì có thể sửa thẳng và đi đứng bình thường. Người trí não hoảng loạn có thể hồi phục tinh thần trở lại, cũng có thể khiến cho người nghèo khổ bần cùng có được cơm

ăn, áo mặc. Nếu có ưu sầu, khổ não đều có thể giải trừ."

Nghe đến đây những người mù lấy làm vui sướng, họ cùng nhau thảo luận: "Ấy da! Chúng ta đây thiệt tình là nghiệp chướng, tội lỗi quá nặng, phải chịu quả báo thống khổ, đau đớn như vậy. Nếu như có thể gặp được Đức Phật thì may mắn biết chừng nào!" Cho nên mọi người đi nghe ngóng tin tức Thế Tôn hiện đang ở đâu để đến diện kiến. Có người thông báo: "Thế Tôn hiện đang ở nước Xá Vệ, ở một nơi rất xa." Nghe được tin vui này, họ dâng tràn niềm hy vọng, đứng bên đường kêu xin thống thiết: "Trời ơi, có ai thương xót cho chúng tôi, đại từ đại bi đưa chúng tôi đến nước Xá Vệ, nơi Thế Tôn đang trú để chúng tôi được gặp Phật." Kết quả dù hỏi thăm rất lâu mà cũng không có một ai đến giúp đỡ.

Lúc ấy, năm trăm người mù bàn bạc với nhau: "Chúng ta trong tay không có một thứ gì, cũng chẳng có gì trả công cho người ta, nên không có ai sẵn lòng giúp đỡ." Có người đưa ra ý kiến: "Hay là như vậy đi, chúng ta chia nhau đi xin. Nếu mỗi người có thể kiếm

được một đồng tiền thì năm trăm người sẽ kiếm được năm trăm đồng tiền, lúc đó chắc chắn sẽ có người bằng lòng đưa chúng ta đến gặp Phật."

Mọi người đều cảm thấy ý kiến này rất hay, cho nên đã chia nhau ra và nỗ lực kiếm tiền. Sau đó mỗi người đều kiếm được một đồng tiền, gộp lại vừa đủ năm trăm đồng. Họ bèn hô lớn: "Mọi người có ai có thể đưa chúng tôi đến nước Xá Vệ không, chúng tôi sẽ trả công năm trăm đồng tiền."

Lúc này đã có tiền nên có người đáp ứng liền. Anh ta nói: "Được, tôi sẽ đưa mọi người đi." Và họ liền lấy tiền ra đưa cho người này. Anh ta đi trước dẫn đoàn người tay cầm tay lên đường. Cứ thế đi được nửa đường, qua đến nước Ma Kiệt Đà, anh ta đành lòng bỏ rơi đoàn người mù chơi vui giữa đầm lầy, rồi cầm tiền cao chạy xa bay. Đoàn người mù không biết mình đang ở nơi nào, cách quê nhà Tỳ Xá Li thân quen đã bao xa? Mọi người chẳng biết làm gì hơn là nắm chặt tay nhau tiến về phía trước và vô tình đi lạc vào một nông trại, giẫm đạp lên nông sản của người ta.

Đúng lúc đó, vị trưởng giả đến thăm vườn, nhìn

thấy nhiều tiếng bước chân giẫm đạp lên nông sản của mình, trước mắt ông không phải một hai con trâu ... mà là năm trăm người đang giẫm nát nông trại, gây tổn thất quá lớn. Ông ta rất giận giữ, liền lấy roi quất cho họ một trận như tử. Đoàn người mù than khóc cầu cứu, đem sự tình dài lê thê kể lể một mạch. Vị trưởng giả này cũng lấy làm thương xót cho họ, liền sai một người giúp việc dắt họ đến nước Xá Vệ gặp Đức Phật.

Khi họ vừa đến nước Xá Vệ, thì nghe tin: "Thế Tôn đến nước Ma Kiệt Đà rồi." Trời ạ! Mọi người nghĩ: "Chúng ta mới vừa đến, Thế Tôn đã đi xa như vậy, giờ phải làm sao đây? Quay trở lại đi theo thôi!" Rồi lại nắm tay nhau về lại nước Ma Kiệt Đà để được gặp Đức Phật.

Lúc bấy giờ, mọi người đối với Đức Phật hết mực cung kính, một lòng muốn được gặp, cho nên tuy mắt không nhìn thấy nhưng tâm thì đã nhìn thấy Đức Phật. Niềm hoan hỷ xuất phát từ nội tâm nên không ai thấy mệt mỏi, đường tuy xa nhưng tất cả mọi người đều hớn hờ mong gặp được Thế Tôn, quên cả mệt nhọc.

Về đến nước Ma Kiệt Đà, họ lại nghe nói Thế Tôn

đã trở về lại nước Xá Vệ rồi! " Ông trời ơi! Sao Thế Tôn không đợi một chút xíu, chúng ta vừa mới về thì Ngài lại đi". Rồi họ lại tiếp tục quay lại nước Ma Kiệt Đà. Cứ như vậy họ đi đi về về bảy lượt như thế.

Xin hỏi quý vị: "Nếu chúng ta đi gặp Đức Phật, chúng ta có lòng thành đến như vậy không? Nói không chừng chỉ mới một lần thôi là đã thôi chí. "Ôi! Không gặp được đức Phật rồi, thôi bỏ cuộc đi!" Nhưng ở đây, tâm của họ rất kiên định, vì mong muốn được gặp đức Phật mà đi đi về về, chạy tới chạy lui bảy lần như thế."

Lúc này, Thế Tôn biết đoàn người mù nghiệp chướng đã giảm đi nhiều, thiện căn cũng đã thành thực, tâm cung kính, niềm tin... tất cả đều kiên cố, thuần khiết, cho nên Ngài thấy cơ duyên chín muồi, liền ở lại nước Xá Vệ đợi họ tới.

Người giúp việc dẫn đoàn người mù tới nơi, họ chậm chậm chậm chậm tiến lại gần Thế Tôn, toàn thân Đức Phật tỏa ra ánh quang minh, chiếu sáng khắp những người mù, khiến họ cảm thấy rất hỷ lạc. Lúc này, hai mắt của họ đã có thể nhìn thấy xung quanh.

Họ thấy được bốn chúng đệ tử ngồi quanh Thế Tôn, toàn thân Như Lai tỏa sáng như Tử Kim Sơn²; họ cảm nhận được ân đức thù thắng của Thế Tôn, hạnh phúc không gì bằng, vô cùng xúc động, không thể nén lòng. Họ đến bên Đức Phật, toàn thân tiếp đất đánh lễ Như Lai. Sau khi đánh lễ xong, mọi người đồng thanh thưa: " Kính xin đức Thế Tôn từ bi thương xót, cho chúng con được theo Ngài xuất gia."

² Tử Kim Sơn 紫金山, còn gọi là Chung Sơn 鍾山. Theo Phật Quang Đại Từ Điển, Chung Sơn còn có các tên gọi khác như: Tường Sơn, Bắc Sơn, Kim Lăng Sơn, Thần Liệt Sơn, Thánh Du Sơn, là một dãy núi nổi tiếng ở thành phố Nam Kinh, Trung Quốc. Phía đông Chung Sơn giáp các núi Thanh Long, Nhạn Môn; phía Tây giáp các núi Phúc Chu, Trĩ Đình; phía Tây gần suối Thanh Khê; phía Nam gần Chung Phổ Thủy. Ngọn núi cao nhất của Tử Kim Sơn là Bình Phong. Phía đông đỉnh Bình Phong có Bát Công Đức Thủy; phía Tây có các suối Đạo Quang, Tống Hy; phía Bắc có suối Nhất Nhân. Theo thư tịch để lại, núi này từng có ba mươi một động. Vào đời nhà Hán, Tường Tử Văn mất ở núi này. Về sau, vào thời Ngô Đại Đế có điều thần dị ở đây nên chùa được dựng lên, tên núi Tường Sơn cũng từ đó hình thành. Vào đời Lục Triều, có các chùa: Định Lâm, Đạo Lâm, Trúc Lâm, Tống Hy, Ái Kính, Thảo Đường, Dược Vương, Khai Thiện (chùa Khai Thiện vào thời nhà Minh được đổi tên thành Linh Cốc). Khi ấy có nhiều cao tăng, đại đức đến Chung Nam ẩn tu. (Phật Quang Đại Từ Điển)

Đức Phật đáp: "Lành thay, hãy đến đây nào các tỳ kheo!". Tức thì râu tóc của họ tự nhiên rụng xuống, tăng phục được khoát lên thân. Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp, các vị liền chứng được quả A La Hán.

Lúc bấy giờ Ngài A Nan thấy mắt của đoàn người mù đã được hồi phục, huệ nhãn cũng được khai mở, trở thành bậc A La Hán vì dứt sạch phiền não. Ngài A Nan liền quỳ xuống, chấp tay bạch cùng Đức Phật: "Bạch Thế Tôn, Đức Như Lai ra đời thật là kỳ diệu! Ngài trao truyền thiện pháp bất khả tư nghì, năm trăm người mù thấm nhuần ân đức thù thắng, hồi phục thị lực, nhìn thấy ánh sáng, lại được huệ nhãn. Thế Tôn ra đời, thật là bất khả tư nghì!".

Câu chuyện này gợi mở cho chúng ta điều gì? Chúng ta nghĩ mà xem, những người mù này, mắt không nhìn thấy đường, thường phải bước những bước không an toàn, thật là nguy hiểm đúng không? Thật là khổ đúng không? Nhưng có những người không bị mù, tuy mắt có thể nhìn thấy mọi vật, thấy đường để đi, nhưng không tin nhân quả, thích làm việc ác, không theo con đường chân chánh, không

thực hành bát chánh đạo, có phải cũng nguy hiểm như vậy không?

Bát chánh đạo bao gồm: “Bát chánh đạo thế gian” và “Bát chánh đạo xuất thế gian”. Bát chánh đạo là tám con đường chân chánh, gồm có: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, và chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Chánh kiến của thế gian là phải biết có thiện, có ác, có tạo nghiệp, có quả báo, có đời trước, có đời sau; có phàm phu, có thánh nhân, đây là chánh kiến của thế gian. Chúng ta có đầy đủ chánh kiến về nhân quả ba đời chưa?

Ngoài chánh kiến của thế gian còn có chánh kiến xuất thế gian, cũng chính là rõ Pháp duyên khởi và Pháp tứ đế. Chúng ta tuy có nhục nhãn nhưng chưa có huệ nhãn, cho nên không biết được con đường chân chánh để ra khỏi hầm lửa tam giới là như thế nào. Mãi luân hồi trong mê cung tam giới, chẳng phải là con đường đầy nguy hiểm sao?

Chúng ta chưa khai mở được huệ nhãn, chẳng phải cũng giống như những người mù này sao? Chẳng phải

cũng rất là mong muốn được gặp đức Phật, mong muốn được khai mở huệ nhãn, mong muốn ra khỏi luân hồi trong ba cõi sao? Hôm nay, chúng ta có đầy đủ phước duyên học Phật Pháp, giống như trong đêm đen tìm thấy được ánh đèn vậy, mong rằng mọi người có thể hiểu và nắm bắt thời gian, tinh tấn tu hành chánh đạo, từng bước, từng bước đi tới gần con đường thành Phật.

Mong mọi người cùng nhau tu tập.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 15 tháng 09 năm 2012

Vị Sa môn chịu bị cướp chặt đứt cánh tay để giữ mạng sống đến gặp Đức Phật và ngộ đạo

Kính chào quý thầy, quý cô cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay xin chia sẻ cùng quý vị một mẫu chuyện trong Kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ "Kinh Bồ Tát Bốn Hạnh" trong Đại Chánh Tạng, quyển 3, từ trang 111b26- 112b2.

Vào thời quá khứ, lúc Đức Phật trú ở nước Xá Vệ trong vườn ông Kì Đà Cấp Cô Độc, đại đệ tử của Thế Tôn là Ngài Xá Lợi Phất ngày đêm sáu thời, ban ngày ba thời (sáng, trưa, chiều), và buổi tối ba thời (chập tối, đêm, khuya) Ngài thường vì đạo quán sát chúng sanh, nếu thấy ai cơ duyên đã thành thực thì liền đến hóa độ. Lúc bấy giờ, vua Ba Tư Nặc có một vị đại thần tên là Sư Chất, ông ta có một gia tài đồ sộ. Ngài Xá Lợi Phất thấy nhân duyên của ông đã thành thực có thể hoá độ được, nên sáng sớm hôm sau ngài đến nhà người này khát thực. Thấy ngài đến, ông cúi đầu

đánh lễ và cung kính mời vào nhà, thiết tòa mời ngài ngồi, rồi cúng dường phẩm vật, sau đó cung thỉnh ngài ban cho giáo pháp.

Sau khi thọ trai, ngài Xá Lợi Phất thuyết pháp cho Sư Chất nghe. Ngài dạy rằng: "Tất cả những gì thuộc về vinh hoa phú quý chính là nguồn gốc của khổ đau, tình cảm luyến ái trong gia đình giống như ở trong lao ngục, tất cả đều biến hoá vô thường. Những gì tưởng chừng quý giá trong ba cõi như huyễn hoá không có gì là lâu bền, luân hồi sanh tử trong năm đường (chính là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời và người), chẳng qua là sự thay hình đổi dạng mà thôi, chứ không có của cải gì của ta tồn tại thực sự."

Sư Chất nghe xong, cảm thấy lo sợ không yên. Ông không còn muốn tham ái chấp giữ vinh hoa phú quý, xem nhà cửa như nấm mồ ngoài nghĩa trang không khác. Do vậy, ông đem hết tài sản của cải, thậm chí cả vợ con nhường hết cho em trai, phần mình xuống tóc, khoác cà sa đi vào rừng tọa thiền học đạo. Vợ Sư Chất từ ngày bị nhường lại cho người em trai, suốt ngày buồn bã âu sầu, cứ mãi nhớ thương

người chồng cũ, đối với người chồng sau (cũng chính là em trai của ông) hững hờ không chút tình cảm. Em trai Sư Chất (chính là người chồng sau của bà) thấy vậy bèn hỏi: Chúng ta có của cải đầy nhà, không thiếu một thứ gì, tại sao bà cứ âu sầu không vui vậy? Bà thật thà trả lời:

- Bởi vì tâm tư tôi đều nghĩ về chồng cũ, cho nên không thể nào vui nổi.

Người chồng mới nói:

- Bà bây giờ đã là vợ của tôi, sao suốt ngày còn nhớ đến chồng cũ?

Bà ta đáp:

- Người chồng cũ đối xử với tôi rất mực nồng nàn và ấm áp, không ai có thể so sánh được với ông ấy, nên tôi không thể nào nguôi nhớ được.

Nghe vậy, người em trai thâm nghĩ:

- Chị dâu mãi nhớ về anh trai như vậy, e là một ngày nào đó ông ấy xả giới hoàn tục, sẽ trở về đòi lại toàn bộ tài sản, như thế này thì không được rồi!

Vì vậy người em âm thầm tìm một tên cầm đầu băng cướp, thuê hẳn ta năm trăm đồng tiền rồi nói:

- Anh trai ta đã xuất gia làm sa môn, người hãy đem đầu ông ấy về cho ta.

Tên cướp nhận tiền và đi thẳng vào núi tìm vị sa môn. Gặp hẳn ta, vị sa môn nói:

- Ta bây giờ mặc đồ rách rưới như thế này, chẳng có một chút của cải nào, người đến đây làm gì?

Tên cướp thẳng thắn nói với vị sa môn:

- Bởi vì em trai ông thuê ta đến giết ông.

Vị sa môn nghe xong hết hồn, nói với tên cướp:

- Ta mới xuất gia chưa được bao lâu, còn chưa gặp được Đức Phật, cũng chưa hiểu lắm Phật pháp, người có thể tạm thời tha mạng cho ta không? Đợi sau khi ta gặp đức Phật, học hiểu Phật Pháp rồi người lại đến giết ta cũng chưa muộn!

Tên cướp nói:

- Không được, không được! Ta nhận lời giết ông nên phải giữ lời. Cho nên bây giờ ta không thể không giết ông.

Vị sa môn nói:

- Đành chịu thôi!

Và ông ta giơ một cánh tay lên nói:

- Hay thế này đi, người lấy bớt một cánh tay của ta trước, tạm thời cho ta giữ lại mạng sống, để ta có thể gặp Đức Phật, có thể nghe pháp.

Vậy là tên cướp liền chặt một cánh tay của vị sa môn đem về giao cho người em.

Vị sa môn chịu đựng cơn đau đi tìm gặp Đức Phật, hướng về phía ngài đánh lễ, sau đó ngồi sang một bên. Đức Phật khai thị cho ông:

- Ông từ nhiều kiếp trong quá khứ đến nay đã bị chặt chân, tay, đầu, máu chảy nhiều hơn nước bốn biển! Xương cốt của ông chất cao hơn cả núi Tu Di. Nước mắt của ông còn nhiều hơn nước trong bốn biển, ông uống sữa mẹ cũng nhiều hơn cả nước của sông, biển. Từ muôn kiếp đến nay ông gặp biết bao khổ sở như vậy, chứ không phải chỉ trong đời hiện tại này mà thôi. Tất cả các thân trong ba cõi (cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới), ông đều nhận chịu vô số khổ sở. Tất cả những khổ đau này từ đâu mà có? Chính là vì chúng sanh có phiền não, có phiền não nên tạo nghiệp, nghiệp lực chiêu cảm nên nhận quả báo khổ nơi thân, mới có đau khổ như vậy. Bởi vì chúng sanh tham ái,

cho nên mới có những loại khổ như vậy. Nếu như đoạn trừ được ngu si, ái nhiễm, thì sẽ không còn luân tập các nghiệp bất thiện như vậy nữa, sẽ không còn nhận chịu quả báo khổ nơi thân. Khi không còn cái thân này, các loại khổ cũng được tiêu trừ, cho nên hãy tinh tấn thực hành bát chánh đạo.

Vị sa môn lắng nghe Đức Phật khai thị, hốt nhiên khai ngộ, thân tâm hoan hỷ chứng quả A La Hán, ngay lúc đó xả báo thân nhập Vô dư Niết Bàn.

Còn tên cướp mang cánh tay của ngài về đưa cho người em. Người em cầm cánh tay của người anh mang đến trước mặt người vợ nói:

- Bà nhớ chồng cũ như vậy, được thôi, đây là cánh tay của ông ta. Nghe vậy người vợ vô cùng đau khổ, khóc nghẹn không nói nên lời, bà tìm đến thưa với nhà vua. Sau khi nhà vua điều tra chân tướng sự việc quả y như vậy liền xử người em tội chết. Nghe đến đây các vị tỳ kheo cảm thấy băn khoăn:

- Bạch Thế Tôn, vị sa môn này trong quá khứ đã tạo những nghiệp ác gì mà chịu quả báo bị chặt tay như vậy? Và đã có công đức gì mà bây giờ gặp được

Như Lai và chúng được quả A La Hán thừa Thế Tôn?

Đức Phật nói với các vị tỳ kheo:

- Vào đời quá khứ, ở nước Ba La Nại có một vị vua tên là Bà La Đạt. Một ngày nọ nhà vua đi săn, đuổi theo thú rừng, bị lạc đường không biết làm sao để về nhà. Lúc đó, xung quanh toàn là rừng rậm, cây cối mọc cao ngất che cả bầu trời, quả thực là không thể tìm được lối ra. Nhà vua vô cùng hoảng sợ chỉ biết nhắm về phía trước mà đi, may mắn gặp được vị Bích Chi Phật. Nhà vua hỏi vị Bích Chi Phật: "Ta bị lạc đường, mất phương hướng rồi, ta làm thế nào để trở lại hoàng cung bây giờ? Đại đội binh mã của ta rớt cuộc đang ở đâu?" Lúc đó vị Bích Chi Phật do cánh tay của mình mọc mụn nhọt, đau nhức không thể nhấc cánh tay lên chỉ đường được, nên đã dùng chân chỉ đường cho nhà vua về cung. Nhà vua thấy vậy rất nổi giận quát rằng: "Ta đường đường là vua một nước, người cũng là thần dân của ta! Tại sao gặp ta nhà ngươi không đứng dậy kính lễ mà còn dùng chân chỉ đường cho ta hả?" Nói xong liền rút đao chặt đứt cánh tay của vị Bích Chi Phật.

Vị Bích Chi Phật nghĩ: "Bây giờ nhà vua phạm tội sát hại bậc Thánh, nếu không nhanh chóng sám hối tội lỗi, sau này sẽ chịu quả báo rất nặng không có ngày thoát khỏi!" Do đó, vị Bích Chi Phật bay lên không trung và hiện ra vô số thân thông biến hóa cho nhà vua thấy. Nhà vua vô cùng kinh ngạc: "Ôi! Thì ra là một vị Thánh nhân, bất giác khóc lớn tiếng, sám hối tội lỗi vừa rồi của mình: "Bạch đức Bích Chi Phật! Xin ngài hãy xuống đây cho tôi được sám hối!" Vị Bích Chi Phật liền đến trước mặt nhà vua, tiếp nhận lời sám hối của nhà vua. Nhà vua đánh lễ vị Bích Chi Phật rồi thưa: "Xin ngài thương xót tha tội cho tôi, tôi xin được thành tâm sám hối để sau này không phải chịu quả báo khổ dài lâu!"

Vị Bích Chi Phật chấp nhận lời sám hối của nhà vua, sau đó xả thân nhập vào Vô dư Niết bàn. Nhà vua đặt nhục thân vị Bích Chi Phật lên đàn hỏa thiêu làm lễ trà tỳ, rồi mang di cốt của ngài về xây tháp phụng thờ, ngày ngày đến trước tháp phát nguyện sám hối, mong mỗi tương lai có đủ duyên lành hiểu được giáo lý, đắc được đạo giải thoát.

Nhà vua lúc bấy giờ chính là vị sa môn hiện tại bị đứt cánh tay. Bởi vì ngày xưa lúc làm vua đã chặt đứt cánh tay của một vị Bích Chi Phật, cho nên trong năm trăm đời bị chặt một cánh tay mà chết, cứ như vậy cho đến ngày hôm nay. Nhưng nhờ nhà vua biết lỗi, lập tức sám hối cho nên ông không bị đọa vào địa ngục. Lại nhờ phát nguyện, mong muốn được khai mở trí tuệ cho nên được đạo giải thoát. Vậy nên hôm nay, vị này có đủ duyên lành gặp ngài Xá Lợi Phật và được ngài giáo hoá, phát tâm xuất gia học đạo, rồi lại có phước báu gặp được Đức Phật, được nghe ngài khai thị mà ngộ được đạo giải thoát, đắc quả A La Hán.

Đức Phật dạy các vị tỳ kheo:

- Tất cả họa phúc đều không hư hoại, cũng không mất đi đâu cả!

Các vị tỳ-kheo nghe đến đây ai nấy đều biết sợ, tự sách tấn bản thân và hướng về phía Đức Phật đánh lễ.

Qua câu chuyện này giúp cho chúng ta nhìn lại chính mình, có nhiều lúc chúng ta không hiểu chuyện, đôi khi vì câu nói vô tình của người khác, hoặc có khi là một hành động vô ý thôi nhưng chúng ta lại gom

góp trong lòng và nghĩ người ta xem thường mình, rồi trong lòng sanh phiền não. Cho nên dẫn đến tạo khẩu nghiệp, hoặc đánh mắng người, thậm chí là giết người ta luôn, thực sự đây là một mất mát lớn lao, không những hại người mà hại luôn chính mình. Chúng ta gây nhân, rồi nhận lấy quả như hình với bóng. Mong mọi người hãy cẩn thận với ba nghiệp thân, khẩu, ý, tinh tấn tu hành chớ phóng dật.

Trên đây là những lời chia sẻ gần gũi cùng quý vị, mong mọi người cùng nhau sách tấn tu tập.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 17 tháng 11 năm 2012

Người đầy tớ trả ơn chủ gặp Phật đắc đạo

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng quý vị Phật tử! Nhân đây xin được chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện cổ, câu chuyện này được trích ra từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển số 2, phẩm La Hán 15, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 588b9-c26.

Vào thời quá khứ, có một nước tên là Na Lê, ở cạnh bờ biển phía Nam, người dân ở đó thường đi thu thập trên châu, gõ quý chiên đàn hương (còn gọi là trầm hương) làm nghề sinh sống. Có hai anh em trai, cha mẹ đều đã qua đời nên họ mới cùng nhau phân chia tài sản.

Trong nhà vốn có một người giúp việc tên là Phân Na. Anh ta còn rất trẻ nhưng vô cùng thông minh, không kể là ra chợ buôn bán hay xuống biển nhặt trên châu, kinh doanh đủ loại không gì là không biết. Hai anh em làm thế nào để phân chia tài sản đây?

Họ quyết định phân tài sản ra làm hai phần. Một

phần là tất cả đồ đạc, của cải trong nhà. Phần còn lại là người giúp việc Phên Na. Và hai anh em bốc thăm để chọn tài sản. Kết quả, người em bốc trúng thăm ghi tên người giúp việc, nên hoàn toàn không có thêm tài sản gì nữa cả. Anh ta đành dẫn theo người vợ của mình cùng Phên Na, với hai bàn tay trắng ra khỏi nhà. Bảy giờ gặp lúc nạn đói, người em chỉ được có mỗi người giúp việc, lại phải thêm một phần ăn, cuộc sống vô cùng khó khăn, khiến cho người em thật sự rất ưu sầu khổ não. Phên Na hiểu chuyện liền thưa với chủ: "Thưa ông chủ! Ông đừng lo lắng, hãy để con nghĩ cách cho ạ. Theo như con tính toán thì không đợi đến một tháng nữa, tài sản của ông sẽ gấp bội lần gia sản của anh trai ông cho coi"!

Người chủ nghe vậy rất vui mừng bảo rằng: "Nếu được như nhà người nói, ta sẽ thả cho người được tự do"! Lúc đó, vợ của người chủ có cất riêng một ít châu báu, cô ấy đưa hết cho Phên Na làm vốn buôn bán.

Thời may, hôm ấy nước thủy triều lên, người dân trong thành thi nhau ra biển nhặt củi. Phên Na mang

số châu báu đến ngoại thành thì gặp một người ăn xin vác một bó củi, trong đó có một khúc gỗ quý trầm hương. Loại gỗ này rất quý và đắt, có thể chữa được bệnh nặng, chỉ cần một lạng thôi là đã có giá trị tới ngàn lượng bạc. Loại trầm hương này thỉnh thoảng mới xuất hiện trên thế gian một lần, thật là rất khó mà gặp được. Phân Na quả thật rất rành về hàng hoá và biết cách kiếm lời, liền dùng hai đồng tiền mua lấy khúc gỗ trầm hương của người ăn xin rồi mang về nhà cho ông chủ, sau đó phân ra làm mấy mươi khúc để bán. Thời điểm đó, có một vị trưởng giả bị bệnh nặng, cần hai lạng gỗ trầm hương để làm thuốc điều trị, đi khắp nơi tìm đều không có. Sau khi biết được tin này, Phân Na liền đem khúc gỗ trầm hương bán cho ông. Vì ông mua hai lạng, mà mỗi lạng là một ngàn lượng, vậy là thu được hai ngàn lượng vàng. Sau đó đem toàn bộ số trầm hương còn lại bán sạch, thu được vô số tài sản, nhiều gấp mười lần số của cải của người anh trai. Người chủ vô cùng biết ơn Phân Na, ông giữ lời hứa, trả tự do cho anh, muốn đi đâu cũng được.

Phân Na từ giả ông chủ, đi thẳng về phía Đức Phật,

quỳ dài sát đất thưa với Thế Tôn: "Bạch Đức Thế Tôn, con xuất thân bần tiện, nhưng một lòng cầu học đạo, xin Thế Tôn từ bi hoá độ cho con được xuất gia theo Ngài". Bởi vì Phân Na vốn mang thân phận thấp kém, không phải là một người tự do bình thường, cho nên đối với sự tự do vô cùng khát ngưỡng, tâm cầu đạo vô cùng mạnh mẽ, kiên định”.

Đức Phật đồng ý nói: "Lành thay! Hãy đến đây Phân Na". Phân Na râu tóc liền rụng sạch, pháp phục trang nghiêm khoát lên thân, lập tức trở thành Sa Môn. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, thầy Phân Na chứng quả A La Hán, và đắc được lục thông. Phân Na thâm nghĩ: "Mình nay sở dĩ chứng đạo, tự tại trong sanh tử cũng là nhờ ơn đức của ông chủ, nay mình nên trở về hoá độ cho ông, và người dân nước Na Lê".

Thầy Phân Na trở về nước Na Lê, đi đến nhà người chủ để hoá độ cho ông. Nhìn thấy thầy, người chủ vô cùng vui mừng, mời thầy vào nhà ngồi, rồi chuẩn bị đầy đủ vật thực cúng dường. Sau khi thọ trai, rửa tay xong, liền bay lên không trung, phân thân biến hoá, một thân biến thành nhiều thân, thân trên phun

nước, thân dưới nhả lửa, ánh sáng chiếu khắp nơi. Rồi từ trong không trung bay xuống, nói với người chủ: "Tôi nay có thể thành tựu được thánh đạo, cũng là nhờ ơn ông chủ thả tự do, tôi mới có duyên may đến bên Đức Thế Tôn cầu đạo học pháp, chứng đắc và giải thoát." Người chủ nghe xong liền nói: "Thần thông biến hoá của Đức Phật quả thật vi diệu, tôi ước mình cũng có thể được bái kiến Thế Tôn, được Ngài chỉ dạy".

Phân Na trả lời: "Ông chủ! Nếu ông thành tâm thiết trai cúng dường, Thế Tôn có đủ Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh, Ngài nhất định sẽ thọ nhận được thành ý của ông, nhất định đến đây nhận sự cúng dường". Nghe theo lời thầy, người chủ ngày đêm hết lòng chuẩn bị vật thực cúng dường, sau đó ông từ nơi xa xôi của mình thành tâm hướng về thành Xá Vệ đánh lễ Thế Tôn (vì nước Na Lê gần với biển Nam, cách thành Xá Vệ nơi Đức Phật ở rất xa nên ông ở tại nhà đánh lễ Thế Tôn). Ông quỳ dài xuống kính dâng hương thỉnh đức Phật, thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, cung thỉnh Ngài đến nước Na Lê, quảng độ cho tất cả

dân chúng ở đây!".

Sau khi Đức Phật biết được, liền cùng năm trăm vị A La Hán, dùng Thần túc thông bay đến nhà của người chủ thầy Phân Na.

Nhà vua và dân chúng nước Na Lê hết lòng cung kính hướng về nơi Đức Phật ngồi, năm vóc gieo sát đất đánh lễ Ngài. Sau đó nhà vua lui về ngồi một bên, thành tâm cúng dường Đức Phật. Sau khi thọ trai, rửa tay xong, Đức Phật thuyết pháp cho nhà vua và toàn dân nghe, tất cả mọi người đều được thọ ngũ giới làm đệ tử Phật. Quốc Vương cùng tất cả quốc dân đứng dậy đối trước Đức Phật nguyện y giáo phụng hành, sau đó tán thán Phân Na: "Thầy Phân Na quả là một người có lòng trung thành, lúc còn ở đời, thầy cần cù làm việc, sau khi xuất gia lại có thể tu hành chứng đạo quả. Phẩm đức của thầy vô cùng thanh cao, lại biết nhớ ơn và đền ơn. Hôm nay thầy lại giúp mọi người có được duyên lành, cung thỉnh Đức Thế Tôn đến đây, khiến cho toàn dân trong nước đều có thể lãnh thọ giáo pháp Thế Tôn. Ân đức của Thầy quá to lớn, chúng con nên làm thế nào để báo đáp được đây thưa

Thế Tôn?". Đức Phật tán thán thầy Phân Na và nói lên bài kệ, ý nghĩa như vậy:

"Tâm hư vọng phân biệt đã dứt trừ, không còn tạo khẩu nghiệp, cũng không tạo thân nghiệp, theo chánh đạo giải thoát, tịch tịnh về chốn Niết Bàn tịch diệt (nghĩa là Đức Phật tán thán thầy Phân Na đã đoạn tận phiền não chướng đố Niết Bàn, chốn Niết Bàn này tâm cảnh vắng lặng, xa rời ngôn ngữ, không còn hư vọng phân biệt, các ác nghiệp tạo bởi lời nói và hành động đã không còn).

Xả bỏ tất cả tham dục, không còn chấp trước, ra khỏi tam giới, không còn chịu sự giới hạn, chia cắt trong tam giới nữa. Tất cả những ý niệm mong cầu đều đã bị đoạn tuyệt, đây mới đúng là bậc thượng thiện nhân (dân gian có câu: "Ai đạt đến sự vô cầu thì phẩm hạnh tự cao". Bậc A La Hán mọi sự mong cầu đều đã không còn nữa, thậm chí không mong có quả về sau, bởi nếu còn mong có quả là còn mong cầu. Ngay cả ý niệm kiếp sau tái sinh cũng đoạn tuyệt, đây mới chính là bậc thượng nhân chân chánh).

Không kể là ở nơi thôn làng hay chốn hoang dã, là

đồng bằng hay núi cao, chỉ cần nơi nào có bậc A La Hán đi qua, tất cả chúng sanh nơi đó đều được hoá độ (nếu căn cứ theo lời "Kinh Xuất Diệu"³), thì nơi nào thánh nhân ở, nơi ấy đều có thiên thần hộ vệ. Nhờ phước đức của các bậc thánh mà có thể ngăn được các điều ác, tất cả tai ách đều không thể sanh khởi, điều này là nhờ vào uy đức và thần lực của chư vị mà có

³ Xuất Diệu Kinh: Còn gọi là Xuất Diệu Luận, 30 quyển (hoặc 20 quyển), do tôn giả Pháp Cứu (tiếng Phạn: Dharmatrāta) soạn, ngài Trúc Phật Niệm đời Dao Tần dịch, thành sách vào khoảng năm 350-417 đời Đông Tấn, được xếp vào Đại Chánh Tạng, tập 4. Nội dung luận này gồm 34 phẩm, được hình thành bởi những bài kệ tụng theo hình thức giáo huấn của Phật giáo và tập hợp theo lối chú thích. Xuất Diệu, xưa gọi là Thí Dụ (tiếng Phạn: avadāna, dịch âm: A-bà-đa-na), tức thể loại thứ sáu trong 12 thể loại kinh, chỉ cho bộ phận được thuyết minh bằng thí dụ hoặc ngụ ngôn. Toàn kinh thông qua thí dụ để giải thích đạo lý nhân sinh và vô thường, dùng việc tu hành giới, định, huệ, chứa nhóm căn lành để đạt đến giải thoát, nội dung gần giống như kinh Pháp Cú.

Kinh Xuất Diệu 6 (Đại Chánh Tạng tập 4, trang 643 hạ) ghi: “Xuất Diệu, từ Vô Thường (phẩm thứ nhất của Kinh này) đến Phạm Chí (phẩm sau cùng của kinh này) thu thập yếu tạng của các kinh, diễn nói bày hiện để dạy bảo người đời sau, nên gọi là Xuất Diệu”. (Theo: Xuất Tam Tạng Kí Tập 2; Khai Nguyên Thích Giáo Lục 4)

(Trích: Từ Điển Phật học Huệ Quang, Nxb Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh, trang 618, năm 2010)

được).

Sự tịch tịnh an lạc của các bậc thánh như vậy, người bình thường không thể sánh bằng. Sự ấm áp bình yên, tự do tự tại như thế đều là do không còn tâm mong cầu mà có được, không còn bất kì một tham muốn nào, một mong mỏi nào (giống như niềm hoan hỷ an lạc, tịch tịnh trong Niết Bàn của các bậc thánh vậy, vì tất cả tham, sân, si, phiền não đều đã đoạn tận, nên thân dù ở trong đại chúng mà tâm thì vắng lặng yên bình như chốn hoang vu tĩnh lặng. Người bình thường chúng ta còn tham cầu, chấp ái, không thể li dục cho nên không thể có được sự thanh tịnh, tự do tự tại trong giải thoát như các bậc thánh).

Sau khi Đức Phật nói lên bài kệ trên, người chủ, nhà vua và dân chúng càng thêm hoan hỷ, tín thọ phụng hành, sau bảy ngày cúng dường, mọi người chúng được Sơ quả Tu Đà Hoàn.

Qua câu chuyện này chúng ta rút ra được bài học sau:

Vợ của người chủ đem hết của cải giao cho Phân Na làm vốn buôn bán, nhưng anh không vì tham lam

mà cầm tiền rồi bỏ trốn, không có như vậy! Anh ta biết giá trị quý báu của gỗ chiên đàn hương, nhưng không ích kỉ tham lam, giữ cho riêng mình mà đem hết về cho người chủ. Người chủ cũng rất là giữ chữ tín, sau khi được tài sản đã thả tự do cho người giúp việc. Người giúp việc sau khi được thả tự do, không màng đến chuyện vợ con mà tìm đến bên Thế Tôn xin xuất gia học đạo. Anh ta vốn là một người mất tự do nên bấy giờ càng thêm trân quý giá trị của sự tự do, do đó tinh tấn tu hành chứng được thánh quả giải thoát, không còn sanh tử luân hồi trong ba cõi.

Lại nữa, thầy Phân Na biết ơn và đền ơn, không phải chỉ nghĩ đến sự giải thoát cho bản thân, mà sau khi chứng quả thì lập tức trở về hoá độ cho chủ nhân và người dân nước Na Lê, đền ơn chủ, ơn Tổ quốc và ơn Tam bảo.

Và khi người chủ thỉnh hỏi Đức Phật: "Chúng con làm thế nào để đền ơn cho thầy Phân Na?" Đức Phật trả lời: "Thầy Phân Na đã chứng được quả A La Hán, đã là người an lạc tịch tịnh, không còn tham cầu nữa, các vị không nên phiền đến thầy, hãy để cho thầy an

trú trong Niết Bàn!". Cho nên, mọi người trong chúng ta chớ nên lo lắng quý thầy cô buồn chán nữa, suốt ngày đến trò chuyện, hoặc mời đi dùng tiệc... Không cần phải như vậy đâu, chúng ta nên tinh tấn tu hành, đem Phật pháp tuyên dương rộng khắp, đây mới chính là sự báo ơn chân chính nhất!

Ngoài ra, người giúp việc Phân Na tuy không có tài sản gì nhưng lại là một thiện tri thức vô giá. Nếu như chúng ta đối xử rộng lượng với mọi người, mọi loài thì chúng ta cũng sẽ nhận được sự đền đáp tốt đẹp. Đương nhiên chúng ta tu tập không phải để mong cầu được đền đáp rồi (mong sao cho mình và mọi người hiện đời tu tập an lạc, thoát ly sanh tử, hồi nhập Ta Bà độ hàm thức), nhưng cũng không quên đối xử rộng lượng với tất cả chúng sinh! Hy vọng mọi người có thể tự nhắc mình: Tâm lượng rộng một chút, cũng là biết ơn và đền ơn vậy.

Mong mọi người cùng nhau sách tấn tu tập.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 01 tháng 12 năm 2012

Giảng Kinh không phải là nói nhiều, quan trọng là giúp người nghe hiểu được sanh trí tuệ

Kính chào quý thầy, quý cô cùng quý vị Phật tử!

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một mẩu chuyện trong Kinh Phật. Câu chuyện này được trích từ Kinh "Phật Thuyết Xứ Xứ" trong Đại Chánh Tạng, quyển 17, trang 527b2-18.

Có một vị tỳ kheo đến nhà một vị cư sĩ nữ khát thực và bố thí pháp. Vị chủ nhà rất cung kính, quỳ nghe suốt buổi pháp thoại, bất giác nước mắt cô cứ tuôn trào. Vị tỳ kheo vừa nhìn thấy, thâm nghĩ: “Có lẽ vì ta thuyết pháp quá xúc động, khiến cho thí chủ nghe xong động tâm, không cầm được nước mắt”. Nghĩ vậy nên thầy giảng càng lúc càng hăng, huyên thuyên đến nửa đêm, vị thí chủ quỳ mãi không đứng lên được. Thấy đã khuya, vị tỳ kheo thâm nghĩ chắc có thể kết thúc được rồi, bèn tán thán vị thí chủ: “Tôi giảng pháp lâu như vậy mà cô nghe không biết mỗi

mệt, từ trước đến nay tôi chưa thấy người nào tinh tấn như cô”!

Vị Thích chủ: “Thưa Thầy! Nhà con có nuôi một con lừa, hôm qua nó đau đớn rên rỉ vô cùng, đến nửa đêm thì chết mất, mỗi khi nghĩ đến nó con không cầm được nước mắt”. Vị tỳ kheo liền nói: “Sao không nói sớm!” (Thì ra vị ấy cứ nghĩ bài pháp thoại quá cảm động, nên giảng càng lúc càng phấn chấn). Đức Phật dạy: “Giảng kinh không phải nói nhiều, quan trọng là giúp cho người nghe hiểu được, sanh trí tuệ”, nghe kinh cũng như vậy, hiểu được nội dung phát sanh trí tuệ, đó mới là điều quan trọng nhất.

Nghe đức Phật dạy như vậy, có một tỳ kheo nghĩ rằng: “Không cần thiết phải nghe nhiều kinh điển”. Cho nên vị ấy tìm đến đức Phật và thưa với Ngài rằng: “Xin Thế Tôn dạy cho con phương pháp tu đơn giản nhất, chỉ một câu là đủ, nhưng giúp con có thể sớm đắc đạo”. Đức Phật dạy rằng: “Không phải vật của mình thì không được lấy, nếu vật đó là của mình mới được lấy”.

Vị tỳ kheo để tâm vào tư duy: “Vạn vật trong vũ

trụ đều không phải là của ta, đến cả thân thể này, cuối cùng cũng bị hư hoại”. Do đó thầy cứ suy đi nghĩ lại: “Trong vũ trụ này không có một vật gì là của ta, chỉ có thiện pháp mới đích thực là bảo vật của mỗi người”. Thầy nghe Đức Phật dạy bài pháp này xong liền ngộ đạo, nên bạch cùng Đức Thế Tôn rằng: “Con đã thể hội được pháp này rồi”. Đức Phật liền thọ ký: “Thầy đã thể hội được, tức được xem như đã chứng đạo”.

Một thầy tỳ kheo khác, nghe tin thầy tỳ kheo đó chỉ cần nghe một câu pháp đơn giản như vậy mà có thể đắc đạo, nên vội tìm đến và thưa hỏi Đức Phật rằng: Thầy Xá Lợi Phất có phải là người đã chứng đạo không? Đức Phật nói: Đúng rồi, thầy ấy đã đắc đạo. Thầy tỳ kheo tỏ ra không được thông suốt lắm, liền thưa: “Bạch đức Thế Tôn! Thầy Xá Lợi Phất đã chứng đạo, tại sao lại còn mặc con? Lại còn lấy áo cà sa khua lên mặt con”? Đức Phật gọi thầy Xá Lợi Phất đến hỏi: “Thầy tại sao lại có những hành động như thế”? Thầy Xá Lợi Phất bạch rằng: Con kỳ thật không có ý xấu! Con lớn tiếng với thầy là để giúp thầy tu hạnh nhẫn nhục. Con dùng áo cà sa khua lên mặt là

mong mắt, tai, mũi, miệng của thầy được thanh tịnh, có nghĩa là con muốn sáu căn của thầy không bị cấu nhiễm. Tuy trong kinh chỉ nói đến mắt, tai, mũi, miệng, nhưng con muốn thầy ấy giữ gìn sáu căn đều không bị ô nhiễm.

Đức Phật biết thầy Xá Lợi Phất khéo dùng phương tiện, nên nói với vị tỳ kheo rằng: Thầy Xá Lợi Phất làm như vậy là vì muốn giúp thầy có thêm cơ hội tu hạnh nhẫn nhục, mong cho thầy giữ gìn các căn được thanh tịnh. Thầy tỳ kheo vừa nghe xong, vô cùng cảm kích, biết thầy Xá Lợi Phất dùng phương tiện để dẫn dắt mình tu tập, sanh lòng hoan hỷ và chứng đắc quả vị A La Hán.

Trong Đại Trí Độ Luận quyển 19, cũng có nêu một ví dụ minh họa cho bài học, “Nói một pháp độ chúng sanh”.

Có lần, Đức Phật dạy một thầy tỳ kheo: “Nếu không phải vật của mình thì đừng lấy”.

Thầy tỳ kheo đáp: “Dạ con đã hiểu!”.

Đức Phật hỏi: “Thầy đã hiểu gì?”.

Con hiểu rõ “Vạn vật không phải của con”. Vị tỳ

kheo thể hội được bài học về “Vô ngã”, không có một cái gì là của ta, không nên chấp trước, nhờ thế mà được giác ngộ.

Chúng ta cùng nhau tinh tấn.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 17 tháng 03 năm 2012

Người gần gũi người trí như vá múc canh không hưởng hương vị của canh là gì, và người khôn gần người trí ngược lại như lưỡi nếm được hương vị

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện. Câu chuyện này được trích từ Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển 2, phẩm 13- Ngũ Âm, trong Đại Chánh Tạng quyển 4, trang 586a17-b24.

Vào thời quá khứ, Đức Phật ở tại thành Xá Vệ. Lúc đó, trong thành có một phú ông Bà La Môn, tuổi đã gần tám mươi. Tuy ông có rất nhiều của cải, nhưng lại keo kiệt, không biết sự lý, lại vô cùng tham lam, bủn xỉn. Ông ta không biết tu hành là gì, cũng chẳng biết vun bồi phước đức, chưa một lần nghĩ đến thân người vô thường, chỉ biết dùng hết sức vào xây phòng

ốc cho thật đẹp, từ nhà trước đến nhà sau, nhà hóng mát, và ngay cả nhà để sưởi ấm cũng không thiếu. Ông còn xây nhà Đông, nhà Tây ở hai bên, mỗi bên có đến mấy mươi phòng, tiện nghi bên trong không thiếu một loại nào, chỉ có hiên che nắng phía sau nhà chính là chưa hoàn thành.

Vị này một mình làm kinh doanh, kiêm cả vai trò giám đốc chỉ huy mọi việc. Bảy giờ Đức Phật dùng đạo nhãn quan sát phú ông, biết được mạng sống của ông không còn lâu, chỉ mấy ngày nữa sẽ thác sanh qua đời sau. Nhưng phú ông vẫn không hay biết, vẫn bận rộn như thường, làm đến nỗi thân thể hao mòn tiều tụy, tinh thần bơ phờ, trong tâm không cảm nhận được hạnh phúc là gì, thực tế chỉ làm cho người ta thấy tội nghiệp. Thấy vậy, Đức Phật cùng thầy A Nan đến nhà phú ông thăm hỏi: "Ông bận rộn suốt ngày không biết mỗi mệt sao? Ông xây dựng nhiều phòng ốc như thế để làm gì?". Phú ông đáp: "Nhà khách phía trước tôi dùng để tiếp đãi khách, nhà phía sau tôi ở, nhà Đông và nhà Tây để cho vợ chồng con trai tôi, còn nhà kho dùng để cất chứa của báu, căn bên này dành cho

những người giúp việc. Đến mùa hè tôi đến căn nhà mùa hạ nghỉ mát, đông về tôi đến nhà tránh lạnh tĩnh dưỡng, tất cả tôi đã tính đầu vào đó rồi.

Đức Phật nói với phú ông: "Nghe qua danh tiếng của ông đã lâu, tuổi cao đức trọng, từ lâu tôi muốn tìm đến nói chuyện. Bây giờ, tôi có một bài kệ rất có ý nghĩa, đối với người còn sống hay người đã khuất đều có lợi ích. Tôi muốn tặng ông, không biết ông có thể dừng tay tạm gác công việc, ngồi xuống nghe tôi chia sẻ bài kệ này không?"

Phú ông đáp: "Ôi không được, không được, tôi thật sự rất bận, bây giờ không thể bỏ công việc giữa chừng để nói chuyện với ông, để lúc khác sẽ trao đổi nhiều hơn! Nhưng... ông nói có bài kệ tuy ngắn mà rất hay, nếu không ngại mời ông đọc lên nghe xem sao"! Đức Phật đọc lên một đoạn, có nội dung như vậy: "Người thiếu trí tuệ chỉ biết rong ruổi tìm cầu. Họ muốn có con cái, tiền tài. Có con, có tài sản chất đống rồi vẫn chưa yên lòng. Nhưng cái thân của chúng ta đây không thể tồn tại lâu được, cái tôi này cũng không thể mãi mãi là sở hữu của mình, thì sao phải vì con cái,

của cái mà sâu khổ? (Cái thân này đã khó giữ gìn, tại sao lại vì con cái, tiền tài mà tự làm khổ, không nên phải như thế). Ông lại mất quá nhiều thời gian để suy tính những việc như: Mùa hạ nóng bức cần phải ở bên này, đông đến trời lạnh phải ở bên kia, lo lắng cho tương lai quá nhiều. Người thiếu trí tuệ thường khổ tâm với muôn vạn mối lo, nhưng không biết ngày mai vô thường đến sẽ như thế nào. Người thiếu trí tuệ luôn cho mình là người rất có trí tuệ; Tự mình thiếu hiểu biết mà cứ tưởng là thông suốt, đây mới là người ngu si. Nếu tự biết mình không thông minh, vẫn còn tốt! Tự mình không biết mình kém thông minh mà cứ cho rằng rất có trí tuệ. Đây mới là người ngu si nhất.

Phú ông nghe xong bảo rằng: "Bài kệ này thật không tệ! Nhưng bây giờ tôi thật sự rất bận, hẹn lần sau ông đến, chúng ta sẽ nói chuyện lâu hơn!".

Đức Thế Tôn cũng không còn phương pháp nào khác, ngài ra về mà thương cho ông. Sau đó phú ông trong lúc đòi những vật liệu gỗ để xây dựng, không may bị một thanh gỗ lớn đập mạnh lên đầu, ông chết ngay tại chỗ. Người thân đến khóc lóc thảm thiết,

vang động đến cả hàng xóm bốn bên.

Đức Phật ra về chỉ trong chốc lát thì xảy ra sự việc như vậy. Ngài đi vào trong thôn, tình cờ gặp khoảng mười vị phạm chí. Những vị này hỏi đức Phật: "Ngài từ đâu mới đến?"

Đức Phật đáp: "Tôi vừa đến nhà của phú ông, muốn vì ông ấy mà khuyên hóa, nhưng vị này nhất định không tin lời tôi khuyên giải, không biết sanh tử là vô thường, bây giờ đột nhiên thác sanh sang đời sau rồi". Bấy giờ đức Thế Tôn nói lại bài kệ vừa rồi cho các vị Phạm Chí cùng nghe. Các vị nghe xong, vô cùng hoan hỷ, ngay lúc đó thấy được đạo và chứng quả. Thế Tôn cũng nói thêm một bài kệ khác, ý nghĩa như vậy: "Người đàn gỏi gửi người trí cũng như dùng quả bầu khô làm cái vá đoán mùi vị của thức ăn (người xưa lấy trái bầu khô, cắt làm đôi để làm thành cái vá dùng để múc canh). Cái vá này ngâm trong nồi canh ngon thật lâu, nhưng không thấm được mùi vị của canh. Cũng như vậy, người thiếu trí tuệ dù có ở gần người trí rất lâu đi nữa, cũng không thể thấm nhuần pháp vị nhiệm mầu".

Một người thông sự lý, nếu được thân cận người trí, cũng giống như dùng lưới để thưởng thức mùi vị, chỉ trong tích tắc đã biết được vị ngon của món ăn. Cũng như thế, người hiểu sự và lý, chỉ cần gần gũi người trí trong khoảnh khắc, cũng có thể thấu hiểu được nghĩa lý của đạo Phật. Người thiếu trí tuệ, mỗi một hành động mang đến cho bản thân vô số rủi ro, trong giây lát theo bản năng tạo điều ác, kết quả tự mình mang đến những bất hạnh khó lường. Gây ra việc bất thiện, hối hận cũng không kịp, chỉ biết ôm lấy thương đau mà khóc than. Những điều bất thiện như vậy, thực ra tự mình đã huân tập từ những cái nhân không tốt trong quá khứ, nên bây giờ tự nó tìm đến!

Những vị Phạm Chí sau khi lắng nghe Đức Phật nói bài kệ này một lần nữa, niềm tin và lòng cung kính đối với đức Phật càng vững chãi, hướng về đánh lễ Ngài, vui mừng nguyện thực hành lời dạy của Như Lai. Câu chuyện này có những điểm mà chúng ta cần phải khắc ghi:

Nhắc nhở chúng ta nhìn lại bản thân mình, có gì khác với phú ông không, cả đời bận rộn mà quên đi

thế gian vô thường! Để rồi tự mình tính không bằng nhân quả tính, kế hoạch không lường hết được vô thường biến đổi. Chúng ta mỗi ngày nên giành cho mình một ít thời gian để tâm vào tinh tấn tu tập, vun bồi phước đức, trau dồi trí tuệ làm hành trang mới phải!

Kỳ thật, nếu một người hiểu biết sự lý, lại được gần gũi bậc thiện tri thức, có được môi trường tu tập, chỉ cần trong một khoảng thời gian không lâu, vị này có thể thấm dần pháp vị, cũng như đưa thức ăn vào miệng, lưỡi sẽ lập tức nhận biết được mùi vị. Nếu một người đã không hiểu sự lý, lại không để tâm vào học hỏi, dù có ở bên cạnh người trí lâu năm thì cũng chẳng khác gì cái vá ngày ngày ở trong nồi canh, mà chẳng biết được vị bổ dưỡng thơm ngon của canh, cuối cùng canh theo đường canh, vá theo đường vá, hoàn toàn không có sự ảnh hưởng. Hy vọng quý vị biết quý trọng nhân duyên, cầu mong chúng ta ai ai cũng nếm được hương vị của Phật pháp, hương vị giải thoát vô tận.

Hôm nay chỉ ngắn gọn cùng quý vị chia sẻ đến

- 140 - Phước Huệ tập 3

đây!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 22 tháng 12 năm 2012

Bồ tát Đề Bà tìm gặp Bồ Tát Long Thọ, thả kim nhỏ vào bát nước

Có một câu chuyện nói về cuộc gặp gỡ giữa Bồ Tát Đề Bà và Bồ Tát Long Thọ. Câu chuyện này được ngài Huyền Trang miêu tả rất sinh động trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 10, thuộc Đại Chánh Tạng quyển 51, trang 929a24-b20.

Cách đô thành vương quốc Kiều Tát La về phía Nam không xa, có một ngôi chùa cổ. Bên cạnh chùa có dựng một ngôi tháp, ngôi tháp này do vua Vô Ưu xây. Thuở trước, Đức Thế Tôn đã từng ở đây hiện đại thần thông, nhiếp phục ngoại đạo. Sau này Bồ Tát Long Mãnh có đến lưu trú nơi ngôi chùa này (trong Đại Đường Tây Vực Ký của ngài Huyền Trang dịch, Bồ Tát Long Mãnh cũng chính là Bồ Tát Long Thọ mà nhiều người hay nhắc đến, ngài là thầy của Bồ Tát Đề Bà). Lúc đó quốc vương nước Kiều Tát La là Dẫn Chánh Vương, vì vô cùng tôn kính Bồ Tát Long Thọ, nên vua sai rất đông binh lính đến canh xung quanh

khuôn viên chùa để bảo vệ ngài.

Lúc đó, Bồ Tát Đề Bà từ nước Sư Tử (nay là Tích Lan) đến chùa tìm gặp Bồ Tát Long Thọ để đàm đạo, nhìn thấy bên ngoài binh lính đang vây quanh bảo vệ, nên ngài đến nói với lính gác cổng rằng: "Tôi muốn gặp ngài Long Thọ, xin chuyển lời giúp tôi". Người này vào trong bẩm báo. Bồ Tát Long Thọ sớm đã biết danh tiếng của Đề Bà, nên đã lấy một cái bát đựng đầy nước, rồi đưa cho đệ tử, và dặn mang ra trao cho Đề Bà. Đề Bà nhìn thấy bát đựng đầy nước, chẳng nói nửa lời, dùng một cây kim nhỏ thả vào bát nước. Vị đệ tử tay bưng bát nước trở vào nhưng trong lòng khởi lên nhiều thắc mắc.

Bồ Tát Long Thọ hỏi đệ tử rằng: "Người khách đó có nói điều gì không?" Đệ tử đáp: "Dạ ông ta không nói gì, chỉ dùng một cây kim bỏ vào trong bát nước mà thôi".

Bồ Tát Long Thọ tán thán rằng: "Đây là người rất có trí tuệ, có thể hiểu được sự lý, biết trước sự việc, thấy rõ những điều vi tế, là người giao cảm được với thánh hiền. Đây chính là người có thể kế thừa được

Phật Pháp, nhanh ra mời ông ấy vào đây!”.

Đệ tử thưa: “Dạ Bạch thầy! Vậy là thế nào? Tại sao không dùng ngôn ngữ mà có thể biện luận một cách kỳ diệu như vậy?”.

Bồ Tát Long Thọ giải thích: “Đặc tính của nước là có thể tùy theo vật chứa mà thay đổi hình dạng, cũng có tùy theo phẩm chất của vật chứa mà nước biến đổi trong treo hay cầu bản. Nước có thể thấm thấu tràn đi khắp nơi, không chừa một khe hở nào, nước vô cùng tinh khiết, khó có thể đo lường được. Vừa rồi, ta đã dùng một cái bát đựng đầy nước, mang đến cho ông ấy xem. Bát nước dùng để ví cho sự hiểu biết của ta vô cùng uyên thâm, vô bờ bến, vị khách lại dùng cây kim thả vào trong bát nước, như đáp lại rằng “muốn học hỏi đến cùng”. Đây không phải là người tầm thường, mau mời ông ấy vào đây!

Oai nghi của Bồ Tát Long Thọ đoan chánh nghiêm túc, khiến cho vị khách ngồi đối diện không dám ngược đầu lên. Đề Bà vốn ngưỡng mộ đức độ và khí phách của Bồ Tát Long Thọ, từ lâu đã muốn đến thỉnh giáo ngài. Hôm nay cơ duyên chín muồi, trước

khi diện kiến Bồ Tát Long Thọ, Đề Bà đã thể hiện tài năng tiên đoán của mình, nhưng vẫn bị chấn nhiếp bởi năng lượng uy nghiêm của ngài. Sau khi vào bên trong, Đề Bà ngồi một bên cách xa ngài Long Thọ, sau đó dùng những lời thật tao nhã để luận bàn nghĩa lý vô cùng cao diệu, huyên thuyên hết cả một ngày. Ngài Long Thọ nghe xong tán thán: “Thầy là người ưu tú, tài ba xuất chúng, biện tài vô ngại, có nhiều điểm hơn bậc tiền bối. Tôi đã già, thân thể suy yếu, nay gặp được Thầy, tuổi trẻ tài cao, thật là hạnh phúc! Giống như nước trong vắt được rót từ cái bình này qua bình khác mà vẫn giữ nguyên không bị hao hụt một giọt. Cũng như vậy, Phật Pháp sau khi truyền trao, sẽ được Thầy tiếp nối rạng rỡ, không bị đoạn tuyệt. Sự hoằng dương chánh pháp trong tương lai trông cậy vào Thầy đây! Xích lại gần! Xích lại gần đây! Thầy giúp tôi kéo ghế tiến đến phía trước, ngồi bên cạnh tôi trao đổi tiếp Phật Pháp!”. Đề Bà nghe xong, lại khởi tâm đắc ý tự mãn, chuẩn bị thể hiện hết sự thấy biết của mình, sẽ cao hứng bàn luận một hồi cho thỏa thích. Nhưng khi định mở lời, hốt nhiên ngẩng đầu lên nhìn

thấy dung mạo uy nghiêm của Bồ Tát Long Thọ, trong đầu không còn một chữ đề diễn đạt, không nói thêm được nửa lời! Thế là Đề Bà lùi lại một bên, hướng về phía ngài Long Thọ xin sám hối, mong được hoan hỷ tha thứ, và thỉnh cầu ngài truyền trao diệu pháp, từ bi diu dắt.

Bồ Tát Long Thọ bảo: “Ngồi xuống nào! Bây giờ tôi sẽ chia sẻ cùng Thầy đạo lý chân thật cứu cánh, đây cũng chính là pháp nghĩa mà Đức Thế Tôn đã dạy”. Đề Bà liền đánh lễ, năm vóc sát đất, một lòng cung kính quy thuận và thưa rằng: “Từ nay trở đi, con nguyện thận trọng tuân theo lời Người dạy bảo”.

Câu chuyện này được trích trong trong Đại Đường Tây Vực Ký. Cuộc gặp giữa hai thầy trò, Bồ Tát Long Thọ và ngài Đề Bà như hiện ra trước mắt chúng ta vô cùng cảm động.

Nói về Bồ Tát Đề Bà, trong sách Phật Giáo Ấn Độ, từ trang 201 đến trang 202, hòa thượng Ấn Thuận cũng có lượt thuật. Bồ Tát Đề Bà là người nước Sư Tử (nay là nước Tích Lan) ban đầu xuất gia theo Đức

Tử Bộ⁴. Ngài từng đứng trước hàng vạn người đang giận dữ mà không khiếp sợ, quyết gỡ đi một con mắt của pho tượng Đại Tự Tại Thiên. Sau khi bị mất một con mắt, tượng thần mất lồi mắt lõm không còn linh nghiệm. Sau đó ngài móc mắt của mình hồi đáp, vì vậy mà mọi người gọi ngài là “Độc nhãn Đề Bà”. Bồ Tát Đề Bà chỉ có một mắt, nhưng không sao, vì đó là con mắt đầy đủ trí tuệ. Về sau ngài lạy Bồ Tát Long Thọ làm thầy, tinh thông Trung Quán, phá trừ tà kiến ngoại đạo không hề biết mệt mỏi. Ngài du hóa đến phía nam Ấn Độ, đi khắp nơi phá trừ các tư tưởng của ngoại đạo. Có một vị đệ tử của ngoại đạo, không cam tâm nhìn thấy học thuyết thầy mình đã khổ công xây dựng, bây giờ lại bị Đề Bà phá bỏ. Do đó ông ta cầm một con dao thật bén nói với ngài: “Ông dùng miệng phá hoại kiến giải của thầy tôi, làm sao bằng một nhát dao đâm vào bụng!”. Nói xong dùng dao đâm mạnh vào bụng ngài.

Sau khi bị đâm, lúc lâm chung, ngài còn rất từ bi

⁴ 犢子部 Độc Tử Bộ: Một trong hai mươi bộ phái Phật giáo Nguyên Thủy.

thương cho người ngoại đạo thiếu trí tuệ kia, bảo anh ta mau chạy theo hướng núi cao trốn đi, nhanh chạy mau, không thì sẽ bị phát hiện mà mang tai họa.

Hòa thượng Ân Thuận cảm phục Bồ Tát Đề Bà không tiếc thân mạng, vì pháp quên mình; đủ cả trí tuệ, tinh thần vô ngã, đối với người giết hại mình không sanh mảy may tâm sân hận, ngài thật sự là Bồ Tát.

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 26 tháng 10 năm 2013

Truyện Bồ Tát Đề Bà

Kính thưa quý thầy, quý cô, cùng tất cả quý Phật tử!

Hôm nay tôi muốn chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện kể về Bồ Tát Đề Bà. Câu chuyện này được trích từ “Đề Bà Bồ Tát Truyện” trong Đại Chánh Tạng quyển 50 , trang 186c8-188a3.

Quê hương Bồ Tát Đề Bà thuộc phía nam nước Ấn Độ. Ngài xuất thân trong một gia đình Bà La Môn giáo, về sau lạy Bồ Tát Long Thọ làm thầy. Học vấn của ngài rất uyên bác, biện tài vô ngại, người dân xứ Ấn ít ai không biết đến, nhân dân các nước cũng đều quý trọng. Bồ Tát Đề Bà thâm cầu chân lý, thấu rõ nơi tâm, chánh trực cao thượng, không thẹn với lòng, chỉ có một điều chưa được như ý nguyện là mọi người không tin lời ngài nói, vậy nên còn lo lắng nghĩ ngợi. Thời đó, trong nước có một pho tượng thần Đại Tự Tại Thiên⁵, được làm bằng vàng cao hai trượng. Ngày

⁵ 大自在天 Đại Tự Tại Thiên. Tiếng Phạn: Maheśvara. Tiếng Pa Li:

ngày có nhiều người đến, nhưng chỉ đứng bên ngoài

Mahissara. Dịch âm: Ma Hê Thủ La, Mạc Hê Y Thấp Phạt La. Còn gọi là Tụ Tại Thiên, Tụ Tại Thiên Vương, Thiên Chủ. Theo truyền thuyết, vị thần này là thân phần nộ của trời Lỗ Nại Da (tiếng Phạn: Rudra), có nhiều chỗ cư trú khác nhau. Thần còn có các tên gọi khác như: Thương Yết La (tiếng Phạn: Śaṃkara), Y Xá Na (tiếng Phạn: Īśāna) v.v... Vị thần này nguyên là thần chủ Thấp Bà trong đạo Bà La Môn. Người tín ngưỡng vị thần này được gọi là Ngoại đạo Tụ Tại Thiên. Phái này tôn xưng thần là bản thể của thế giới, gọi vị thần này là chủ tể của vạn vật. Thần coi sóc gió bão, sấm sét, nên những khổ vui, mừng giận mà nhân gian phải chịu đều gắn với những khổ vui, mừng giận của vị này tạo ra. Khi thần vui vẻ, thì tất cả chúng sanh được an lạc. Còn khi thần nổi giận thì các tướng quỷ hiện hình, đất nước hỗn loạn, tất cả chúng sanh cũng theo đó chịu khổ. Nếu thế giới hoại diệt, khi ấy tất cả vạn vật đều hòa vào bên trong Đại Tụ Tại Thiên. Các tướng trạng như trên đều do tính cách của Thiên Thần biểu hiện. Trừ những tính cách gây sát thương, bạo ác, thần cũng đầy đủ những đức tính cứu hộ, trị liệu. Khi ấy thần xuất hiện với tướng mạo cát tường. Ban đầu, thần cùng với trời Na La Diên được xếp bên dưới trời Phạm Thiên. Về sau, vị trí của thần dần được nâng cao và trở thành vị thần cao nhất trong Đạo Bà La Môn, được xem là vị thần có “bản thể thường trụ, biến khắp vũ trụ”, và có năng lực “dùng hư không làm đầu, dùng đất làm thân”. Sau khi du nhập Phật giáo, thần trở thành vị thần thủ hộ đạo Phật, được gọi là Đại Tụ Tại Thiên, làm chủ ở tầng trời Tứ Thiên. Tượng thần là hình trời người có ba mắt, tám tay, cưỡi trâu trắng, cầm phát trần trắng, có sức oai lực lớn, có thể biết được số hạt mưa trong Đại Thiên Thế Giới, độc tôn ở Sắc Giới. (Trích: Đại Từ Điển Phật Quang, quyển 1, trang 783)

cầu nguyện, mong trong cuộc sống mọi việc được như ý. Đề Bà cũng đến đây, muốn trực tiếp vào chiêm bái tượng thần. Biết được như vậy, người chủ miếu nói với ngài: Tượng thần này vô cùng linh nghiệm, có người được cho vào nhìn nhưng không dám nhìn thẳng, vì nhìn thẳng vào sẽ bị lực của thần chấn nhiếp mà ngã nhào, thất thần đến cả trăm ngày sau còn chưa thể hồi phục. Ông chỉ cần nêu ước muốn, cầu xin thần gia hộ và tạ ơn là tốt rồi, tại sao muốn phải tận mắt thấy tượng thần? Đề Bà đáp: “Nếu Thiên Thần linh thiêng như ông nói, như thế để tôi vào bên trong tận mắt xem tượng thần như thế nào, nếu như không giống lời ông vừa nói, thì há có phải là vị thần mà tôi muốn gặp sao?”.

Lúc đó, mọi người xung quanh hết sức ngạc nhiên, tán thán Đề Bà có khí phách, khâm phục tài hùng biện phân rõ đúng sai, tinh thần tìm cầu chân lý của ngài. Khi ấy có hơn ngàn vạn người hưởng ứng, hớn hở tranh nhau đi vào bên trong miếu tìm hiểu tượng thần. Đề Bà tiến vào bên trong, trực diện nhìn tượng thần. Lúc đó, hốt nhiên hai mắt thần chuyển động, ánh mắt

sân giận, nhìn chăm chăm ngài không dứt. Đè Bà nói: Thiên Thần là bậc cao minh, lòng dạ nào có hẹp hòi như vậy. Thiên thần dùng oai đức thánh minh để cảm hóa mọi người; dùng trí tuệ, phước đức để thuyết phục lòng dân. Đấng này ông lại đem vàng kim dán đầy lên thân tượng rồi tịt đắ, dùng đá thủy tinh tạo nên mắt thần rồi làm cho chuyển động để lừa người. Như vậy đâu có còn là thần nữa, cũng chẳng phải lòng dân mong đợi! Nói xong, Đè Bà dùng cầu thang leo lên đến ngang mặt tượng, gỡ mắt đi một con mắt của thần. Những người xung quanh thấy vậy đều giật mình sửng sốt, trong tâm khởi lên nghi ngờ: "Đại Tự Tại Thiên tại sao lại bị một người Bà La Môn bé tí gây khó dễ như thế? Có lẽ vị thần này không có linh nghiệm như lời đồn, mọi người chỉ nghe qua rồi vội tin, thảo nào thần mang tiếng linh nghiệm đã bị lời lẽ của Đè Bà làm chao đảo". Lúc đó, Đè Bà nói với mọi người rằng: Thần minh cao lớn, tiếng vang xa rộng khắp. Ngài cố ý tạo ra một tình huống để thử tôi. Tôi hiểu được ý của thần, cho nên đến bên pho tượng gỡ một mắt của ngài xuống, để cho mọi người hiểu rằng

thần minh không cần mượn vàng kim làm thân hay đá quý để làm mắt rồi hiển hiện cho mọi người thấy. Đức độ không cần phải nhờ vào hình hài được trang điểm giả tạo như vậy. Tôi làm như vậy không hề có ý xem thường thiên thần, cũng chẳng có ý nhục mạ ngài. Nói dứt lời, Đê Bà rời khỏi miếu.

Suốt đêm đó Đê Bà chuẩn bị nhiều phẩm vật, để sáng sớm đến miếu dâng lên thần. Ngài vốn được nhiều nước tin tưởng, tôn kính, bây giờ lại thông hiểu được ý của thần, cho nên chỉ cần mở lời là mọi người đã hưởng ứng ý kiến. Chỉ trong một đêm, tất cả những lễ vật, những thức ăn cao lương mỹ vị được bày lên đầy đủ.

Lúc đó, Thiên Thần hiện thân làm người, thân cao bốn trượng, nhưng chỉ còn một mắt phải, mắt trái bị lờm. Thần đến ngồi vào bàn tiệc, nhìn tất cả lễ vật của Đê Bà, những món đặc sản, khen rằng ngon đẹp, từ trước đến nay chưa từng thấy. Thiên Thần cũng tán thán Đê Bà phước đức sâu dày, mới có thể soạn ra những món ăn thơm ngon, quý lạ như vậy, rồi bảo: “Ông mới thật hiểu được ý của tôi, những người kia

họ chỉ nhìn tôi bên ngoài mà thôi. Ông mới thành tâm cúng dường cho tôi, những người kia chỉ làm ra vẻ dâng cúng mà thôi. Hiểu được tôi và cung kính tôi chỉ có ông, những người còn lại họ sợ tôi, làm méo mó hình tượng của tôi. Những thức ăn cao lương mỹ vị mà ông dâng lên đây, không có một món nào khác có thể sánh được. Nhưng những món này không phải thứ mà tôi mong muốn, nếu ông có thể tặng thứ mà tôi thật sự cần thiết, mới là bố thí cao thượng nhất!”. Đè Bà nói rằng: “Đại Tự Tại Thiên! Ngài có thể hiểu thấu lòng tôi. Ngài cứ nói, tôi sẽ vì ngài mà đáp ứng!”. Thiên Thần bảo: “Con mắt bên trái của tôi không còn, ông dám móc mắt trái tặng cho tôi không!”. Đè Bà đáp: “Được, tôi sẽ móc ra tặng ngài!”. Ngài lập tức đưa tay trái lên, móc con mắt bên trái của mình ra trao cho Thiên Thần.

Vì có lực của Thiên Thần, nên Đè Bà vừa mới móc tròng mắt ra, tròng mắt mới liền mọc ra. Cứ như thế, lấy cũ mọc mới, trong một ngày đêm, cả vạn cái tròng mắt được móc ra. Thiên thần tán thán: “Tốt lắm! Tốt lắm! Ông tuổi tuy còn trẻ nhưng rất bản lĩnh, nói

được làm được! Như thế mới gọi là bổ thí cao thượng! Ông có nguyện vọng gì chẳng? Nhất định sẽ giúp ông được như ý”.

Đề Bà đáp: “Tôi không giấu gì ngài nguyện vọng của tôi. Tôi thì không chú trọng hình thức, chỉ cảm thấy xót thương chúng sanh quá ngây ngô, thơ dại, lại không tiếp nhận được lời dẫn dắt của tôi. Xin ngài giúp cho lời nguyện của tôi được viên mãn, là làm sao những lời tôi nói khiến cho mọi người đều tin nhận. Tôi chỉ có duy nhất một lời nguyện như vậy, những thứ khác không tham cầu”. Thiên thần bảo: “Tốt! Nhất định sẽ được như ý ông muốn!”.

Đề Bà sau khi rời khỏi miếu thần, đi đến bái kiến Bồ Tát Long Thọ, xuống tóc xuất gia, thân đắp pháp phục, đi khắp nơi hoằng dương chánh pháp.

Dương thời, vua nước Nam Ấn Độ thống lãnh các nước nhỏ. Quốc vương tin theo tà đạo, trong nước không hề thấy một bóng dáng bậc Sa môn họ Thích. Cho nên, cả nước trên cũng như dưới, xa cũng như gần, tất cả đều bị tà giáo đồng hóa. Đề Bà suy nghĩ: “Nếu không đốn tận gốc cây, thân cành khó mà ngã

theo hướng mong muốn được. Cũng như vậy, nếu không hướng dẫn giáo pháp cho nhà vua trước, chánh pháp sẽ khó bề thực hiện trong quốc dân”.

Theo luật của đất nước này, triều đình theo định kỳ chi tiền tuyển chọn người bảo vệ cung điện. Đề Bà nghe tin, ứng thí vào vị trí tướng quân. Ngài mang giáo mác đi trước toàn quân, chỉ huy đội hình có trật tự, thứ lớp. Không cần ra vẻ oai nghi, nhưng đều khiến cho pháp lệnh được thi hành nghiêm túc, không cần hiển bày hết đức hạnh, nhưng toàn quân ai nấy cũng tin phục vâng lệnh. Nhà vua biết được chuyện, lấy làm vui mừng, bèn hỏi: “Người này là ai”? Người hầu cận đáp: “Người này đến ứng thí làm tướng quân, nhưng không nhận lương thực, và cũng chẳng nhận tiền cấp dưỡng của triều đình. Ông ta làm việc hăng say và có trách nhiệm, luyện tập lại rất nghiêm túc, hạ thần cũng không biết động lực nào khiến ông ấy đến đây?”.

Nhà vua cho người gọi Đề Bà đến gặp. Vua hỏi: “Ông là người thế nào?” Đề Bà đáp: “Tôi là người có trí tuệ thông suốt tất cả”. Nhà vua nghe xong giật

mình, liền hỏi: “Lâu lắm mới có một bậc trí tuệ như thế xuất hiện, sao ông lại tự xưng mình như vậy? Làm sao để biết được những lời ông nói là thật”? Đề Bà đáp: “Muốn biết trí tuệ của tôi, từ những lời tôi thốt ra cũng có thể biết. Quốc vương, thỉnh ngài chắt vấn tôi!”.

Nhà vua trong lòng nghĩ: “Ta là nhà đại luận sư có trí tuệ nhất trong vùng. Nếu câu hỏi của ta có thể đánh bại được người này, làm cho ông ta khuất phục, cũng chưa phải là xứng đáng để ca ngợi. Nhưng nếu không may ta thua ông ta, thì đây không phải là chuyện nhỏ. Tình cảnh này, nếu ta không đưa ra câu hỏi, thì ta đã chấp nhận thua trước rồi”. Nhà vua do dự cả buổi, cuối cùng bất đắc dĩ hỏi Đề Bà: “Những vị thiên thần trên trời trong lúc này đang làm gì?”. Đề Bà đáp: “Bây giờ họ đang đánh nhau với A Tu La”. Nghe tới đây, nhà vua có cảm giác như ăn thức ăn bị mắc nghẹn, muốn nuốt không xuống mà khạc cũng không ra. Muốn phủ nhận câu trả lời, nhưng khổ nỗi không có bằng cứ; muốn tán đồng với Đề Bà lại không có gì để chứng minh. Trong lúc nhà vua chưa biết nói thế

nào thì Đề Bà tiếp lời: “Tôi không có nói suông, bệ hạ đợi một lát sẽ rõ”. Vừa dứt lời, vô số loại binh khí ngắn dài từ trên trời liên tiếp rơi xuống. Quốc Vương bảo: “Tuy mâu, mác, giáo, kích là những loại vũ khí dùng trong các cuộc chiến, nhưng làm sao ông có thể chắc chắn là họ đang đánh nhau?”. Đề Bà đáp: “Những lời tôi nói bệ hạ còn cho là không thật sao. Có lẽ dùng lời không bằng dùng việc thật để chứng minh!”. Vừa nói hết lời, trên không trung rơi xuống vô số tay, chân, ngón tay, ngón chân, lỗ tai, lỗ mũi của các A Tu La. Nhà vua vừa nhìn thấy, liền năm vóc đánh lễ Đề Bà, một lòng tiếp nhận lời dạy của ngài. Tiếp đó trong cung điện có cả vài vạn người thuộc dòng tộc Bà La Môn đều xin xuống tóc xuất gia, vâng giữ giới pháp. Bấy giờ, Đề Bà tại hoàng thành dựng lên một pháp tòa cao và lập ra ba luận điểm:

Thứ nhất: trong tất cả bực thánh, Đức Phật là cao nhất.

Thứ hai: trong tất cả các pháp, giáo pháp của Đức Phật là vô thượng.

Thứ ba: trong những người cứu độ nhân loại,

không ai bằng đức Phật và Chư tăng.

Các vị luận sư đến từ tất cả các nơi, nếu có bất kỳ ai lật bỏ được ba luận điểm này, tôi sẽ lập tức chặt đầu mình nhận thua. Bởi vì sao? Bởi vì tôi lập nên được những luận điểm này mà không trụ vững được, tức là ngu si rồi. Cái đầu ngu như vậy cũng không giữ lại làm gì! Chặt bỏ cái đầu này để chịu tội, cũng chẳng có gì lấy làm tiếc!

Các vị luận sư sau khi nghe Đề Bà nêu ra giao ước, tất cả tập trung lại trước mặt ngài, đồng lòng thề rằng: “Nếu như chúng tôi tranh luận thua, cũng sẽ tự chặt đầu. Cái đầu ngu si ấy cũng không cần đến nữa thì chặt đi cũng không có gì để tiếc”. Đề Bà đáp: “Giáo pháp của Đức Phật dạy tôi phải thấm nhuần lòng từ bi, thương yêu muôn loài. Nếu lập luận của quý vị không hơn tôi, chỉ cần cạo sạch râu tóc làm đệ tử đức Phật là đủ rồi, không cần phải chặt đầu đâu!”.

Giao ước được thỏa thuận xong, có nhiều vị luận sư từ nhiều nơi đến, chuẩn bị sẵn nghìn lý thù thắng để biện luận cùng Đề Bà. Những vị thông minh nhưng chưa xuất sắc lắm, Đề Bà chỉ cần một câu là khuất

phục được họ. Những vị tài trí lão luyện hơn, nhiều lắm cũng không hơn hai ngày, Đề Bà đã làm cho họ đuối lý cạn lời. Theo đà như vậy, có nhiều vị luận sư xuống tóc làm đệ tử Đức Phật. Cuộc biện luận vẫn cứ tiếp diễn, người thua cuộc càng ngày càng đông. Mỗi ngày nhà vua cho mười chiếc xe chở y áo và bình bát đến nơi, rông rãi trong suốt ba tháng trời. Tính đến ngày kết thúc, Đề Bà đã hóa độ được trăm vạn người.

Trong số những người thua cuộc, có đệ tử của một nhà ngoại đạo. Người này tánh tình hung dữ, ngoan cố. Thầy của ông ta đã bị Đề Bà đánh bại, khiến ông cảm thấy bị sỉ nhục, tuy ông không biểu hiện ra bên ngoài, giả vờ tùy thuận theo đại chúng, nhưng trong lòng chất chứa oán giận. Một hôm ông bèn ngậm dao phát lời thề: “Ông dùng lời nói để làm thầy tôi thua cuộc, tôi sẽ dùng dao để thắng ông. Ông đã dùng con dao vô hình để xâm phạm thầy tôi, tôi sẽ lấy con dao thật để trả thù ông!”. Sau khi phát ra những lời thề độc như vậy, lúc nào bên cạnh người này cũng mang theo một con dao bén, đợi thời cơ đến sẽ đâm Đề Bà. Bấy giờ tất cả các luận sư xuất chúng khắp nơi đều bị Đề Bà

khuất phục. Xong việc, ngài đi vào rừng sâu tìm nơi yên tĩnh, viết “Bách Luận” gồm hai mươi phẩm, và soạn “Tứ Bách Luận” để đánh tan vô số tà kiến ngoại đạo. Những người đệ tử của ngài cũng ngồi xung quanh dưới các gốc cây, tọa thiền tư duy.

Vào một hôm, Đề Bà tọa thiền xong, đứng lên đi kinh hành trong rừng. Ngay lúc đó vị đệ tử của ngoại đạo đến bên cạnh ngài, tay cầm con dao rất bén có mũi nhọn, nói với Đề Bà: “Ông dùng lời để phá kiến giải của thầy tôi. Lời của ông làm sao mà thắng qua cái dao này đâm qua bụng ông!”. Vừa dứt lời, ông ta lập tức dùng dao đâm mạnh vào bụng, làm cho nội tạng của ngài rơi xuống đất. Đề Bà bị đâm xong, trước lúc nhắm mắt, ngài còn từ bi xót thương người thiếu trí ác độc này, bèn nói với ông ta: “Tôi có ba tấm y và một bình bát để ở chỗ ngồi của tôi, ông có thể cầm lấy rồi đi ngay. Nhanh tìm hướng có núi cao mà trốn! Đừng có chạy xuống phía đường lớn ở đồng bằng. Ở đó tôi có rất nhiều vị đệ tử chưa chứng đắc pháp nhẫn⁶,

⁶ 法忍 Pháp nhẫn:

chắc chắn họ sẽ tìm cách bắt ông, đến lúc đó nhà vua sẽ trối ông lại hành pháp.

Vì ông chưa thấm nhuần được hương vị của pháp, nên chỉ biết trân quý cái sắc thân, chấp tình còn quá sâu nặng, đối với danh tiếng còn quá quan tâm, quá chú trọng. Vì chỉ biết vì sắc thân này và danh tiếng, mà phải gánh lấy vô số đau khổ. Thân thể và danh dự là nguồn gốc của phiền não. Vì không nghe được Phật pháp nên người thiếu trí tuệ thường bị vọng tưởng làm điên đảo mà phạm sai lầm, quý cái thứ không đáng giá,

(1) Nghĩa là đối với pháp nghĩa vi diệu, thâm sâu được nói trong các kinh, không sanh tâm lo sợ mà có thể siêng năng học hỏi, đọc tụng để an trú trong chân lý của giáo pháp. Nhẫn là nhẫn nại, đồng thuận, an nhẫn, nghĩa là có thể kham nhẫn cảnh trái nghịch mà không khởi tâm sân hận. (Trích: Đại Từ Điển Phật Quang, quyển 4, trang 3351)

(2) Đại sư Ấn Thuận, “Bát Nhã Kinh Giảng Ký”, trang 89: “Theo Âm Tiếng Phạn, Sằn Đề (Kṣānti) tức là “nhẫn”. Nhẫn không những là nhẫn nhục, mà còn có nghĩa là nhẫn khổ, chịu cực, đồng thuận (nhìn thấu rồi quyết định) sự và lý. Nói về nhẫn, các luận thuyết đề cập đến ba ý. 1: Nhẫn chịu các nỗi khổ trong công việc giữa người với người, gọi là “sanh nhẫn”. 2: Nhẫn chịu các lao khổ, bệnh khổ trong thân tâm, cho đến các nỗi khổ do mưa gió, nóng lạnh gây ra, gọi là “pháp nhẫn”. 3: An nhẫn trong tính vô sanh của các pháp gọi là “vô sanh nhẫn”, “Vô sanh nhẫn” là trí huệ bát nhã.

thứ quý giá lại xem thường, như thế không phải quá đau lòng sao? Tôi đã thọ nhận giáo lý của đức Phật, nên không làm những hành vi khờ dại như thế. Điều khiến cho tôi bận tâm là ông đã bị tâm cuồng vọng đánh lừa, về sau phải chịu quả khổ không có chỗ dừng nghỉ, bị ác độc của sân hận phiền não thiêu đốt, đến đâu cũng chỉ biết khóc mà nhận lấy. Nhưng mà vốn dĩ không có người thọ quả báo, cũng không có chủ thể tạo nghiệp. Người và chủ thể đều không, thì bi thương khổ não là ai? Dùng thực thể để cầu vô thể, mà thực thể là không, thì thực thể ấy không có chỗ đạt đến. Người chưa thể ngộ được đạo lý này, dễ dàng bị tâm niệm cuồng loạn làm mê hoặc, bị những ý nghĩ sai lầm điên đảo làm chướng ngại. Bởi vì còn mong cầu, khiến cho tâm chấp trước bám vào trên sự tướng, nên mới có ngã (tôi), có đối phương, có khổ, có vui ... vô số phân biệt như vậy.

Khổ và vui có mặt, đều do “xúc” mà sanh ra chấp trước (“xúc” là nhận thức được sanh khởi do sự hòa hợp của sáu căn, sáu cảnh và sáu thức. Nếu gặp được cảnh đẹp, lập tức cảm thấy vui, đến nơi không vừa ý

cảm giác khổ có mặt). Nếu diệt trừ được chấp trước, thì có thể thấy được chân tướng của vạn pháp. Khi ấy những nhận thức sai lầm không có chỗ bám vào. Những sai lầm không thể tiếp tục sanh khởi thì sẽ không còn “khổ”, “khổ” không còn thì “lạc” cũng không. “Khổ” và “lạc” không còn sanh khởi, tịch tịnh sẽ gần kề”. Nói xong những lời này, một vị đệ tử hay tin trước tiên, đến bên cạnh ngài, nhìn cảnh tượng thật đau lòng, đau đớn la lớn tiếng. Những vị khác nghe được tiếng kêu la, từ trong rừng chạy đến. Những người chưa chứng đắc được pháp nhãn hốt hoảng sợ hãi, đấm ngực đập đất, gục tại chỗ than khóc: “Oan uổng quá! thảm khóc quá! cuối cùng là ai đã đối xử với thầy của tôi như vậy?”. Có người chạy đi như phát cuồng, muốn bắt cho được ác tặc. Mọi người chia nhau đi tìm, la lớn tiếng: “Nhanh đuổi theo ác tặc!”. Âm thanh vang dội đến khắp các khe núi yên tĩnh.

Bấy giờ, Đề Bà từ bi căn dặn các đệ tử: “Trong thật tướng của các pháp, có người bị oan sao? Ai là tàn khóc? Ai là giết người? Ai là thân thể bị cắt rời? Trong thật thể của các pháp, không có một người thọ

quả báo, và cũng không có người gây hại. Ai là người thân? Ai là kẻ thù? Ai là ác tặc? Ai là người hành hung giết hại? Các thầy đã bị chất độc của ngu si làm lòa mắt, vọng tưởng sanh phân biệt chấp trước nên đã khóc than náo loạn, hạt giống thiện không được gieo trồng tươi tắn. Thật ra, người đó chỉ giúp tôi chấm dứt những tội chướng, không hề làm tổn hại đến tôi! Các thầy cần phải suy xét lại, không được phát cuồng lên chạy đi rượt bắt ông ta, càng không nên đau lòng thống khổ vô ích”. Nói xong, Đề Bà an tường xả báo thân, tự tại vào Niết Bàn.

Bồ Tát Đề Bà do móc hết một mắt trao cho Thiên Thần, nên chỉ còn lại một mắt. Thời bấy giờ mọi người gọi Ngài là “Độc Nhãn Đề Bà” (nghĩa là Đề Bà một mắt).

Trong câu chuyện này có những điểm chúng ta nên nhớ để thức tỉnh chính mình:

Bồ Tát Đề Bà không tiếc thân mạng, vì pháp quên mình, phá tà hiển chánh. Ngài không phải cùng người tranh hơn thua, mà vì xót thương ngoại đạo không hiểu được chánh pháp, mong muốn hướng dẫn họ

hướng đến chánh đạo, đạt được giải thoát.

Bồ Tát Đề Bà tuy chỉ còn một con mắt, nhưng không chú trọng tướng mạo bên ngoài. Ngài không còn chấp ngã, không còn tướng vô ngã, không còn tướng chúng sanh, chỉ có lòng từ bi, đối với người hại mình không khởi tâm sân giận, chỉ mong cho người ấy được trốn thoát, khuyên răn đệ tử không nên đuổi bắt. Đúng là từ trong vô ngã phát khởi tâm từ bi chân thật.

Đề Bà căn dặn các đệ tử: Có nhân tạo nghiệp tức có quả thọ nhận. Khi chưa thọ quả báo mà không chịu tu tập, thì nghiệp lực không thể chuyển hóa dần được. Ngoại đạo giết tôi, chỉ giúp những nghiệp báo đời trước của tôi đến đây kết thúc, ông ta chẳng phải hại tôi!

Chúng ta thiết nghĩ: Người bình thường nếu gặp ai chửi tôi, giết tôi, hay có ai muốn báo thù, thì sẽ nghĩ: Tôi đối với người rất tốt, tại sao người lại đối xử với tôi như vậy? Suy nghĩ như vậy chỉ là nông cạn bên ngoài thôi. Nếu chúng ta bị người hại, có thể quán chiếu như Bồ Tát Đề Bà không?

Cùng quý vị chia sẻ đến đây, chúng ta cùng nhau
tinh tấn!

Lớp giáo dục Phật Pháp Phước Nghiêm, ngày 09 tháng 11 năm 2013